



Chúc Mừng Năm Mới Kỷ Hợi 2019



LỜI NGỎ

Thưa quý vị cùng các bạn!

Năm Mậu Tuất - 2018 dần khép lại. Nhịp sống rộn rã, vui tươi của những ngày cuối năm đã báo hiệu một mùa xuân mới lại đến. Trong năm qua, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới Hội An đã đạt được những thành tựu nổi bật. Trong thành tựu chung đó, “Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản” cũng đã có những đổi mới, chuyên sâu về nội dung, kịp thời đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu của độc giả. Sự cộng tác đầy tâm huyết của nhiều tác giả cùng với sự cổ vũ nhiệt tình của quý vị và bạn đọc là nguồn động lực to lớn tạo tiền đề quan trọng để “Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản” ngày càng hữu ích và hấp dẫn hơn.

Năm Kỷ Hợi - 2019 là năm mà thành phố Hội An có nhiều hoạt động kỷ niệm 20 năm Di sản Văn hóa thế giới Hội An và 10 năm Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An. Trong tinh thần hướng đến kỷ niệm sự kiện quan trọng này và trong niềm hân hoan đón mừng năm mới, “Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản” số 01 (45)-2019 chào Xuân Kỷ Hợi - 2019 như là món quà nhỏ trân trọng gửi đến quý vị và các bạn.

Trước thềm năm mới Kỷ Hợi - 2019, kính chúc quý vị, các bạn cùng gia quyến một năm mới An Khang, Thịnh Vượng, Vạn Sự Như ý!

TRUNG TÂM QUẢN LÝ BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA HỘI AN

Địa chỉ: 10B - Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 0235.3864625 - 0235.3862946 - 0235.3862367

Fax: 02353.861.779 * Email: ttqlbtdt@gmail.com * Website: hoianheritage.net

Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An
Chi hội khoa học lịch sử Hội An
Chi hội văn nghệ dân gian Hội An

Chỉ đạo nội dung
Nguyễn Chí Trung
Giám đốc Trung tâm Quản lý
Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An

Ban biên soạn
Trần Văn An
Nguyễn Văn Lan
Phùng Tấn Đông
Võ Hồng Việt
Trương Hoàng Vinh
Phạm Phước Tịnh

Trình bày
Võ Hồng Việt

Thiết kế bìa
Trần Thanh Hoàng Phúc

Số 01 (45) - 2019

⊗ Trao đổi chuyên môn nghiệp vụ

- Siết chặt quân thù giữa phố Hội An - ThS. Nguyễn Văn Lan3
- Một số sự kiện liên quan đến Hội An vào năm Hợi qua một số tư liệu lịch sử - ThS. Phạm Phước Tịnh 9.
- Ngày Xuân treo chữ Phúc trong nhà - ThS. Huỳnh Đông.....12
- Ăn Tết và chợ buôn hàng Tết ở Hội An ngày trước - Nnc. Nguyễn Bội Liên15
- Hoa Cúc vàng trong văn hóa Tết cổ truyền ở Hội An - CN. Nguyễn Thị Mẫn Vy18
- Mâm ngũ quả ngày Tết ở Hội An - NNC Nguyễn Đức Minh23
- Những món ăn trong ngày Tết của người Hoa ở Hội An - CN. Tống Quốc Hưng25
- Tết Nguyên Đán với ngày dân sanh Bô tát Di Lặc trong văn hóa Phật giáo ở Hội An - CN. Nguyễn Văn Thịnh29
- Lễ chùa ngày Tết ở Hội An - KTS. Trần Thanh Hoàng Phúc34
- Nét thú vị trong cách đón Tết của người Hội An - ThS. Nguyễn Hoài Quang39
- Năm Hợi với những sự kiện liên quan đến di tích ở Hội An - CN. Võ Hồng Việt41
- Thời kỳ Tây Sơn ở Hội An - PGS.TS. Đỗ Bang.....45
- Đời sống kinh tế của cư dân Văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An - Các hoạt động kinh tế thủ công - ThS. Lê Duy Sơn50
- Vài nét về làng Cẩm Phô - ThS. Nguyễn Chí Trung58
- Thông tin về hội chợ Fairfo (Hội An) thời Pháp thuộc - CN. Trần Phương63
- Cẩm Hải nhị cung và chuyện định danh - Trương Nguyễn Ngã67
- Bảo tàng với hoạt động giáo dục di sản hướng đến thế hệ trẻ - CN. Lê Thị Tuấn.....70
- Nhà khoa học trẻ ở Hội An liên tục được vinh danh ở trời Âu - Lê Viết Hai73
- Hội An với một số sự kiện tiêu biểu trong năm 2018 - CN. Lê Thị Ngọc Hương75

⊗ Thông tin tư liệu

- Một tư liệu Hán Nôm thời Quang Trung về Quảng Nam - CN. Trần Văn An80

⊗ Tin tức - Sự kiện

⊗ Văn bản pháp quy

⊗ Di sản đó đây

SIẾT CHẶT QUÂN THÙ GIỮA PHỐ HỘI AN

ThS. Nguyễn Văn Lanh

Chiến công oanh liệt của quân và dân Hội An trong Mùa Xuân Kỷ Dậu 1969 đã gây nên một cơn địa chấn làm rung động hệ thống cai trị, kìm kẹp của Mỹ - ngụy ở chiến trường Quảng Nam. Chiến công này có ý nghĩa rất lớn để quân và dân Hội An tiếp tục giương cao ngọn cờ chiến đấu góp phần làm nên chiến thắng vĩ đại của dân tộc vào Mùa Xuân năm 1975. Kỷ niệm 50 năm chiến thắng Xuân Kỷ Dậu, Ban Biên soạn trân trọng giới thiệu đến độc giả bài “Siết chặt quân thù giữa phố Hội An” của tác giả Nguyễn Văn Lanh.

“Giữa Mùa Xuân gió dậy rừng dừa...”

Quân địch ở Hội An đã thấm những đòn đánh đau, đánh hiểm liên tục của quân và dân ta trong các năm 1967 - 1968. Cho nên, Tết Kỷ Dậu 1969 càng đến gần thì từ chỉ huy Mỹ, lính Nam Triều Tiên đến các đơn vị quân lực Việt Nam cộng hòa ở Hội An dự lường ta sẽ đánh lớn vào dịp Tết nhưng đánh vào đâu, quy mô, phương thức, sử dụng lực lượng như thế nào thì không tài nào phán đoán nổi. Vì vậy, chỉ còn cách ban bố

lệnh báo động, điều thêm lực lượng và hỏa lực các nơi về bảo vệ tỉnh lỵ, ráo riết canh phòng, chuẩn bị đối phó khi bị tấn công. Nhưng trong khi hết sức cảnh giác phòng ngự ở các hướng đông, đông bắc và tây nam là những nơi gần đường tiến quân của ta từ vùng hậu cứ, thì ở hướng bắc và hướng tây, quân địch lại để hở sườn vì quá tin vào một hệ thống chốt điểm, cứ điểm dày đặc của lính Nam Triều Tiên bủa dọc từ Thanh Hà - Cẩm Hà.

Trong nhiều ngày đêm, từ vùng hậu cứ các xã phía đông Duy Xuyên và Thăng Bình, Thị ủy và Thị đội Hội An liên tục tổ chức các cuộc bàn thảo, lựa chọn phương án tác chiến tối ưu nhất. Cán bộ chỉ huy và trinh sát các đơn vị ban đêm bí mật luôn về thị xã, tiếp cận các mục tiêu dự định tấn công, chọn đường tiến, hướng đột nhập. Bộ đội, du kích tổ chức huấn luyện, xây dựng sa bàn, nắm kỹ địa hình địa vật, nghiên cứu kỹ thuật, chiến thuật phù hợp với từng mục tiêu, dùng lối đánh thọc sâu chia cắt, đánh nhanh tiến chắc, “*nở hoa trong lòng địch*”. Hướng tấn công chủ yếu từ phía tây và phía bắc, các hướng tấn công thứ yếu từ phía đông và phía nam, tạo thành vòng vây siết chặt quân thù giữa lòng nội ô.

Trên hướng chủ yếu, mũi 1 (*mũi chủ yếu*) từ phía tây do đại đội 2 đặc công đảm nhiệm, gồm 65 cán bộ, chiến sĩ được trang bị 6 khẩu B40 và B41, 3 khẩu M79, 1 đại liên, còn lại tiểu liên, lựu đạn, thủ pháo dưới sự chỉ huy của đại đội trưởng Trần Trung và chính trị viên Nguyễn Nhỏ. Nhiệm vụ của đơn vị tiêu diệt bót địch tại bến xe, đồn bảo an ngã ba Tin Lành, trung tâm thẩm vấn (*nhà Tăng Dục*), cơ quan USOM, Phụng Hoàng, nhà an ninh quân đội, làm chủ toàn bộ các khu phố trên hướng này. Mũi thứ 2 do đội trinh sát vũ trang an ninh đảm nhiệm gồm 36 chiến sĩ được trang bị 2 khẩu B40, 25 AK dưới sự chỉ huy của đội trưởng Phan Ngọc Nhân. Nhiệm vụ của đơn vị tấn công trung tâm chiêu hồi, sau đó tổ chức trận địa chốt chặn đánh địch từ Thanh Hà xuống chi viện cho tiểu khu.

Hướng tấn công từ phía bắc do đại đội 3 bộ binh đảm nhiệm, gồm 60 cán bộ, chiến sĩ được trang bị 6 khẩu B40 và B41, 3 khẩu M79, 1 đại liên, 30 AK và lựu đạn, thủ pháo dưới sự chỉ huy của đại đội trưởng Văn Thanh Tùng và chính trị viên Lê Thanh Quảng. Nhiệm vụ của đơn vị đánh vào các vị trí địch ở khu vực sân bay, miếu Ông Cọp, tiến qua tiểu khu Quảng Nam.

Hướng tấn công thứ yếu từ phía nam. Mũi thứ nhất đội đặc công nước (N5) đảm nhiệm, gồm 26 cán bộ, chiến sĩ được trang bị 2 khẩu B40, 20 AK, mỗi người 10 lựu đạn, thủ pháo do đội trưởng Phạm Thanh Năm chỉ huy. Nhiệm vụ của đơn vị bí mật vượt sông An Hội,

đánh chiếm các mục tiêu phía nam tiểu khu, sau đó tổ chức trận địa phòng ngự đánh địch phản kích. Mũi thứ 2 do đại đội 1 bộ binh đảm nhiệm, gồm 65 cán bộ, chiến sĩ được trang bị 4 khẩu B40 và B41, 1 cối 60, 10 mìn ĐH, 30 AK dưới sự chỉ huy của đại đội trưởng Lê Công Cảnh và đại đội phó Lê Văn Ba. Nhiệm vụ của đơn vị tập kích tiêu diệt đồn thám báo tuần giang sau đó tiến đánh trại biệt kích Tây Hồ, chiếm đầu cầu Cẩm Nam, cùng mũi đặc công nước tiếp tục đánh lên hướng nhà lao hợp cùng mũi chủ yếu thứ 2 của đại đội 3.

Hướng chi viện do đại đội 4 trợ chiến (hỏa lực) đảm nhiệm gồm 85 cán bộ, chiến sĩ với 2 khẩu cối 82, 4 khẩu ĐKZ75 dưới sự chỉ huy của đại đội trưởng Phạm Oanh và chính trị viên Đỗ Xuân Bảng, bố trí tại Xuyên An và Xuyên Thọ pháo kích kiềm chế hỏa lực địch ở khu vực tiểu khu và trận địa pháo Chi Lăng.

Ngoài ra còn có hàng trăm cán bộ, chiến sĩ du kích các xã, lực lượng tự vệ mật thường xuyên tuần canh, nắm tình hình, phối hợp đánh các vị trí địch ở các khu đồn, trại tập trung, áp chiến lược, diệt bọn tề ác ôn, làm tan rã các trung đội nghĩa quân và phòng vệ dân sự, đảm bảo hành lang cho bộ đội hành quân tiếp cận trận địa theo từng hướng an toàn. Ba tổ du kích mật ở nội thành và các cơ sở nội tuyến trong hàng ngũ nguy quân, nguy quyền được lệnh sẵn sàng phối hợp tác chiến. Lực lượng binh vận của thị xã và các xã chuẩn bị áp sát các căn cứ, chốt điểm lính Nam Triều Tiên rải

truyền đơn, dán áp phích, treo khẩu hiệu, dùng loa kêu gọi án binh bất động. Lực lượng giao vận hỏa tuyến huy động gần 60 chiếc thuyền bố trí dọc các tuyến sông từ Xuyên Thọ qua Cẩm Thanh, sang Cẩm Châu, sẵn sàng phục vụ bộ đội hành quân theo phương án đã duyệt. Các trạm phẫu thuật, trạm xá dã chiến và lực lượng của Ban Dân y thị xã được huy động chuẩn bị chu đáo để cứu chữa kịp thời.

Ban chỉ huy Thị đội phân công cán bộ lãnh đạo đứng từng hướng để chỉ đạo. Sở chỉ huy phía trước đi cùng hướng chủ yếu phía bắc do đồng chí Trần Văn Bừa - Thị đội phó chỉ huy. Sở chỉ huy phía sau đóng tại Xóm Chiêu - An Mỹ do Thị đội trưởng Trần Hồng Thái và Thị đội phó Đinh Văn Minh chỉ huy. Sở chỉ huy chung cho toàn chiến dịch đặt tại làng Trà Quân thôn 5 xã Cẩm Thanh do đồng chí Ngô Xuân Hạ - Bí thư Thị ủy và đồng chí Đoàn Ngọc Trương - Chính trị viên phó Thị đội đảm nhận.

“Nở hoa trong lòng địch”

Tất cả đã sẵn sàng cho trận đánh lớn. Tết Kỷ Dậu dần trôi qua. Quân địch ở Hội An mừng thầm vì tưởng sắp “*tai qua nạn khỏi*”. Trong khi đó, tại căn cứ rừng dừa Cẩm Thanh, 5 giờ chiều 22/2/1969 (*Mùng 4 âm lịch*), trước hàng trăm chiến sĩ, Ban Thường vụ Thị ủy Hội An đọc lệnh giao nhiệm vụ cho các đơn vị. Màn đêm vừa xuống, từng hướng, từng mũi bắt đầu vượt sông tiến về Hội An.

Đêm ngày 22/02/1969, từ 21 giờ các đơn vị xuất kích. Ở hướng chủ yếu, đại đội 2 và đại đội 3 lần lượt vượt qua sân bay, luồn vào tiếp cận áp sát các mục tiêu đã định. Đúng giờ G nổ *súng (1 giờ sáng)*, tổ thọc sâu của mũi chủ yếu thuộc đại đội 2 do đồng chí Nguyễn Văn Trước làm tổ trưởng, sử dụng khẩu B40 tiêu diệt lô cốt địch tại ngã ba Tin Lành, làm hiệu cho trận đánh. Các mũi, các tổ ở các hướng chủ yếu, thứ yếu, hỏa lực đồng loạt tấn công. Những quả đạn cối 82, 60, ĐKZ75, B40, B41... dồn dập nã vào các vị trí địch. Bộ đội ta xông lên dùng bộc phá, thủ pháo, lựu đạn và tiểu liên diệt gọn từng toán địch đang láo nháo, kinh hoàng. Chỉ sau mấy phút, đại đội 2 đặc công đã đánh chiếm cơ quan USOM, trung tâm thẩm vấn (*nhà Tểng Dục*), cơ quan Phụng Hoàng, đồn quân cảnh, khu vực bến xe, tiêu diệt và bắt sống hàng trăm tên, làm chủ toàn bộ khu phố từ bến xe xuống đến đường Nhị Trưng. Đại đội 3 diệt các vị trí địch ở khu vực miếu Ông Cọp, nhà lao và tỉnh đoàn bảo an. Đội trinh sát vũ trang an ninh đánh chiếm trung tâm chiêu hồi.

Ở hướng thứ yếu, đội đặc công nước đánh chiếm cầu lạc bộ sĩ quan, làm chủ khu vực chợ và các dãy phố dọc đường Bạch Đằng và Nguyễn Thái Học, tiếp tục tiến lên đường Nguyễn Huệ tiêu diệt hội đồng xã Minh Hương, đồn cảnh sát dã chiến, ty thông tin. Đại đội 1 bộ binh từ Cồn Chài đánh vào đại đội thám báo tuần giang, tiếp tục vận động tiến công sở chỉ huy biệt kích Tây Hồ dưới cầu Cẩm Nam. Tuy nhiên, do cơ sở nội

ứng phản bội báo giác cho địch bố trí cả một trận địa mìn claymo dày đặc đón sẵn nên quân ta bị thương vong nhiều. Các tổ hỏa lực dùng B40, B41 đánh các lô cốt đầu cầu Cẩm Nam nhưng sau 10 phút vẫn không chiếm được. Chỉ huy phải lệnh cho đơn vị rút ra củng cố lực lượng. Mũi này không thể tiến lên để hợp cùng 3 mũi khác theo phương án tác chiến nên địch có điều kiện tập trung hỏa lực phản kích quyết liệt, gây cho ta nhiều khó khăn.

Du kích các xã đánh vào các cơ quan hội đồng và các bót gác địch trong các khu đồn. Các tổ du kích mật ở nội ô phối hợp những mũi tiến công của bộ đội đánh chiếm các mục tiêu, truy bắt ác ôn bình định. Lực lượng binh vận rải truyền đơn, treo khẩu hiệu xung quanh các cứ điểm, chốt điểm lính Nam Triều Tiên cảnh báo muốn yên thân thì phải án binh bất động. Khi tiếng súng của lực lượng vũ trang bắt đầu nổ, quần chúng ở các khu đồn Ngọc Thành, Cẩm Nam, Cẩm Kim, Cồn Chài, Trường Lệ, Sơn Phong đồng loạt nổi dậy đốt phá khu đồn, giúp bộ đội và du kích táo trừ, lùng bắt bọn ác ôn.

Sau một giờ nổ súng các mũi tiến quân của ta đã áp sát tiểu khu Quảng Nam. Địch dựa vào hệ thống công sự cố thủ, dùng đại liên bắn dọc các trục đường chặn các mũi tiến công của ta. Theo kế hoạch tác chiến đã thống nhất, từ 3 giờ sáng Ban chỉ huy trận đánh ra lệnh ngừng tấn công, chuyển sang phương án 2, lợi dụng địa hình địa thế chuẩn bị trận địa sẵn sàng đánh địch

phản kích. Các mũi đều lập các tổ làm công tác tuyên truyền, rải truyền đơn, treo cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, vận động quần chúng xung phong chuyển bàn ghế, giường tủ, đồ đạc trong nhà ra chắn ngang các đường phố dựng các chướng ngại vật, làm chiến lũy. Một tổ của đại đội 2 cải trang thành lính ngự chốt giữ lô cốt tại công cơ quan USOM để lừa nhử địch lọt vào trận địa phục kích.

Bị một đòn quá bất ngờ và choáng váng nên đến 9 giờ sáng địch mới điều động được 3 đại đội địa phương quân tăng viện mở đợt phản kích vào các trận địa của ta. Ở hướng đại đội 2, một trung đội địa phương quân mở đường dọn chướng ngại vật trên đường Phan Đình Phùng, vừa tiến chậm vừa cảnh giác. Đồng chí Nguyễn Văn Trước tổ trưởng tổ 1 trong bộ binh phục lính ngự ôm khẩu đại liên đứng trên lô cốt trước công cơ quan USOM la hét yêu cầu viện binh lên mau. Tưởng thật, cả đội hình địch phía sau hò hét ào lên, khi chỉ còn cách 10m, đồng chí Nguyễn Văn Trước lia một tràng đại liên diệt ngay toán lính đi đầu. Các tổ ém quân hai bên đường ném lựu đạn, thủ pháo tới tấp vào đội hình địch, chỉ sau 5 phút toàn bộ trung đội lính địch bị diệt. Trên hướng đại đội 3, ở các vị trí phục kích quân ta bình tĩnh chờ địch đến thật gần rồi bất ngờ dùng lựu đạn, bộc phá, B40, B41 đồng loạt nổ, đẩy lùi tất cả các đợt xung phong của chúng. Xác giặc nằm ngổn ngang trên các đường phố, số còn lại tháo chạy hoảng loạn.

Ở hướng phía nam, địch từ căn cứ biệt kích Tây Hồ và chi khu quân sự Hiếu Nhơn phản kích đánh vào đại đội 1. Do địa thế không thuận lợi và quân địch đông gấp nhiều lần nên đến 10 giờ trưa quân ta phải rút qua bên kia sông. Quân địch cơ động lực lượng chi viện cho các hướng phản kích phía tây và phía bắc tiểu khu.

Quân địch củng cố đội hình và thay đổi thủ đoạn, dùng pháo bắn vào các vị trí phòng thủ của ta, rồi kêu thêm viện binh mở những đợt phản công dữ dội hơn. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng quyết liệt. Các mũi, các tổ kiên cường bám chắc trận địa đánh địch, giành giật từng căn nhà, góc phố. Nhiều cán bộ chỉ huy và chiến sĩ đã anh dũng chiến đấu đến viên đạn cuối cùng.

Ở các hướng miếu Ông Cọp, Xóm Mới, khu công chánh, quân địch điều động hàng loạt xe GMC, có xe tăng, xe bọc thép yểm trợ, đổ quân phản kích theo 3 hướng từ sân bay vào, từ cây da kền qua và từ cứ điểm Chi Lăng tràn sang. Quân ta gan dạ, bình tĩnh dựa vào địa hình, địa vật, giữ chặt đội ngũ, tiếp tục đánh trả các đợt xung phong của địch suốt buổi sáng 23/02/1969. Đến 8 giờ 30, đại đội trưởng Văn Thanh Tùng bị thương ở đầu, 10 giờ 30 phút chính trị viên Lê Thanh Quảng cũng bị thương, phải tự băng bó và tiếp tục chiến đấu. Về chiều, tình thế trở nên vô cùng quyết liệt, địch dùng xe tăng và ĐK bắn thẳng vào các dãy phố, nhà dân bốc cháy ngùn ngụt. Nhiều cán bộ chỉ huy bị thương và hy sinh, ở các mũi đều có tổn thất lực

lượng. Địch tưởng ta nồng thế ồ ạt xông lên nhưng lại gặp phải sự đánh trả ngoan cường của các chiến sĩ, các đợt tiến quân của chúng đều bị chặn lại. Thượng sĩ Trần Thị Khải xung phong đảm nhận sử dụng B.40 và đại liên, dũng cảm lao vào trận địa, sát cánh cùng đồng đội chiến đấu ngoan cường và đã anh dũng hy sinh. Nữ y tá Huỳnh Thị Lựu đang chăm sóc cho 2 thương binh trong ngôi nhà ở góc phố gần miếu Ông Cọp thì địch ồ ạt tiến đến. Một mình với khẩu tiểu liên và những quả lựu đạn, Huỳnh Thị Lựu đánh trả từng đợt tấn công của địch, chân phải rồi đến chân trái bị trúng đạn nhưng Lựu vẫn ngoan cường chiến đấu; súng hết đạn, chị đập gãy súng quyết có chết cũng không để vũ khí lọt vào tay giặc. Bọn địch phun xăng đốt cháy cả ngôi nhà nơi Huỳnh Thị Lựu vừa kiệt sức ngã xuống. Đến 15 giờ chiều, các mũi của đại đội 3 rời khỏi trận địa rút về tuyến sau.

Ở mũi tiến quân của đội đặc công nước, trung đội trưởng Lê Văn Đa sau khi chỉ huy đơn vị tiêu diệt địch tại lô cốt gần cầu lạc bộ sĩ quan, tiếp tục dẫn đầu một tổ xung kích vượt qua đường Hoàng Diệu, thọc sâu vào cơ quan hội đồng xã Minh Hương¹. Đến sáng địch phản kích, 2 chiến sĩ cùng tổ bị thương làm nhiệm vụ lấp đạn tiếp tế để Lê Văn Đa đánh trả. Từ một căn gác ở góc phố Hoàng Diệu, từng loạt đạn chính xác của Lê Văn Đa hạ gục hàng chục tên địch. Khi tình thế càng trở nên bất lợi, Lê Văn Đa ra lệnh cho 2 đồng đội thương binh dìu nhau lùi về phía sau còn mình tiếp tục bám trận

¹ Khu vực số 8 đường Hoàng Diệu hiện nay.

địa chiến đấu. Không tiến chiếm được, quân địch dùng ĐK và súng phun lửa đánh sụp căn nhà nơi Lê Văn Đa chốt giữ. Đến 16 giờ đội đặc công nước rút qua sông.

Ở hướng đại đội 2, đến 9 giờ đại đội trưởng Trần Trung bị thương dập nát cánh tay phải vẫn bình tĩnh chỉ huy đơn vị chiến đấu cho đến khi máu ra quá nhiều đã anh dũng hy sinh. Đại đội phó Trần Diễm và chính trị viên Nguyễn Nhỏ lên thay chỉ huy đại đội tiếp tục chiến đấu, đến 15 giờ 2 đồng chí hy sinh. Lúc này, do cầu cứu lính Nam Triều Tiên không được nên Bộ Tư lệnh quân đoàn 1 nguy điều động một tiểu đoàn thuộc trung đoàn chủ lực 51 có xe tăng yểm trợ từ Hòa Vang khẩn cấp vào ứng viện, tiến vào phía sau đại đội 2 và đội trinh sát an ninh vũ trang. Cùng lúc bọn địch ở hướng tiểu khu Quảng Nam cũng dồn toàn bộ binh lực, kể cả xe thiết giáp đánh thẳng lên. Tình thế hết sức khó khăn, cán bộ chỉ huy đại đội không còn ai và số chiến sĩ ta bị thương vong cũng khá nhiều, địch lại tăng cường hỏa lực phản kích. Đồng chí Phạm Quyết Chiến là chiến sĩ y tá của đại đội lấy tư cách người đảng viên đứng ra nhận nhiệm vụ chỉ huy đơn vị, bình tĩnh, gan dạ đánh trả thêm 4 đợt phản kích thì trời chập choạng tối. Quân địch không dám tiến lên nữa nhưng vẫn siết chặt vòng vây chờ đến ngày hôm sau tiếp tục tấn công tiêu diệt quân ta.

Chiến trường tạm yên tiếng súng. Theo mệnh lệnh của cấp trên, đại đội 2 bí mật thu quân, khẩn trương thu dọn

chiến trường, kiểm tra thương binh liệt sĩ, tìm nơi sơ hở của địch mở đường đưa đơn vị vượt sông Ngọc Thành về vùng giải phóng Cẩm Kim.

Cuộc tiến công và nổi dậy Xuân Kỷ Dậu 1969 là chiến công vang dội của Đảng bộ, quân và dân Hội An. Chỉ với lực lượng địa phương với quân số ít hơn địch 20 lần và trang bị chênh lệch quá lớn, nhưng bằng lối chỉ đạo sắc sảo, linh hoạt, quân dân thị xã đã giáng một đòn chí tử vào sâu trong sào huyệt tỉnh lỵ Quảng Nam, làm chủ nhiều khu vực trong nội ô một ngày một đêm, đẩy lùi tất cả các đợt phản công của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 276 tên địch (*trong đó có 5 cố vấn Mỹ*), diệt gọn 1 trung đội địa phương quân, 1 trung đội nghĩa quân, đánh thiệt hại nặng 2 đại đội bảo an, 2 đoàn bình định, một ban thẩm vấn, làm tan rã nhiều toán phòng vệ dân sự, bắn cháy 2 xe tăng và 2 xe GMC, phá sập 20 lô cốt, hầm ngầm, công sự phòng thủ của địch, thu 1 cối 81, 2 cối 60, 4 đại liên, 30 khẩu AR15.

Trong trận chiến đấu này có 30 cán bộ và chiến sĩ đã hy sinh (*trong đó có 4 cán bộ chỉ huy đại đội và 1 đội trưởng trinh sát an ninh*), 42 chiến sĩ bị thương. Quân và dân Hội An được tặng thưởng hai Huân chương Quân công hạng Ba¹ ♦

¹ Một Huân chương Quân công cho quân và dân toàn thị xã và một Huân chương Quân công cho Đại đội 2 bộ đội Hội An đã đạt thành tích xuất sắc trong chiến đấu.

MỘT SỐ SỰ KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN HỘI AN VÀO NĂM HỘI QUA CÁC TƯ LIỆU LỊCH SỬ

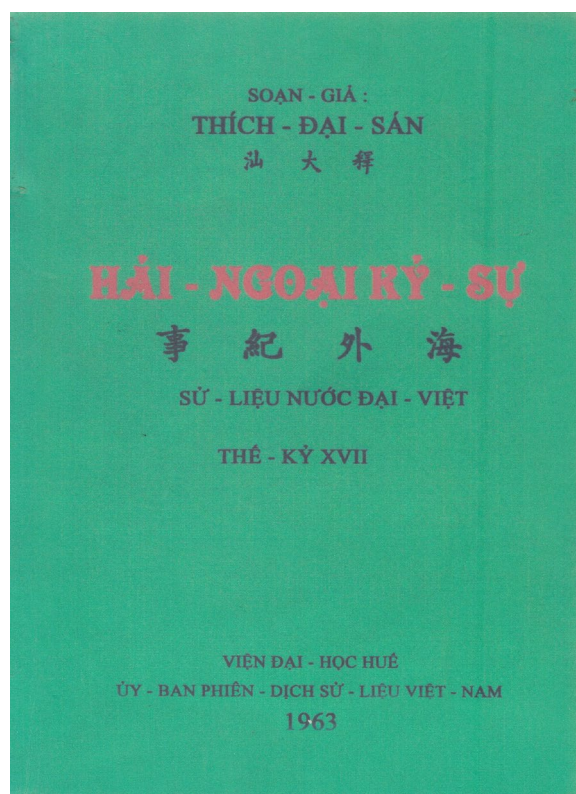
ThS. Phạm Phước Tịnh

Năm Ất Hợi - 1695

Thiền sư Thích Đại Sán đến Hội An, ông đã miêu tả khá tỉ mỉ về phong cảnh tập quán, tình hình sản xuất, thương mại ở Đàng Trong trong tác phẩm *Hải ngoại kỷ sự* như sau: “...Vì Hội An là một mã đầu lớn, nơi tập hợp của khách hàng các nước; thẳng bờ sông, một con đường dài ba bốn dặm, gọi là Đại Đường Cái, hai bên đường hàng phố ở liền nhau khít rịt, chủ phố thấy đều người Phúc Kiến, vẫn ăn mặc theo lối tiền triều (nhà Minh). Phần đông phụ nữ coi việc mua bán. Những khách trú ở đây hay cưới vợ bản xứ cho tiện việc thương mại. Cuối đường là cầu Nhật Bản, tức Cẩm Phố; cách bờ bên kia tức Trà Nhiêu, nơi đình bạc của các tàu ngoại quốc. Nhân dân đông đúc, cả tôm rau quả tập hợp mua bán suốt ngày. Thuốc Bắc hay các món hàng khác, tìm mua ở Thuận Hóa không có thì người ta vào mua ở đây. Đại ước Hội An đông nam bắc ba mặt gần biển, chỉ có phía tây đường núi liên tiếp, thông Tây Việt và Đông Kinh. Vì thế cách phía tây chừng mười dặm có đặt một nha trấn thổ như Vương phủ để phòng ngự lân bang. Khách trú đông đảo, sống thì làm ăn, đến lúc lâm chung, bỏ vợ lẽ thân, nắm xương đành gửi quê người...”.

Cũng trong năm 1695, Thomas

Bowyear đến Đàng Trong và có những ghi chép về Hội An được đăng trong tập sách *Những người bạn cổ đô Huế*, tập VII năm 1920 như sau: “*Faifo nằm cách cửa sông khoảng ba dặm. Đây là một con đường phố, dọc theo sông, có hai dãy nhà, khoảng chừng 100 ngôi nhà, của người Trung Hoa, ngoại trừ bốn hoặc năm gia đình người Nhật. Mấy người Nhật này, ngày xưa, là cư dân chính yếu, và là những người làm chủ việc bán buôn tại cảng. Nhưng vì số người giảm đi và họ sa sút, nay việc buôn bán là do người Trung Hoa, với*



mười cho đến mười hai chiếc thuyền là tối thiểu cứ hàng năm đến đây từ Nhật Bản, Quảng Đông, Xiêm La, Cao Miên, Mani và gần đây là Batavia”.

Năm Kỷ Hợi - 1719

Theo sách Đại Nam thực lục cho biết: “Chúa Nguyễn Phúc Chu đi thăm dinh Quảng Nam, duyệt binh mã, rồi đến phố Hội An, nhận thấy phía tây phố có cầu, là nơi thuyền buôn tụ họp, nên đặt là cầu Lai Viễn, viết chữ biển vàng ban cho”. Sự kiện này đã được nhắc lại trong tác phẩm Đại Nam nhất thống chí, mục cầu đồ: “Ở xã Cẩm Phô về phía tây phố Hội An huyện Diên Phước, nước khe chảy về phía nam đổ vào sông cái, cầu bắc ở trên. Tương truyền cầu này do khách buôn Nhật Bản bắc, dưới cầu xây đá, trên lát ván, gác mái gồm bảy gian lợp ngói, hai bên cầu bày hàng mua bán, nên gọi là cầu ngói. Năm kỷ Hợi thứ 28 Hiến Tông Hiếu Minh hoàng đế (chúa Nguyễn Phúc Chu) đi tuần du phương nam, xa giá đến phố Hội An, thấy phía tây phố có cầu, thuyền buôn tụ họp, bèn cho tên là cầu Lai Viễn và viết chữ khắc biển vàng ban cho, nay vẫn còn”.

Năm Ất Hợi - 1755

Theo sách Đại Nam thực lục cho biết, việc thu thuế thuyền buôn tại Đàng Trong, trong đó có Hội An được ghi chép như sau: “...Vì xứ Thuận Hóa Quảng Nam bờ biển kéo dài, người các nước đến buôn nhiều nên đặt quan cai trị để đánh thuế. Thẻ lệ như sau: Thuyền Thượng Hải mới đến nộp 3.000 quan, khi về nộp 300 quan; thuyền Quảng Đông mới đến nộp 3.000 quan, khi về

300 quan; thuyền Phúc Kiến mới đến nộp 2.000 quan, khi về 200 quan; thuyền Hải Đông mới đến 500 quan, khi về 50 quan; thuyền Tây Dương mới đến 8.000 quan, khi về 800 quan; thuyền Mã Cao, Nhật Bản mới đến 4.000 quan, khi về 400 quan; thuyền Xiêm La, Lữ Tống mới đến 2.000 quan, khi về 200 quan. Thuyền nào giấu giếm hàng hóa thì có tội, tịch thu thuyền và hàng hóa sung công. Thuyền không có hàng hóa thì không vào cửa biển. Đại ước hằng năm số tiền thu thuế ít là không dưới một vạn quan, nhiều là hơn ba vạn quan, chia làm 10 thành, lấy 6 thành nộp kho, còn 4 thành cấp phát cho quan lại và quân nhân”.

Năm Kỷ Hợi - 1839

Dưới thời vua Minh Mạng, có nạn cướp ở cửa Đại Chiêm, đón cướp thuyền công giải của kho của tỉnh Quảng Ngãi, Suất đội Nguyễn Văn Trí ra sức đuổi bắt, tiêu diệt 4 tên giặc, cứu được 2 chiếc thuyền buôn. Vua Minh Mạng nghe tin, ngợi khen thưởng cho quan quân ở chuyển đi ấy được kỷ lục và tiền có từng bậc. Lại phái một Quân vệ bộ Binh hai Suất đội Thủy sư ở Kinh và trên 90 biên binh, chia ngồi thuyền phòng dương, thuyền hiệu Tuần hải, đi ngay đuổi bắt, định cứ bắt được một chiếc thuyền giặc, thưởng cho 500 quan tiền.

Năm Đinh Hợi - 1887

Dưới thời vua Đồng Khánh thứ 2, các xã Minh Hương, Hội An, Cẩm Phô tỉnh Quảng Nam bẩm xin mua trang bị súng, mỗi xã 3 cây súng để phòng vệ. Thiêm chức đã từng có công văn xin được mua sắm, nay tiếp Thông sứ đại

thần đã tra xét rõ ràng, hiện cũng đã có các phép tắc cơ bản giữ gìn binh khí.

Thiêm chức Khâm sai tiêu diệt dư đảng dẹp trừ giặc phi. Chuẩn theo y như các xã đồng lòng mua sắm súng gươm tự vệ là việc làm đúng, ắt hẳn cũng như sử dụng vũ khí vậy. Nhân có công văn diệt trừ phi đảng chuyển đến tỉnh sức cho các xã ấy biết mà tuân hành. Nhanh chóng trình bày, mong được xem xét theo tờ trình này. Cơ Mật viện đại thần, đại nhân đài Tiền Nghị Thuộc.

Năm Kỷ Hợi - 1899

Theo sách Đại Nam thực lục chính biên Đề lục kỷ phụ biên, vào thời vua Thành Thái thứ 11, định ra những việc cần làm để chỉnh lý các thị xã, trong đó có Hội An ở Quảng Nam: “... Mỗi thị xã phải có ngân sách thu chi riêng, vẫn do quan phủ tỉnh giúp đỡ quý Trú sứ bàn nghĩ lập thành sổ sách đệ lên trước ngày 1 tháng 12 Tây lịch hàng năm để Khâm sứ đại thần cùng Cơ mật viện duyệt định sẽ phát hồi tuân biện. Ngân sách ấy đã được duyệt, nếu trong đó có khoản nào phải thay đổi thì trình lại quý Khâm sứ đại thần với bề tôi Cơ mật viện nghĩ đổi định. Lại ngoài hai khoản thuế đình điền thu riêng nhập vào tổng sách thì các hạng thuế ở thị xã như thuế dọn rác, tiền phạt bắt nhốt súc vật chạy rong, thuế lò mổ, thuế hiệu cầm đồ, các khoản thuế chợ, thuế xe tay và các hạng xe chở thuế nhất thời đều giao cho quý Khâm sứ đại thần bàn với bề tôi Cơ mật viện nghĩ định. Thuế trưng thu bất thường đều do các thị xã ấy thu biện, tới như các hạng thuế cửa hiệu buôn bán và nghề khác sẽ

bàn nghĩ riêng. Còn các khoản mà thị xã ở các phủ tỉnh cần chi tiêu như đèn đường, tuần phòng thị xã, sửa sang đường sá, dọn rác, thiết lập trường học và Sở Tế bản, giữ gìn đất mộ cùng tất cả những việc có ích cho thị xã, xây dựng tu bổ và chọn người giữ gìn các nha sở đền miếu trong thị xã đều do ngân sách thu chi của thị xã chi biện, nếu không đủ sẽ do quý Khâm sứ đại thần nghĩ cách giúp đỡ. Về việc tính toán các khoản trong ngân sách thu chi chuẩn do quý Khâm sứ đại thần chỉ thị tuân biện cho được ổn thỏa... ”.

Cũng trong tác phẩm này, theo Dụ chỉ của vua Thành Thái 11 về việc thành lập các thành phố ở Trung Kỳ bằng một sự tổ chức mang tính chất quyết định. Sự tổ chức này sẽ được áp dụng ở các khu trung tâm của Thanh Hoá, Vinh, Huế, Hội An, Quy Nhơn và Phan Thiết, những nơi mà sẽ không có nguồn vốn riêng. Theo đề nghị của Khâm sứ Trung Kỳ, vào ngày 30/8/1899 Toàn quyền Đông Dương của Pháp đã ký Nghị định về việc thành lập các đô thị nói trên, trong đó có Hội An.

Cũng trong năm này, trong Đại Nam thực lục đã ghi chép về việc chuẩn cho các xã ấp ở giữa hai phủ huyện Điện Bàn Hòa Vang tỉnh Quảng Nam đều chiều theo địa thế nối liền mà thay đổi sáp nhập để tiện cho dân... trong đó có 3 giáp Đông Tây Nam Thanh Châu và 7 xã Đại An, Hà Quảng cùng 9 giáp Phước Trạch, Đề Cương, Tân Hợp huyện Hòa Vang sáp nhập vào tổng Phú Triêm phủ Điện Bàn

NGÀY XUÂN TREO CHỮ PHÚC TRONG NHÀ

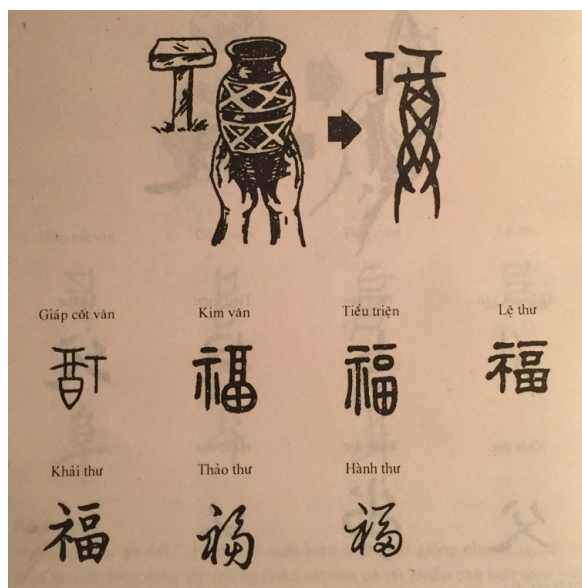
ThS.Huỳnh Đông

Nghệ thuật Thư pháp Hán Nôm đã mê hoặc tôi khi tôi còn nhỏ. Bốn, năm tuổi tôi đã chứng kiến ông nội và cha tôi viết liễn, hoành phi cho nhà thờ tộc, cho những người bà con đến nhờ khi có đám nhà mới, đền miếu, chùa chiền hay vào những dịp quan, hôn, tang, tế... Những con chữ nhảy múa kiêu hãnh trên gỗ, trên những tấm lụa mịn màng như rồng bay phượng múa đã hút hết tâm trí một đứa trẻ non nớt như tôi. Tôi bắt đầu tập tò học vẽ lại những con chữ ấy. Chữ thư pháp đầu tiên mà tôi tập viết là chữ “Phúc”, bởi nó quá sức quen thuộc với mọi người. dường như ai cũng nhìn và đọc được chữ Phúc nhưng cũng chẳng mấy ai hiểu được ý nghĩa trọn vẹn của chữ này, kể cả những hình thức biểu hiện của nó trong các thể chữ. *Phúc Lộc Thọ, Phúc như Đông Hải, Ngũ phúc lâm môn, Phúc hậu Thọ trường, Phúc Đức vĩnh xương...* vân vân và vân vân... là những thành ngữ cửa miệng của người dân gian. Chữ Phúc treo giữa gian thờ, chữ Phúc trên bia mộ, chữ Phúc trong nhà thờ tộc, trong miếu, đình, đền, chùa, trong phong màn một đám cưới... Chữ Phúc viết trên giấy, trên lịch, khắc trên gỗ, đá, thêu trên gấm, lụa... Tất cả đã tạo nên những dấu ấn quen thuộc trong đời sống văn hóa hằng ngày của người Việt. Tìm hiểu ý nghĩa sâu sắc của chữ Phúc để thêm một chút hương vị văn hóa cho những ngày xuân mới cũng là một điều thú vị.

Chữ Phúc là một danh từ trừu tượng gốc Hán, chữ hội ý, xuất hiện khá lâu trong lịch sử ngôn ngữ của loài người. Nhiều dân tộc, triều đại cổ đại khác nhau của Trung Hoa đã viết và giải nghĩa chữ Phúc theo những cách khác nhau, người ta đã tổng kết được 100 chữ Phúc cổ, gọi là Bách Phúc toàn đồ.

Người Trung Hoa đã tìm thấy chữ 福 (*Phúc*) trong Giáp cốt văn (*chữ trên mai rùa*). Đó là một loại chữ tượng hình rất cổ xưa, vẽ hình hai tay nâng một bình rượu lớn, đứng trước bàn thờ 福 (示, bộ thị) cầu xin thần linh ban Phúc cho, sau đó bỏ bớt hình cái tay và dần dần biến thành dạng chữ như ngày nay.

Tự điển chữ Hán giải nghĩa Phúc là những sự tốt lành. Kinh Thi chia ra năm phúc: (1) 富 (*Phúc - Giàu*); (2) 安寧 (*An Ninh - Yên lành*); (3) 寿 (*Thọ*); (4) 收好德 (*Du hảo đức - Có đức tốt*); (5) 考終命 (*Khảo chung mệnh - Vui hết tuổi trời*). Ví dụ như: 享福 (*hưởng phúc - hưởng hạnh phúc*), 造福人群 (*tạo phúc nhân quần - tạo phúc cho nhiều người*). Chữ Phúc còn có nghĩa là số may, cơ hội, như: 口福 (*khẩu phúc - số được ăn uống thức ngon*), 眼福 (*nhãn phúc - số được ngắm cái đẹp*), 耳福 (*nhĩ phúc - số được nghe âm nhạc*). Chữ Phúc sử dụng như động từ thì có nghĩa là giúp đỡ.



Các thể của chữ Phúc (Lý Lạc Nghi, Jim Waters - Tìm về cội nguồn chữ Hán, NXB Thế giới, Hà Nội, 1998, Tr 564)

Sức mạnh và thần thái của văn hóa chơi chữ không chỉ là sự biểu đạt bằng âm thanh hay, bằng nét bút chấm phá đẹp mà chính là ý nghĩa súc tích mà nó đang chuyên chở. “*Nhất chữ, nhì tranh, tam sành, tứ sứ*” là phương châm thưởng thức văn hóa của người Việt. Sở hữu một bức tranh chữ, người chơi như vận vào mình một tâm niệm tốt đẹp, một hoài bão trong sáng, nhiều khi ý nghĩa của câu chữ cứ quần quýt theo ta và sống với ta suốt đời...

Tính đa nghĩa của tiếng Việt là kết quả tổng hợp của các nguồn nghĩa từ chữ Hán, Chữ Nôm, chữ Quốc ngữ (*từ thuần Việt*). Người Việt hiểu và giải thích nghĩa chữ Phúc đôi khi không giống như người Trung Hoa. Có thể lấy một ví dụ nhỏ để minh họa: người Trung Hoa giải nghĩa chữ 福 (*Phúc*) theo 甲骨文 (*Giáp cốt văn*) là hình hai tay nâng một bình rượu lớn, đứng trước bàn thờ. Bộ 示 (*kì*) tức là bộ thị 示 sau đó bỏ bớt hình cái tay và dần dần biến thành dạng chữ hiện nay 福. Người Việt thì nhìn bộ 示 ấy

thành bộ 衣 (*y* - áo quần) viết ngắn gọn, bình rượu tách thành chữ 一 (*nhất* - một), chữ 口 (*khẩu* - miệng), chữ 田 (*điền* - đám ruộng), vậy một người có đầy đủ cái ăn, cái mặc chính là 福 (*phúc*). Theo những điều đã phân tích ở trên, Phúc của người Trung Hoa là Phúc do cầu mới có, Phúc là do một đấng thần linh, một đấng tối cao nào đó ban phát cho con người. Muốn có phúc (*những điều tốt lành*) thì phải cầu cạnh, cúng tế thần linh, Trời Đất. Phúc ấy là cái Phúc hưởng ngoại, cầu vời mong mỏi từ tha lực chẳng do con người tạo ra. Còn Phúc của người Việt là cái Phúc do tự tay mình làm ra; cơm áo kia từ lao động mà có, không ai tự dung ban cho. Giải nghĩa theo cách ấy thật đơn sơ nhưng rất ý vị và minh triết. Người Trung Hoa treo chữ *phúc* lộn ngược bảo là *phúc đảo*, người Việt hiểu chữ *phúc* là đồng âm với chữ *bức* (con dơi). Trong bức tranh Phúc - Lộc - Thọ (*Tam Đa*), ngoài ba người đàn ông ra còn có các vật tượng trưng cho Tam đa là *con dơi* và *em bé* đại diện cho *Phúc*; *con nai* và *thoi vàng* đại diện cho *Lộc*; *quả đào* và *chim hạc* đại diện cho *Thọ*. Vì thế, nếu người Việt treo chữ *phúc* lộn ngược chính là đặt *con dơi* (phúc) theo đúng hướng thuận chiều. (*Con dơi đầu chúc lên là con dơi có vấn đề!*).

Nghĩa trong tiếng Việt là một hợp tử động, vô cùng biến hóa, nhờ vào các đặc điểm như đơn âm tiết (*nên dễ ghép và dễ tách từ*), sáu thanh điệu và cấu trúc ngữ pháp biến hóa đã làm cho tiếng Việt khi viết và nói đều vô cùng linh hoạt. Từ cơ sở 214 bộ thủ của chữ Hán, người Việt đã sáng tạo ra chữ Nôm. Có nhiều chữ Nôm người Việt sử dụng y như chữ Hán, từ hình dạng chữ đến nghĩa (*khác biệt về ngữ âm*) nhưng cách giải nghĩa thì có khác nhau. Lấy ví dụ thứ hai để

minh họa: chữ 春 (*Xuân*) theo giải thích từ nguyên của chữ Hán cổ là hình ảnh mặt trời mọc dưới vòm cây xanh non; là hình ảnh của một ngày mới (*đán*).

Người Trung Hoa cho rằng chữ 春 (*Xuân*) là một ngày mới, suốt ba tháng mùa đông không thấy mặt trời, bỗng nhiên hôm nay thời tiết ấm áp, mặt trời mọc lên dưới những vòm cây xanh, báo hiệu một ngày mới tươi đẹp. Mùa Xuân đã đến khởi đầu cho một năm. Nhưng cách giải nghĩa gốc từ của chữ Nôm thì lại khác, hiện đại theo cách hiểu hiện đại. Chữ xuân gồm ba chữ: 三 (*tam*), 人 (*nhân*), (nhật) gộp lại với ý nghĩa là ba ngày của con người, “Mùng Một tết cha, Mùng Hai tết mẹ, Mùng Ba tết thầy”. Viết và hiểu chữ Xuân và chữ Phúc, minh triết của người Việt là

trọng đạo nghĩa và trọng thực tiễn. Mỗi con chữ, đều thấp thoáng hình bóng và hoạt động của con người, biểu hiện tâm hồn, trí tuệ tự chủ của người Việt. Mùa Xuân của người Việt, không chỉ là một mùa để gieo trồng sự sống, để vui chơi mà nó luôn luôn là một sự bắt đầu, mới mẻ, gắn chặt với đạo lý và mối quan hệ tổng hoà, đa dạng của cuộc sống. Hạnh phúc của người Việt không chỉ là sự may mắn mà nó luôn luôn gắn với trí tuệ và

sức lao động của con người. Cơm no áo ấm là thành quả tích cực của bản thân mỗi con người:

“Bàn tay ta làm nên tất cả,

Với sức người sỏi đá cũng thành cơm.”
(Thơ- Hoàng Trung Thông- Bài ca vỡ đất)

Không dựa dẫm vào một thể lực siêu nhiên nào, người Việt với truyền thống hàng ngàn năm dựng nước, bằng chính ý chí, nghị lực, bàn tay và khối óc của mình đã tạo dựng cho dân tộc mình những Mùa Xuân và Hạnh Phúc trường cửu.

Treo chữ Phúc trong nhà của người Việt trong những ngày xuân, không phải là sự học đòi, sính chữ, bắt chước người Trung Hoa. Treo chữ Phúc trong nhà đầu xuân nhắc nhở chúng ta về miếng cơm, manh áo, của cải vật chất, tinh thần hằng ngày...; là những thành quả lao

động do chính bàn tay ta tạo ra trong một năm mà ta đáng được hưởng.

Đêm trừ tịch, đốt nén hương trầm, bên chén trà thơm, khai bút một chữ Phúc theo lối thư pháp trên nền giấy hồng đơn, giấy dó mộc mạc, ấm cúng và tròn trịa, treo lên chào đón giao thừa của năm mới kể ra cũng là một việc làm thú vị ♦



Chữ Phúc viết trên giấy dó của Huỳnh

ĂN TẾT VÀ CHỢ BUÔN HÀNG TẾT Ở HỘI AN NGÀY TRƯỚC

Nnc. Nguyễn Bội Liên

Đầu thế kỷ đến thập kỷ 30¹, Đà Nẵng chưa được người Pháp khai thác lớn từ hải đạo đến hàng buôn thì Hội An vẫn còn là trung tâm thương mại lớn của Quảng Nam. Đà Nẵng tuy có hãng L'Ucia và công ty Đông Lợi Long, Quảng Hòa Mỹ nhưng hàng xuất nhập không thường xuyên, vài ba tháng mới có một chuyến tàu từ Hải Phòng vào, hay Sài Gòn ra, đậu ở Vũng Thùng có ghé vợi ra chuyển hàng vào bờ. Tàu chở dầu lửa, vải sợi và các thứ tạp hóa như hương đèn, pháo hàng Tàu đều đựng thùng gỗ đến Đà Nẵng rồi thì có ghé chở vào Hội An cho các tiệm phát hàng. Lúc bấy giờ vận chuyển bằng đường sông rất thuận tiện. Từ Tam Kỳ ra, các ngõ nguồn xuống như sông con, sông cái Đại Lộc đều xuống Hội An. Cho nên các hiệu buôn ở Hội An từ tháng mười một âm đã có hàng bán Tết về sớm.

Bắt đầu từ nửa tháng mười một thì các hiệu đều đầy nhắp các thứ hàng gọi là hàng Tàu: hương, đèn, vàng, bạc, pháo, bánh, kẹo... Các hàng buôn tơ lụa thì từ tháng 10 đã có sẵn các loại hàng mặc áo dài, vải quynh, vải lãnh, vải bóng, lãnh lụa... Các thứ này được khách hàng từ thôn quê ra mua về may mặc tết rất sớm.

Ngày ấy bên chợ Hội An là một bến đất lồi, dưới sông sát bờ những chiếc ghe trường đậu chong mũi ra bán gạo, có cầu lên xuống bến. Từ bến chợ lên, theo dọc bờ sông Bạch Đằng ngày nay là ghe trường từ các ngõ nguồn xuống đậu dùng để chở hàng về. Đầu tháng chạp thì đến chở hàng Tàu, hương, đèn, vàng, bạc, vào bao lớn. Nhiều nhất là giỏ cần xé chất đường, rượu chai, đóng khèn dán nhãn. Ở Hội An có tiệm Quân Thắng Sạn có thứ rượu trắng rất ngon và mùi rất thơm ở thôn quê rất thích mùi rượu ấy. Rượu được vô chai, hai loại, loại lớn và chai nhỏ đóng khèn dán nhãn Quân Thắng Sạn. Trên nhãn có vẽ hình Lý Thái Bạch viết thơ trả lời cho Hung Nô có cung nữ đứng mài mực, nhãn in màu rất đẹp. Rượu này về thôn quê để làm lễ tết thường, tết sui,... rất trang nhã.

Ghe nào về chợ nhà quê cũng đều chở đầy nhắp rượu chai. Chẳng thế mà còn chở cả rượu chum lớn. Rượu này của công ty SICA, vô mỗi chum, làm da chu bỏ vào trong một cái rọ bằng tre đan lớn, có quai khiêng. Mỗi chum đựng 10 gàu, mỗi gàu 5 lít, có nắp trét vôi kỹ lại. Rượu chum này thì có sỏ đại bài, hay trung, tiểu bài mới mua được, vì công ty SICA làm độc quyền nên phải có giấy phép của Thương chính mới được buôn. Rượu này về chợ nhà quê bán lẻ rượu lít cho quán

¹ Của thế kỷ XX (BBT)

nhỏ có bài sỏ tiểu thương. Khi mua phải ghi vào sỏ để có khi tuần đình Thương chính đi kiểm soát giữ rượu nấu lậu. Nếu không biên thì có nhà phải bị phạt tiền nghi bán rượu lậu. Khi bán xong trả chum lại và nhận kỳ phúc. Ngày gần Tết thì chở càng nhiều để bán lại trong dịp Tết. Cho nên ghe trường từ các chợ nguồn xuống đậu dày các bến sông. Hết lớp ghe này đến lớp khác. Khi ghe xuống thì chở chuối, bông để bán tết. Cho nên bến sông từ chợ lên thì rất rộn ràng, kể lên người xuống hoặc hàng về rất nhộn nhịp. Bắt đầu tháng chạp thì chở hàng Tàu nhiều nhất là hương đèn, vàng bạc, bánh kẹo, pháo. Có loại pháo trái, pháo nhỏ bằng đầu cây nhang dài chừng 2cm, kết lại, hai liếp thành một dây dài chừng 17cm, mỗi gói 10 dây, pháo tuy là nhỏ nhưng rất kêu, người ta dùng rất nhiều. Cũng có loại pháo lớn 10 tổng, 5 tổng, thứ đầu quang, 1 ngàn pháo nhỏ thứ bách đầu, 1 trăm pháo nhỏ có 3 tổng loại kêu to, hay 1 tổng loại kêu to, xa. Loại này thì đắt tiền hơn. Trên những ghe trường ấy đến ngày 25 tháng chạp trở lên thì ngoài việc chở hàng còn chở các hoa chậu, nào là hường, thực dược, cúc trắng, cúc vàng, vạn thọ vàng đỏ đủ màu mua về chưng tết. Cũng từ ngày 25 tháng chạp, ghe bơi ở các nơi gần chợ chung quanh sáng ra tấp nập, đậu dày từ bến chợ xuống (khi ấy không có dãy nhà ở bờ sông mà có thành thấp, dưới bến sông lái ghe bơi, xuống vào ra sát bờ



Gian hàng Tết ở chợ Hội An hiện nay - Ảnh: Hồng Việt

chở đồ lên xuống chợ đến ngang ngõ trường học Kim Đồng có cái bến đò ngang qua Cẩm Phô). Ghe bơi xuống đậu dày cả. Có kẻ chuyên giữ ghe dầm như giữ xe bây giờ. Đồ thổ sản ở vườn đem lên chợ Phố bán rồi mua hàng về đầy cả. Các nơi giữ ghe ấy cũng rất rộn ràng la ó chửi nhau dành, đánh ồn ào. Sông cái thì tháng này chưa có ghe bầu đậu nhiều vì mùa gió nồm chưa đến ghe bầu chở gạo Sài Gòn chưa về.

Từ ngày 23 thì đường phố đã đông người. Kẻ buôn bán, người đi sắm sửa đồ Tết ở thôn quê đến đây. Các cửa hàng trước hiên đổ bày thêm hàng ra bán, nào là chén bát, đồ ngang, đồ kiểu, lư đồng, lư sành, chân đèn bằng thiếc sơn đỏ. Hàng thì bày đủ thứ hương, hương thẻ cộng nhỏ, hương trầm 3 cây lớn, hương vàng, đèn cây các loại lớn nhỏ. Cây đèn cây lớn có vẽ hoa màu. Nơi bày bán các thứ đèn thấp dầu lửa, loại tọa đặng, huyền đặng, đèn chung nhỏ không có phòng phong, loại đèn bóng trứng vịt (phòng phong). Trên các ngã đường phố

bày bán không thiếu thứ gì. Đường phố những người bung bánh tổ đi dạo khắp, đủ các loại, thứ bánh đường trắng, đường đen, có mặt mè, mặt trơn các cỡ dừa kiêu đến cho các hiệu lớn đặt hàng, tính cân yến mà bán (*mỗi yến 4 quan tiền, mỗi chõng 6kg*). Chợ Hội An lúc bấy giờ chỉ có một chợ ngói ở ngoài bờ sông, còn lại phía trong là đất trống tráng ciment thì các lều dọn bán hằng ngày. Từ 28-29 tết thì các lều thêm vào bán các thứ rau quả chuối, trái cây dày khít chen chân mà đi. Hàng thịt thì ở trong chợ ngói, cũng dọn thêm bàn treo thêm thịt heo, người bán cũng thêm đông hơn. Kẻ vô người ra rộn ràng. Phía sau thì các hàng thợ mã bày treo đủ thứ đồ giấy, mũ, áo, hoa, giày, đồ cúng thổ thần, đồ cúng chúa Tiên, đồ cúng ông Táo, đủ các màu sắc, gió bay phát phới. Thêm vào có những tấm giấy

điều in chữ ngang bằng kim nhũ những chữ nghinh xuân, tiếp phước, ngũ phước lâm môn, tân xuân nghinh phước, mua về dán ngay trên cửa chính nhà để đón xuân. Trong hiên hè phố có những vị đồ nho viết liền bán, giấy hồng đỏ, sọc dài, viết rồi treo lên phía sau. Những câu chúc tụng thông thường như “Thiên tăng tuế nguyệt nhân tăng thọ, xuân mãn càn khôn phúc mãn đường”. Cùng những giấy đỏ mua về dán trên khám thờ ngũ tự. Giấy có trang trí thì đắt tiền hơn giấy trơn màu hồng. Các tiệm bán hương đèn đều có bán giấy để thờ. Sau ba bữa tết thì đốt. Giấy có 2 thứ khổ rộng cũng 80cm², gọi là giấy bông và giấy kiêu. Giấy bông thì có hoa, chữ thọ lớn [màu in nổi lên (?)] và giấy kiêu thì trơn thôi đủ màu sắc



Chợ hoa xuân Hội An (tết Tân Mão 2011) - Ảnh: Hồng Việt

HOA CÚC VÀNG TRONG VĂN HÓA TẾT CỔ TRUYỀN HỘI AN

CN. Nguyễn Thị Mẫn Vy

Đêm giao thừa là cột mốc đánh dấu sự chuyển giao của đất trời đón chào năm mới nhưng lòng người thì rạo rức mừng tân niên trước đó nhiều ngày. Ở Hội An, Tết bắt đầu từ khi mọi người tât tã dọn dẹp, trang hoàng nhà cửa và trước hiên nhà rực rỡ sắc hoa. Thanh âm của tết là tiếng chợ búa nhộn nhịp, tiếng nhạc xuân tung bừng khắp phố, tiếng chúc mừng, cười nói hoan hỉ. Mùi vị của Tết là hương khói nhang trầm, là mùi bánh chưng bánh tét, thịt xú thơm lừng, là vị dưa món củ kiệu đậm đà quyện cùng tương ớt... Riêng sắc màu của Tết Hội An là một nét đặc trưng độc đáo. Đã thành nếp quen, giữa không gian tĩnh yên và hương trầm nghi ngút của sớm mừng một Tết, những ngôi nhà rêu phong được màu thâm trầm bỗng bừng sáng đầy sức sống nhờ màu vàng tươi mới của cúc hoa. Đi dọc phố cổ, con đường hoa cúc như trải dài miên man theo từng mái hiên nhà. Từ đầu ngõ đến bậc thềm, từ bàn thờ tổ tiên đến những ngôi mộ, đâu đâu cũng vàng ươm hoa cúc. Đó là một món gia vị không thể thiếu trong văn hóa tết cổ truyền của Hội An.

Theo từ điển bách khoa toàn thư Việt Nam do Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam phát hành, cúc là tên gọi các loài hoa của các cây phần lớn thuộc họ Cúc (*Asteraceae*). Trong đó, cúc vàng (*Chrysanthemum*), chi cây hoa cánh, có

nguồn gốc từ Trung Quốc và Nhật Bản, vào Việt Nam từ lâu đời. Cây thảo nhỏ, thân có nhiều đốt giòn, càng lớn càng cứng, rễ chùm phát triển theo chiều ngang từ những mấu sát gốc. Lá xẻ thùy, mặt dưới có lông. Hoa lưỡng tính hay đơn tính, mọc nhiều trên một cành, tràng hoa hình ống dính vào bầu, các cánh phía ngoài có màu sắc đậm, xếp thành hàng tùy hoa đơn hay hoa kép, với nhiều dạng cánh. Các chủng phổ biến: cúc vàng (to, nhỏ), cúc trắng, cúc đại đoá, cúc đỏ, cúc tím, cúc hoa cà, cúc móng rồng, cúc mâm xôi. Gây giống bằng hạt, mầm già hay ngọn. Dùng hoa, dạng thuốc sắc để giải cảm, chữa mụn nhọt;



trong hoa cúc vàng có chất adenin, cholin, vitamin A, có thể làm tinh dầu thơm, ướp trà...

Hội An là nơi bình an hội tụ, là ngôi nhà lớn của khách trú bốn phương. Vì vậy, từng tầng lớp văn hóa bồi tụ là sự kết hợp, giao thoa của nhiều miền đất, tiêu biểu là Hoa - Việt - Nhật. Từ xa xưa, hoa cúc vàng đã theo chân người Nhật người Hoa đến Việt Nam và được Hội An đón nhận. Trong sự tích hoa cúc của Trung Quốc, một vị vua cử 24 tráng sĩ đi tìm thảo dược quý trên đảo Long Phi. Hòn đảo này là một hoang mạc, chỉ duy nhất cây hoa cúc vàng sống được. Từ đó, người Trung Quốc xem hoa cúc là biểu tượng cho sự trường thọ. Nền phong kiến Trung Quốc trân trọng đặt hoa cúc vào bộ tứ quý “tùng - cúc - trúc - mai” hiện thân cho bốn vật của bốn mùa. Người Nhật xem hoa cúc là biểu tượng của quyền quý, cao sang và giàu có, bắt nguồn từ sự tích về hai vị thần khai sáng trái đất là Izanagi và Izanami. Người Việt Nam xem hoa cúc là biểu tượng của sự hiếu thảo, thường được đặt trang trọng trên bàn thờ gia tiên xuất phát từ sự tích người con lo sợ mẹ mình sẽ qua đời khi cánh hoa cuối cùng rụng xuống nên đã tước nhỏ bông cúc thành nhiều cánh, từ đó, người mẹ khỏi bệnh và họ sống hạnh phúc bên nhau. Dù là nền văn hóa nào thì hoa cúc vàng cũng được tôn vinh với những phẩm chất cao đẹp nhất, thể hiện sự an nhiên, thanh tao, cao thượng, thuần khiết như “băng thanh ngọc phiến”. Không phải ngẫu nhiên mà

Trung Quốc chọn hoa cúc để đúc lên tiền đồng 1 xu, các gia đình quý tộc, hoàng thân Nhật Bản dưới thời phong kiến khắc hoa cúc lên con dấu, các chiến binh Nhật Bản đeo hoa cúc để thể hiện sự cam kết cho lòng dũng cảm. Ngoài ra, người Chăm cũng sử dụng rất nhiều hình ảnh hoa cúc trong kiến trúc điêu khắc và thánh địa Mỹ Sơn là một minh chứng cụ thể còn tồn tại đến ngày nay. Trong văn hóa Nho giáo, hoa cúc được xem là biểu tượng cho khí tiết kiên trung, thủy chung, bất khuất của người quân tử “*diệp bất ly chi, hoa vô lạc địa*”. Là cây họ cỏ nhưng thân rất cứng, chịu được sương gió, vươn thẳng như ý chí kiên định. Hoa cúc ẩn chứa sức sống mãnh liệt, dù bị cắt lìa gốc rễ những bông hoa vàng rộ vẫn gắng gượng khoe sắc đến lúc héo khô. Đó là nguồn cảm hứng bất tận để thi ca hết lời tán dương.

Sương lạc tuyết bách thảo

Thời cúc độc nghiên hoa

Vật tính hữu như thử

Hàn thử kỳ nại hà

Xuyết anh phiếm trọc giao

Nhật nhập hội điền gia

Tận túy mao thiểm hạ

Nhất sinh khởi tại đa

(Hiệu Đào Bành Trạch - Vi Ứng Vật)

Tiểu ngạo hàn sương phô cốt cách

Khai nhan điệu sắc kháng thu thâm

(Cúc đảm ngạo hàn sương - Hải Đà)

Hầu hết các triều đại phong kiến Việt Nam đều sử dụng hình ảnh hoa cúc trong kiến trúc điêu khắc cũng như trang trí vật phẩm trong cung đình (bát gốm và gạch trang trí vẽ hoa cúc dây thời Lê Sơ, đĩa lòng sâu vẽ hoa cúc 19 cánh thời Lý, đĩa gốm vẽ cảnh cúc thời Trần...). Dưới thời chúa Nguyễn, giai đoạn Hội An được hình thành và phát triển mạnh mẽ, hoa cúc rất được ưa chuộng. Trong sách “Hoa văn cung đình Huế” do học giả L.Cadière (Hội truyền giáo nước ngoài ở Paris) dày công sưu tập, biên soạn và diễn dịch có rất nhiều hình ảnh về các bản in, bản vẽ, bức họa, gốm sứ, hoa văn có sự hiện diện của hoa cúc. Tại điện Thái Hòa, Long An, Cần Chánh ngày nay, rất dễ để tìm thấy hoa cúc trong hoa văn trang trí, điêu khắc trên tường, gỗ, nền gạch... Trên nóc điện Khải Thành lăng Khải Định có đề hai câu vịnh về hoa cúc: “*Thiên hạ vô song phẩm - Nhân gian đệ nhất hương*”.

Đặc biệt, tại phố cổ Hội An, hoa cúc xuất hiện rất nhiều trong kiến trúc điêu khắc và nổi bật nhất chính là “mắt cửa” hay còn gọi là “môn thần”. Thử thả bộ qua vài con phố, dễ dàng nhận thấy nơi cửa chính của ngôi nhà cổ là đôi “mắt cửa” bằng gỗ, được chạm khắc công phu với nhiều hình dạng, màu sắc khác nhau dựa trên hình ảnh hoa cúc cách điệu. Nếu đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn thì “mắt cửa” giống như người gác

cổng bảo vệ cho ngôi nhà được bình an. Bên cạnh những phẩm tiết cao quý, về mặt hình thái, hoa cúc còn đem đến sự cân đối về mỹ thuật và sự cân bằng trong âm dương, ngũ hành - một yếu tố rất được người Hoa coi trọng. Trong bài viết “Mắt cửa - Biểu trưng của hồn phố Hội An”, tác giả Trần Ánh nhận định: “*Có lẽ*



ban đầu nó chỉ là hai chốt gỗ mang công năng kiến trúc là chính, sau này chủ nhà khoác lên chúng những ý nghĩa tâm linh hay thậm chí mang màu sắc tín ngưỡng hàm chứa những sự tồn vong, suy thịnh của gia chủ; là nhãn quan thấu hiểu, thấu nhìn mọi suy nghĩ, hành vi của các thành viên gia đình trong quan hệ nội bộ...”. Bên trong các ngôi nhà cổ, hình ảnh hoa cúc được chọn để trang trí những nơi cao quý, tôn nghiêm nhất như

bệ thờ tổ tiên, trính nhà, lan can, cửa lớn... với ý nghĩa cầu mong phước lành và trường thọ. Ngoài ra, theo ghi nhận của Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa Hội An, các loại gốm sứ cổ có hình hoa cúc dây đã từng được người dân ưa chuộng và sử dụng trong cuộc sống hằng ngày. Đến nay, một số hiện vật đang được trưng bày rải rác tại các điểm bảo tàng trong khu phố cổ.

Vào những ngày cuối năm, khi con đường Trần Hưng Đạo bắt đầu nhộn nhịp chợ hoa xuân, không khí tết sẽ tràn ngập trên nền vàng chủ đạo của hoa cúc. Năm nào cũng vậy, hoa cúc luôn là cây



cảnh được tiêu thụ nhiều nhất bởi các ưu điểm vượt trội về giá thành rẻ, dễ vận chuyển, ít tốn công chăm sóc, sắc hoa tươi vui lại lâu tàn. Riêng với phố cổ, hoa cúc vàng không đơn thuần chỉ là một thức hoa dùng để trang trí mà còn chuyển tải nhiều ý nghĩa, thông điệp, nếp sống, nếp nghĩ đậm chất Hội An. Trước tiên, tông vàng của hoa thuộc gam màu nóng, là ngọn lửa sưởi ấm sau một mùa đông giá lạnh. Chung hoa cúc ngày tết mang đến không khí ấm cúng, tươi vui của sự sum vầy, đoàn viên. Màu vàng trong quan niệm của người Nhật là biểu trưng cho sự giàu có, còn người Hoa là màu của hoàng tộc vua chúa, màu của châu báu tiền bạc và may mắn. Đối với người Việt, màu vàng cũng là màu của đồng lúa được mùa, của ấm no và sung túc. Trong quan niệm của văn hóa phồn thực, mỗi cánh hoa còn là biểu tượng của sự đâm chồi nảy lộc, của sức sống và sinh sôi. Vì vậy, người dân Hội An đặc biệt ưa chuộng hoa cúc với mong ước năm mới cát tường, thịnh vượng, dồi dào tài lộc, phúc khí. Với đặc tính chịu được sương gió, sức sống dẻo dai, lâu tàn, hoa cúc vàng còn là lời cầu chúc cho gia đình khỏe mạnh, vợ chồng chung thủy sắt son, anh chị em hòa thuận gắn bó như *“diệp bất ly chi, hoa vô lạc địa”*. Bên cạnh đó, cách chơi hoa cúc ngày tết của

người Hội An cũng có nhiều nét độc đáo. Sẽ không bao giờ tìm thấy cây hoa cúc nào được trồng đơn chiếc trước cửa nhà người dân Hội An. Theo cách chiết tự chữ tượng hình của người Hoa, một cây đơn lẻ sẽ giống chữ “khốn” 困 gồm bộ mộc 木 và bộ khẩu 口 tương tự hình ảnh một cây hoa cúc trồng lẻ loi trong chậu. Hoa cúc thường được trồng trong chậu hình tròn, tùy theo kích thước chậu mà chiều cao thân cây tăng giảm khác nhau nhưng có một điểm chung là hoa luôn được trồng theo khóm, tỏa đều thành hình tròn. Nhìn từ xa, chậu hoa cúc giống như chiếc mâm vàng, hứa hẹn một năm mới trọn vẹn, tràn đầy. Một số gia đình còn cột dây nơ đỏ lên cuống hoa cúc, điểm xuyết màu đỏ tươi trên nền vàng. Theo quan niệm của người Hoa, đỏ và vàng là hai màu sắc tượng trưng cho sự may mắn, hoan hỉ và quyền quý. Những dây nơ đỏ không chỉ có tác dụng về mặt thẩm mỹ còn mang ý nghĩa cầu chúc cho năm mới gặp nhiều niềm vui và may mắn (vận đỏ). Đó cũng là lý do vì sao, sắc đỏ luôn chiếm phần lớn trong ngày tết cổ truyền từ món ăn như dưa hấu, hạt dưa đến phong bao lì xì, câu đối... Đa số, người dân chưng hoa cúc theo cặp, số chẵn luôn là biểu tượng may mắn trong quan niệm của người Việt, người Hoa. Đơn lẻ có một số nhà chưng ba chậu hoa cúc thì chậu ở giữa luôn to hơn các chậu còn lại để tạo nên sự cân đối, hài hòa và số chẵn. Nơi bậc thềm trước hiên nhà, hai chậu cúc đứng song song như đón chào khách quý đến xông đất đầu năm. Phải chăng, đây là một hiện thân tiêu biểu cho tính cách Hội An nhân tình thuần hậu, sẵn sàng mở rộng cửa nhà đầy hiếu khách với bất cứ ai?

Ai từ đâu đến không quan trọng, chỉ cần chan hòa sống cùng đất và người, Hội An thương hết, Hội An bao bọc hết. Năm tháng trôi đi để lại cho Hội An lớp phù sa văn hóa độc đáo, bồi tụ từ những dòng chảy đa quốc gia ghé qua để rồi vương vấn mãi. Mỗi nếp ăn, nếp ở của người Hội An đều chuyển tải nhiều tầng ý nghĩa. Khi một thói quen lặp đi lặp lại nhiều năm, chúng ta gọi đó là nếp sống nhưng khi nếp sống tốt đẹp được duy trì qua nhiều thế hệ sẽ lắng đọng thành một nét văn hóa đáng trân trọng. Thú chơi hoa cúc vàng chính là một mảnh ghép làm nên bức tranh tết cổ truyền đậm đà bản sắc riêng của Hội An. Hoa cúc nở rộ tung bừng trước cửa mỗi nhà hòa cùng sắc tường cổ khoác lên mình phố một màu vàng tươi vui mang tết đến. Ngày xuân ngắm hoa cúc, bỗng nhớ đến đôi câu Đường thi của Mạnh Hạo Nhiên, thật đúng với cái tình của Hội An:

Đãi đào trùng dương nhật

Hoàn lai tự cúc hoa

(Quá cố nhân trang - Mạnh Hạo Nhiên)

Tài liệu tham khảo

1. *Bách khoa toàn thư Việt Nam*, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
2. *Hoa văn cung đình Huế*, Ứng Tiểu biên soạn, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh (năm 2011).
3. Nét đẹp đồ gốm hoàng cung Thăng Long trong *Hoàng thành Thăng Long*, tác giả Bùi Minh Trí, NXB Văn hóa thông tin Hà Nội (năm 2006).
4. *Sinh hoạt văn hóa người Hoa ở Hội An*, tác giả Trần Văn An - Tổng Quốc Hưng, NXB Đà Nẵng (năm 2018).
5. *Thơ Đường tuyển chọn*, Dương Phong biên soạn, NXB Văn Học (năm 2014).



Chợ hoa xuân Hội An (tết Tân Mão 2011) - Ảnh: Hồng Việt

MÂM NGŨ QUẢ NGÀY TẾT Ở HỘI AN

Nguyễn Đức Minh

Mâm ngũ quả như tên gọi có 5 loại trái cây khác nhau, thường dùng để chưng lên bàn thờ ông bà vào dịp Tết Nguyên Đán, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn, bày tỏ lòng thành kính đối với các bậc Tổ Tiên, đồng thời giới thiệu thành quả làm việc thông suốt cả năm của mình và gia đình trước Tiên Nhân.

Khác với quan niệm nhiều nơi, mâm ngũ quả của người Hội An phải thể hiện được ngũ hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Năm hành tương sanh, sanh khắc để được quân bình, khi được quân bình chính là đạt chuẩn của sự tiến hóa của Ngũ hành. 5 màu khác nhau và 5 bản chất khác nhau chính là nóng, lạnh, cứng, mềm, bình hòa. Ngoài Ngũ hành, trong dân gian, người Hội An còn mong muốn được “Ngũ Phúc lâm môn” tức là năm thái cực tuyệt vời gồm Phú - Quý - Thọ - Khang - Ninh và mong muốn Ngũ Phương (năm phương trời) cùng dồn của cải, tiền bạc... về đây để con cháu kính cẩn dâng cúng, trình bái trước Tổ Tiên.

Mâm ngũ quả xưa được thể hiện thường có các loại quả măng cầu, sung, dừa, đu đủ, xoài.. là những loại quả có âm khi đọc chệch nghe như câu “*cầu sung vừa đủ xài*”. Có nhà còn thêm 1 hoặc 3 trái thơm ý muốn có trên một nền móng trụ vững. Theo hồi cố dân gian, quả măng cầu màu trắng tượng trưng cho Tây Phương, mang biểu tượng *cầu* xin

phong phú, dồi dào. Quả sung màu đỏ tượng trưng cho Nam Phương, có màu sắc mạnh mẽ, tượng trưng cho *sung* mãn sự thành đạt, thăng tiến. Quả dừa có màu xanh tượng trưng cho Đông Phương, có nghĩa là vừa, không thiếu. Quả đu đủ có màu xanh sẫm tượng trưng cho Bắc Phương, mang đến sự đầy đủ, thịnh vượng. Quả xoài có màu vàng tượng trưng cho Trung Phương, có âm na ná như là “xài”, để cầu mong cho tiêu xài không thiếu thốn..

Điều đặc biệt là người Hội An rất thích dùng các loại quả có nhiều hạt, nhiều múi... biểu tượng cho sự sung mãn đầy đặn đề huề như quả măng cầu, thanh long, bưởi, lựu... rất hiếm hoặc hầu như không dùng các loại quả mà khi phát âm có ấn tượng thụt lùi, kém cỏi như chuối, dứa có âm “*chúi*” lùi, cam - quýt tương ứng câu “*quýt làm cam chịu*” hàm nghĩa oan uổng, không may mắn... Để thích hợp cho mùa Tết và tùy tình hình thời tiết hàng năm có thể thay vào đó nhiều loại trái cây tương ứng như dưa hấu luôn căng tròn, bóng bẩy, mát lạnh đầy ngọt ngào may mắn, trái thanh long mang ý rồng mây gặp hội, phóng khoáng tung bay. Hoặc trái lê ngọt ngào, thanh thoát mang ngụ ý làm việc gì cũng thanh thoát, trơn tru. Cũng có nhà lại dùng thêm trái táo màu đỏ để cầu phú quý. Như vậy, các loại trái cây trong mâm

ngũ quả đều thể hiện ước muốn của con người.

Tự trung lại, người Hội An bề ngoài vốn trầm tĩnh, dung dị nhưng bên trong lại luôn mang khát khao cháy bỏng, hợp lý hợp tình. Ý nguyện “*cầu sung vừa đủ xài*” của người Hội An chuyển tải niềm ước mơ hết sức đơn giản dễ dàng đạt được nhưng lại khá phức tạp và khó khăn. “*Cầu*” là cầu mong, ước nguyện, muốn được.

“*Sung*” là sung túc, sung mãn. “*Vừa*” là vừa đủ, không thừa không thiếu. “*Đủ*” là đầy đủ. Ghép các từ lại thì thấy ước mơ này tưởng nhỏ bé nhưng lại lớn lao vô cùng. Ý tưởng dồn đọng lại ở 2 chữ “*vừa đủ*”. Bao nhiêu là vừa, bao nhiêu là đủ còn tùy tính khí từng người. Trong khi bản tính chung của con người là

“*có một lại muốn có hai, có ba có bốn lại nài có năm*”. Mặt khác cũng tùy tâm tính khả năng từng người để có thể “*vừa đủ*”. Xét cho cùng, đây là mong muốn, ước mơ hết sức nhân bản, nhân sinh, nhân hậu, đáng kính, đáng trọng. Con người Hội An luôn vươn lên, khao khát nhưng trong tâm của mình, nhận thức rõ về mình. Hiện nay, nhiều nơi đã phá cách và trưng lên Ngũ quả thờ nhiều loại trái cây khác, số lượng có thể nhiều hơn và màu sắc cũng bắt mắt hơn, trang trọng hơn. Theo suy nghĩ chung của nhiều người là cuộc sống bây giờ đã giàu có, phong phú hơn. Tuy nhiên, vẫn đảm bảo những ý nghĩa của mâm Ngũ quả.



Trang trí ảnh quả trên kiến trúc gỗ Hội An

Trong kiến trúc của người xưa thể hiện trên các mô típ trang trí nghệ thuật còn thấy rõ tính cách của người Hội An hào sảng, phóng khoáng đầy ước mơ vươn lên không ngừng không nghỉ. Một bên đầu Chùa Cầu đắp cặp Phật thủ, biểu tượng cho ngũ giới, tức 5 điều quy định của đạo Phật, tức sự dôi dào. Bên đầu kia Chùa Cầu lại đắp cặp lư biểu tượng cho nhiều hạt, tượng trưng cho con đàn cháu đống. Như vậy ngầm ý giáo huấn đời sau sinh sản nhiều nhưng phải gắn với những răn dạy, những quy tắc của cuộc sống. Tương tự ý tứ như vậy, có thể gặp ở bất cứ di tích tín ngưỡng, di tích dân sinh đều được thể hiện những ý tưởng, tiếng nói răn dạy sâu xa của các bậc Tiên Nhân. Quả

đào cho thăng tiến, hoa mai cho sự đầy đủ lứa đôi, gậy như ý cho “*vạn sự như ý*”, và các mô - típ như “*bát bửu*” (*tám thứ quý*), “*bát quả*”, (*tám thứ quả quý*)...

Tiếp thu tinh hoa văn hóa truyền thống, vươn tới chân - thiện - mỹ, người Hội An hôm nay đang từng bước củng cố, đánh thức tiềm năng để làm một con người hoàn thiện, thực sự đức hạnh, biết ơn Tổ Tiên đã làm nên Di sản, đã trao truyền cho hậu thế bản lãnh, ý chí quý giá giúp cho không ngừng tô điểm xây dựng bản tính “*Nhân tình thuần hậu*” trước bạn bè Thế giới, trước Ngũ Phương, trước năm châu ♦

NHỮNG MÓN ĂN TRONG NGÀY TẾT CỦA NGƯỜI HOA Ở HỘI AN

CN. Tổng Quốc Hưng

Người Hoa ở Hội An thường quan niệm rằng ý nghĩa cát tường - may mắn không chỉ thể hiện qua cách bày trí, trang hoàng nhà cửa hay những câu chúc tụng đầu xuân mà các món ăn ngày Tết của họ cũng mang đầy ý nghĩa cầu mong phát tài, an khang thịnh vượng. Đây chính là nét đặc thù trong văn hóa ẩm thực của người Hoa sinh sống tại Hội An. Vào dịp đầu năm, người Hoa thường làm những món ăn ngon theo truyền thống của bang mình, trước là để cúng tế tổ tiên, thần thánh, sau là để mọi thành viên trong gia đình được thưởng thức những món ăn ngon truyền thống, đồng thời thông qua đó ngụ ý cầu chúc năm mới gặp được vận may, sức khỏe dồi dào, làm ăn phát đạt. Những món ăn truyền thống đó chính là pát xoài, kim tiền kê, Lạp vịt, bún xào...

Kim tiền kê là món đồ nướng được cho là nguồn gốc từ người Quảng Đông. Nguyên liệu chế biến gồm thịt gà, mỡ heo, Lạp xường. Gà chọn loại gà ta đang tuổi lớn. Mỡ heo tốt nhất là loại mỡ gáy cho thơm giòn. Lạp xường thì dùng loại lớn. Thịt gà làm sạch, chặt thành từng miếng vuông vức, vừa phải. Ướp thịt gà với gia vị, tiêu, đường, xì dầu để chùng một vài giờ cho thấm. Mỡ heo, Lạp

xường thì xắt lát mỏng, cùng cỡ với thịt gà. Dùng một que nhọn, dài tốt nhất là que tre xiên lần lượt thịt gà, mỡ, Lạp xường thành từng xâu rồi nướng chín vàng trên lửa than. Khi nướng canh lửa vừa phải không để thịt cháy. Món này trông giống như xâu tiền đồng ngày xưa nên có tên là kim tiền kê. Kim tiền là tiền vàng, kê là gà, có âm trùng với cơ có nghĩa là cơ hội. Có lẽ vì vậy nên người Hoa thường chế biến món ăn này vào các dịp lễ, nhằm cầu mong cho gia đình, cộng đồng luôn được có cơ hội làm ăn phát tài, no đủ.

Khâu nhục, còn gọi là khâu dục, khoai nhục. "Khâu" có nghĩa là "*hấp đến mềm nhục*", còn "*nhục*" hay "*dục*" có nghĩa là "*thịt*", do đó nếu dịch đúng có thể hiểu là "*Thịt được hấp nhục*" hay hấp đến chín nhừ. Khâu nhục được du nhập vào Việt Nam khá lâu đời và đã trở thành món ăn đặc sản nổi tiếng của người Hoa nói chung, người Hoa ở Hội An nói riêng. Món ăn này thường được dùng trong những dịp gia đình có chuyện vui như lễ Tết, cưới hỏi... Theo truyền thống, khâu nhục được chế biến khá cầu kì từ thịt ba chỉ sau khi đã được ướp kĩ các loại gia vị và chưng cách thủy trong thời gian dài. Người Hoa coi khâu nhục

là món ăn dân dã nhưng lại mang ý nghĩa tinh thần rất lớn, cách bài trí miếng thịt lên đĩa theo hình dạng một quả đồi nhỏ đang nhô cao thể hiện ý chí và sự lớn mạnh trong tương lai. Do đó, đây là món ăn gần như không thể thiếu trong các ngày lễ quan trọng của cộng đồng người Hoa.

Lạp ập hay còn gọi là lap vịt, món này về cơ bản cũng giống như lap sườn nhưng được làm từ đùi vịt (*không phải làm từ thịt heo*). Thực tế người Hoa ở Hội An không làm loại này mà đến dịp tết họ thường gửi người thân mua ở Chợ Lớn - Thành phố Hồ Chí Minh về để dùng. Khi ăn người ta rửa sạch miếng lap và bỏ vào nồi com nấu chung với com. Com chín thì lap vịt cũng vừa chín, dầu của lap sẽ chan hòa cùng com, khi mở nồi com ra sẽ thơm lừng mùi vịt lap ... Khi dùng cắt nhỏ vừa ăn. Ngoài ra, có người còn làm theo cách khác, đó là rửa sạch lap và cắt nhỏ từng miếng vừa ăn cho một chén nước nhỏ và ít dầu vào chảo cùng với lap vịt nấu cho lap chín trước rồi cứ lăn đều trên chảo, dầu lap vịt sẽ tự động ra và lăn đến khi chín đều, đến khi bốc mùi hương thơm thì lấy ra đĩa là có thể ăn ngay... Hoặc cũng có người cắt lap ập ra từng miếng nhỏ, cho vào một chén bỏ thêm ít đường, xì dầu, tiêu... rồi đem chần cách thủy hoặc cho vào nồi com khoảng 15 đến 20 phút là có thể dùng được.

Xá xíu chữ Hán Việt đọc là xoa thiêu. Nếu như trong dịp tết người Việt thường làm món thịt xíu thì người Hoa có món xá xíu. Đây là một loại thịt heo quay hoặc nướng, xuất phát từ Quảng

Đông. Thịt thường dùng là thịt vai, ướp mật ong, ngũ vị hương, xì dầu, chao, tương đen, phẩm màu đỏ, và rượu. Hỗn hợp gia vị trên làm cho món xá xíu có sắc đỏ. Đôi khi mạch nha được dùng quét lên để làm thịt óng ả thêm hấp dẫn. Thịt xá xíu còn dùng làm nhân bánh bao, trộn với cơm chiên, hoặc ăn kèm với mì hay cơm trắng.

Trứng vịt Bắc Thảo tên gọi khác là trứng Bách Thảo, Bách nhật trứng, Thiên niên bách nhật trứng, là một món ăn có từ lâu đời, xuất phát từ Trung Hoa. Người ta làm món trứng Bách Thảo bằng cách ngâm trứng trong hỗn hợp bùn nhão được làm từ đất sét pha kiềm và nước, có thể thêm tro gỗ, vôi, muối, và vỏ trấu nhằm duy trì thời gian ủ trứng lâu nhất. Lớp vỏ này có tác dụng ngăn ngừa vi khuẩn xâm nhập. Một cách khác là dùng hỗn hợp gồm bột trà xanh, bột vôi tôi, bột muối biển và bột tro gỗ pha với nước đun sôi tạo thành một dạng bùn nhão, phết lên bề mặt của trứng Bách Thảo. Sau đó lăn trứng qua một lớp mỏng bột vỏ trấu để hỗn hợp bện chặt vào nhau rồi cho trứng vào vại hoặc sọt bằng lụa để bảo quản. Trong khoảng 3 tháng, hỗn hợp bùn nhão sẽ tự động khô lại, lúc này trứng đã có thể dùng được. Trứng sau khi bóc bỏ lớp trấu và các nguyên liệu đắp ở ngoài vỏ thì vỏ trứng có màu đen trắng lẫn lộn như muối tiêu, đôi khi tạo những lớp hoa văn trên bề mặt trông rất đặc biệt. Lòng đỏ của trứng thường có màu xanh xám, xanh đen hoặc màu kem với mùi thơm mạnh đặc biệt, lòng trắng có màu nâu đen và trong suốt như thạch.

Hủ tiếu (đọc theo âm Quảng Đông, còn đọc theo âm Hán Việt là "quả điều", nghĩa là sợi bột hay là bánh sợi). Đây là món ăn dùng chế phẩm gạo dạng sợi của người Triều Châu và người Mân Nam (*phúc Kiến*), món ăn này đã theo chân các thương nhân vùng Hoa nam du nhập vào Hội An đã hàng bao thế kỷ.

Nguyên liệu chính của món hủ tiếu là bánh hủ tiếu, nước dùng chính là với thịt băm nhỏ, lòng heo nấu cùng. Sau đó trộn sơ bánh hủ tiếu với nước dùng, rồi cho các nguyên liệu phụ vào như giá đỗ, hẹ, thịt băm. Có thể ăn với thịt bò viên và tương ớt, tương đen. Món ăn ban đầu được chế biến khá đơn giản: hủ tiếu tươi làm từ bột gạo ăn với nước hầm xương ống heo, thịt heo xắt lát hay băm nhuyễn, thêm chút hành, hẹ, giá... Ngày nay, món hủ tiếu Trung Hoa được thêm nhiều thức ăn phụ khác miếng gân, khúc chân giò, vài miếng lòng tim, gan, cật, ruột non, con tôm, miếng mực, quả trứng, miếng huyết heo hay vài lát chả cá... Nước lèo cũng đậm đà, ngọt ngào hơn khi được nấu bởi tôm, mực khô. Không dừng lại ở đó, người Trung Hoa còn sáng tạo ra các loại hủ tiếu mang những nguyên liệu khác nhau nhưng nó vẫn mang tên là hủ tiếu Trung Hoa như hủ tiếu bò viên, hủ tiếu bò kho hay hủ tiếu khô trộn chút mỡ, xì dầu, nước lèo để riêng, hủ tiếu lòng bò.

Bún xào Phúc Kiến là món ăn phổ biến của cộng đồng Hoa Kiều gốc Phúc Kiến tại Hội An. Đối với họ, đây là món ăn - lễ vật không thể thiếu trong các

ngày giỗ chạp tổ tiên, các dịp cúng thần tại hội quán của bang. Nó còn là món ăn của một số gia đình Hoa kiều Phúc Kiến trong những dịp gặp mặt, hàn huyên, tâm sự để "*vọng cố hương*". Món ăn này được chế biến khá công phu. Nguyên liệu gồm nhiều loại. Trước hết là cua. Những con cua nước lợ, lớn, chắc, mua về luộc chín, rảy lấy thịt, gạch. Thịt ba chỉ xắt thành từng lát mỏng, dài. Tôm khô ngâm nước, rửa sạch, để ráo. Ướp cả ba với gia vị vừa đủ, cho vào chảo xào cho thấm, chín. Thế là xong phần nhân (*nhun*). Bún gạo sợi nhỏ đem ngâm nước cho nở vừa phải, vớt ra để ráo. Dùng một chảo to, khử dầu cho chín, thơm, xong bỏ bún vào xào. Trộn đều cho bún thấm dầu. Bún vừa chín thì cho nhân tôm, thịt, cua vào, xới kỹ để nhân và bún trộn đều. Bỏ thêm một số cộng hành xắt nhỏ rồi bắt xuống. Khi ăn gấp bún ra đĩa, rắc thêm trên mặt một ít tiêu, lá ngò. Bún xào Phúc Kiến béo, dai, không ươn, vị ngọt, mùi thơm, ăn rất ngon miệng. Nó có thể dùng ăn riêng hoặc ăn kèm với cơm, thịt, canh đều được.

Cơm gà Hải Nam đây là món cơm gà làm theo kiểu bang Hải Nam. Gà dùng chế biến là loại gà ta, vừa lớn để thịt không quá mềm hoặc quá dai. Gà làm sạch, luộc chín, giữ lại nước luộc. Gạo dùng để nấu cơm vo kỹ ướp với muối, tỏi, sau đó nấu chín với nước luộc gà. Cơm nấu phải ráo, không dính. Dùng mỡ gà để chiên cơm cho vàng, béo. Khi ăn, dùng cơm ăn kèm với thịt gà chặt lát vừa phải, chấm với loại nước chấm chua ngọt làm từ xì dầu, mắm, chanh, giấm và

đồ lòng gà. Kiểu cơm gà này khác với cơm gà bày bán hiện nay ở chỗ, hiện nay người ta xé nhỏ thịt gà, ăn kèm với cơm.

Tân xại người Triều Châu ở Hội An có một thứ nguyên liệu làm thành món ăn rất nổi tiếng và rất phổ biến, đó là “*tân xại*” hay còn gọi là “*xái pấu*”, tiếng Tiều có nghĩa là “*cải bỏ*”, người Việt gọi củ cải muối. Món này được làm bằng hai nguyên liệu đó là củ cải trắng và muối hột. Để có “*xái pấu*”, người ta dùng củ cải trắng phơi heo héo rồi cho vào khạp để muối, cứ một lớp củ cải là một lớp muối hột, trên mặt phủ lớp muối dày. Sau 2 hoặc 3 ngày phơi nắng, giờ nắp khạp lấy cải ra, đổ bỏ nước rồi muối lại như vậy với lượng muối ít hơn. Đến ngày thứ 6 thứ 7 thì ém cứng củ cải trong khạp, phủ lớp muối hột kín mặt, trét đắp đất sét cho thêm kín. Hai tháng sau đã có “*xá pấu*” ăn được.

Ừ ní còn gọi là Bát bửu là món tráng miệng phổ biến trong cộng đồng người Hoa ở Hội An trước đây. Đến nay thỉnh thoảng một số gia đình, hội quán vẫn còn làm để cúng giỗ hoặc đãi đằng. Nguyên liệu làm là một số loại mứt như bí đao, hạt sen, quật..., khoai môn, mỡ gáy của heo. Đôi khi còn có thêm xôi ngọt. Khoai môn, mỡ heo xắt hình hột lựu, xào với đường. Xếp tất cả vào một tô hoặc tiềm lớn theo thứ tự dưới cùng là các loại mứt, tiếp theo là xôi, trên là môn xào mỡ gáy, đem hấp cách thủy chừng một giờ thì chín. Khi ăn, dùng một đĩa lớn, úp lên trên miệng tiềm hoặc tô, lật

ngược lại để các loại mứt nằm lên trên phô bày đủ màu sắc rất đẹp mắt.

Ngoài ra, trong dịp đầu năm người Hoa ở Hội An còn làm nhiều món ăn truyền thống mang ý nghĩa cát tường như món “*pạt xoài*” thường gọi là súp tóc tiên, âm Hán Việt đọc là “*phát tài*” với ý nghĩa phát tài phát lộc; món cơm Dương Châu với tên gọi là “*Kim ngọc mãn đường*” với ý nghĩa là vàng ngọc đầy nhà; món canh bát bửu gồm chánh hoài, cam thảo, táo Tàu, trần bì, nấm, thịt nạc... nấu thành canh với ý nghĩa năm mới gặp được nhiều của quý, tiền của dồi dào; các món ăn làm từ thịt gà với ý nghĩa đại cát, năm mới mọi sự tốt lành, bởi vì trong tiếng Hoa, chữ “*kê*” là gà đồng âm với chữ “*cát*” là tốt lành, hay nhiều món ăn làm từ cá với ý nghĩa dư thừa, khá giả, vì trong tiếng Hoa, chữ “*ngư*” là cá đồng âm với chữ “*du*” nghĩa là dư thừa, cầu mong suốt năm làm ăn tài lộc dư thừa mà người Hoa thường gọi một cách văn chương là “*niên niên hữu dư*” nghĩa là năm nào cũng được dư giả...

Trải qua nhiều thế kỷ sinh sống trên đất Hội An, cộng đồng người Hoa vẫn có ý thức bảo lưu, lưu truyền một số món ăn riêng cũng như một số thói quen về ăn uống, chế biến gắn với truyền thống ẩm thực quê nhà ở Trung Hoa, từ đó tạo nên một sắc thái riêng trên lĩnh vực này góp phần làm phong phú truyền thống ẩm thực chung của địa phương Hội An ♦

TẾT NGUYÊN ĐÁN VỚI NGÀY ĐẢN SANH BỒ TÁT DI LẶC TRONG VĂN HÓA PHẬT GIÁO Ở HỘI AN

CN.Nguyễn Văn Thịnh

Tết Nguyên đán (hay còn gọi là Tết Cả, Tết Ta, Tết Âm lịch, Tết Cổ truyền hay chỉ đơn giản còn gọi là Tết) là ngày lễ tết truyền thống của dân tộc Việt Nam nói chung, người dân Hội An nói riêng đã có từ ngàn đời nay. Đây là dịp lễ quan trọng nhất trong năm của dân tộc, song hành cùng với văn hóa Tết Âm lịch của các nước Đông Á. Tết Nguyên đán được mở đầu vào đúng giờ tí, tức điểm giao thừa giữa năm cũ và năm mới. “Nguyên đán” có nghĩa là “buổi sáng đầu tiên”, bắt đầu cho một năm mới. Có nhiều ý kiến khác nhau về sự ra đời của ngày Tết, nhưng hầu như phần lớn đều cho rằng Tết có nguồn gốc xuất phát từ nền văn minh lúa nước. Đối với tín đồ Phật giáo và những người tin theo giáo lý đạo Phật, ngày mùng một Tết Nguyên đán lại càng có ý nghĩa hơn khi ngày này được xem (tin) là ngày Đản sanh của đức Từ Thị Di Lặc (Bồ Tát Di Lặc).

Trải qua nhiều thế hệ, Tết không đơn thuần chỉ là ngày lễ cúng tạ trời đất để bắt đầu cho một vụ mùa mới, mà đã trở thành một ngày hội thiêng liêng trong tâm tư và tình cảm của dân tộc; ngày đoàn tụ của mọi người trong gia đình,

tộc họ và đặc biệt theo quan niệm dân gian, ngày Tết được xem như là ngày tổ tiên, ông bà, cha mẹ và những người đã mất được trở về với người thân của mình, đây là một niềm tin mang đậm tính nhân văn. Tùy theo phong tục của từng vùng, ở Hội An cũng giống như nhiều địa phương khác trong nước ta, lễ hội Tết thường được kéo dài từ 3 đến 7 ngày (xưa kia, có khi cả tháng giêng), nhưng bao giờ ngày mùng một (Âm lịch) vẫn là ngày quan trọng nhất với nhiều nghi lễ truyền thống nhằm cầu mong sự bình an, sức khỏe, tấn tài tấn lộc... cho gia đình, người thân và bạn bè; đồng thời đây cũng là dịp mang lại nhiều niềm vui, hy vọng mới bắt đầu cho một năm.

Phật giáo có mặt tại Hội An khá lâu đời. Từ những vị thiền sư đặt nền móng đầu tiên như Thiền sư Minh Châu Hương Hải (1628-1715), hay Thiền sư Thạch Liêm Thích Đại Sán (1633-1704); cho đến các thế hệ kế thừa như Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo (1670-1746), Thiền sư Minh Lượng Thành Đăng (1686-1769), Thiền sư Phổ Triêm (1675-1772), Thiền sư Thiệt Dinh Ân Triêm (1712-1798), đây là những bậc thiền sư lỗi lạc đã có công khai sơn dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh tại Hội An. Cũng chính



trong giai đoạn này các tổ đình lớn như Chúc Thánh, Vạn Đức, Phước Lâm đã ra đời. Nhờ vào sự linh động trong việc dung thông với nền văn hóa và tập tục của cư dân ở bất cứ địa phương hay quốc gia, vùng lãnh thổ nào nó được du nhập nhờ tính “*khế lý, khế cơ*”¹ và triết lý “*tùy duyên bất biến*”², chính vì thế suốt hơn 2000 năm có mặt tại Việt Nam nói chung và hơn 300 năm hình thành và phát triển trên đất Hội An nói riêng, Phật giáo không có bất cứ một sự mâu thuẫn nào mà trái lại đã hoà nhập được với tất cả các truyền thống tâm linh của cư dân địa phương như tục thờ cúng ông bà, cúng cô hồn, với Khổng giáo, Lão giáo qua tư tưởng “*Tam giáo đồng nguyên*”, với các tập tục trong sinh hoạt tín ngưỡng dân gian, hòa quyện nhau, tạo thành một bản

sắc văn hóa và tín ngưỡng độc đáo trong dòng chảy lịch sử.

Cũng có thể nói rằng, từ lâu trong tâm khảm người dân Hội An nói riêng, dân tộc Việt Nam nói chung, ngày mùng một (*Âm lịch*) được cho là ngày mang lại nhiều điều may mắn, niềm hân hoan, tin tưởng mới cho mọi người.

Điều này giống với tinh thần hỷ lạc, từ bi của vị Bồ Tát Từ Thị Di Lặc, người được xem như biểu trưng cho sự may mắn, người đem đến niềm vui cho chúng sanh theo như triết lý của đạo Phật. Chính vì vậy “*tính nhất thể*” này đã được đa số quần chúng Phật tử ở Hội An thể hiện qua việc đi lễ chùa, chiêm bái các vị Phật, Bồ Tát... vào dịp đầu năm mới và đồng thời xem ngày mùng một Tết Nguyên đán cũng là ngày đức Bồ Tát Từ Thị Di Lặc thị hiện đến với thế gian, tức là ngày Đản sanh, hay còn gọi là ngày Vía của Ngài. Hàng năm, cứ vào ngày mùng một Tết (*Âm lịch*) các chùa và tịnh xá ở Hội An đều long trọng tổ chức ngày lễ này với sự có mặt đông đảo của các vị tăng ni, tín đồ Phật tử ở trên địa bàn cũng như các địa phương khác đến tham dự.

Qua hơn 300 năm hình thành phát triển, ngày nay với chính sách tự do tín ngưỡng đã có nhiều chùa, tịnh xá, thiền thất được xây dựng để có nơi tu tập cho đời sống tâm linh của quần chúng và nhờ đó số lượng tín đồ Phật giáo tại Hội An

¹ “Khế lý” là chân lý không thể thay đổi được. “Khế cơ” chỉ cách nhìn nhận sự vật theo căn cơ hay theo từng góc nhìn...

² “Tùy duyên” là tùy hoàn cảnh, phương tiện, thời tiết mà thay đổi các chi tiết cho thích hợp; còn “Bất biến” là không được thay đổi những gì nòng cốt như giới luật, kinh điển, đạo hạnh; đây là triết lý quan trọng của đạo Phật

cũng tăng lên. Tại hầu hết các chùa (*Nam Tông hay Bắc Tông*), tịnh xá ở Hội An đều có thờ đức Bồ Tát Di Lặc. Một số chùa (*Bắc Tông*), tịnh xá có tôn tượng Bồ Tát Di Lặc đặt trong chánh điện, trong sân hoặc tại phòng khách, hay với một bức hoành trang trọng trên tam quan hay ngưỡng cửa lớn: “*Mùa Xuân Di*

Lặc” như chùa Chúc Thánh, Vạn Đức, Long Tuyền, Pháp Bảo, Kim Bửu; tịnh xá Ngọc Cẩm, Ngọc Châu, Ngọc Truyền... Hình ảnh đức Bồ Tát Di Lặc qua thân tướng

mập tròn, miệng rộng, tai dài, bụng lớn, đang cười nụ cười xuất phát từ năng lực tâm từ bi và trí tuệ của bậc thánh giả với vẻ hiền lành, phúc hậu đang ngồi chiếm chệ, xung quanh còn có 5 đứa bé bụ bẫm, dễ thương đang bu, trèo chọc phá Ngài. Trong ngày đầu năm mới, thấy hình ảnh đó, không ai không cảm thấy một niềm an lạc và hân hoan trong tâm mình, từ đó mọi phiền não còn vương vất như được xả bỏ hết, và người Phật tử dường như thấy cả một “*Mùa Xuân Di Lặc*”¹ với “*Nụ Cười Từ Thị*”² đang hiện hữu.

¹ “*Mùa xuân Di Lặc*” xuất hiện trong tín ngưỡng Phật giáo khoảng từ đầu thế kỷ thứ X Tây Lịch. Theo “*Tổng Cao Tăng Truyện*” ngày mùng một tháng Giêng là ngày đản sanh của Bồ Đại Hòa Thượng (*Hóa thân Bồ Tát Di Lặc*). Bồ Đại Hòa Thượng viên

Không đi sâu vào các kinh điển Phật giáo Đại Thừa và Tiểu Thừa để tìm hiểu lịch sử của Bồ Tát Di Lặc, thiết nghĩ chúng ta cũng nên có cái nhìn sơ lược về vị Bồ Tát này trong sự hòa nhập vào dòng văn hóa tâm linh của dân tộc, nhất là đối với vùng đất Hội An có đông đảo tín đồ Phật tử và bề dày lịch sử, văn

hóa, tín ngưỡng, tôn giáo. “*Di Lặc*” là dịch âm của tiếng Phạn Maitreya, dịch nghĩa là “*Từ Thị*” nghĩa là “*Chứng tính từ bi*”. Theo triết lý đạo Phật,

đây là bậc Bồ Tát có năng lực làm chúng sanh không đoạn dứt Phật chủng nên Ngài thường được tôn xưng là đức Từ Thị Di Lặc và được cho rằng sẽ trở thành vị Phật trong Hội Long Hoa ở tương lai để tiếp nối đức Thích Ca Mâu Ni truyền thừa Phật pháp. Ngài còn có tên là A Dật Đa. Theo kinh điển Phật giáo “*Kinh Di Lặc Thượng Sanh*” và “*Kinh Di Lặc Hạ Sanh*”, Ngài có hảo tướng với 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp như đức Thích Ca Mâu Ni, được thờ cúng tại Ấn Độ, Tây Tạng,

tịch năm 916 (*Tây lịch*). Về sau, hằng năm tín đồ Phật giáo đón xuân cổ truyền và cùng làm lễ kỷ niệm ngày đản sanh của hóa thân Bồ Tát Di Lặc. Xuất phát từ tín ngưỡng đó mà hình thành ý nghĩa và nội dung đón mừng Mùa xuân Di Lặc.

² “*Nụ Cười Từ Thị*” tức là nụ cười từ bi. Theo triết lý Phật giáo, hình ảnh đức Bồ Tát Di Lặc cười xuất phát từ tấm lòng từ bi, hoan hỷ và diu dắt mọi người trở về với đạo lý giác ngộ

Chùa Viên Giác ở Hội An - Ảnh: Hồng Việt



Trung Quốc, Việt Nam và một số quốc gia châu Á... Ngài được đức Thích Ca thọ ký sẽ là vị Phật trong tương lai ở cõi sa bà này (*dịch âm của từ "sahà", có sách gọi là "ta bà"*) vào thời mạt pháp, vì thế nên Phật tử niệm danh hiệu Ngài là "*Đương lai hạ sanh Di Lặc Tôn Phật*". Cũng theo hai bộ kinh này thì Bồ Tát hiện đang giảng pháp ở cung trời Đâu Suất. Tuy nhiên, theo tinh thần Phật giáo Đại Thừa thì một vị Bồ Tát đều có báo thân, ứng thân và hóa thân sống gần gũi với chúng sanh nhưng không ai biết được. Theo truyền thuyết Ngài đã hóa thân 2 lần tại Trung Quốc. Lần thứ nhất vào thế kỷ thứ VI đời nhà Tùy là Hòa Thượng Tăng Can cùng với hai vị Hàn San và Thập Đắc là hóa thân của Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền. Lần thứ 2 vào thế kỷ thứ X tại tỉnh Minh Châu qua hình tướng của Bồ Đại Hòa Thượng (*Khế Thủ Hòa Thượng*), một vị hòa thượng mập tròn, luôn vác một cái bao to để nhét các đồ chơi cho trẻ em. Tại một số chùa, tự viện ở nước ta theo hệ phái Bắc Tông (*Đại Thừa*) nói chung, cũng như các chùa ở Hội An theo hệ phái này nói riêng, hay các tịnh xá, đức Bồ Tát Di Lặc được thờ với tướng mạo mập tròn, vui vẻ và yêu con nít của vị Bồ Đại Hòa Thượng này; đối với các chùa theo hệ phái Nam Tông (*Tiểu Thừa*), đức Bồ Tát Di Lặc được thờ với hảo tướng như đức Thích Ca. Thế còn 5 đứa bé trên thân đức Bồ Tát Di Lặc là gì? Tại sao không 4 hay 7, 8 đứa mà là 5 đứa? 5 đứa bé này được gọi là "*Lục Tặc*", tức 6 thằng giặc. 5 đứa sao gọi là lục tặc? và chúng tượng

trung cho giặc nào? 5 đứa bé này tượng trưng cho 5 giác quan của con người: mắt (*thị giác*), mũi (*khứu giác*), tai (*thính giác*), lưỡi (*vị giác*), da (*xúc giác*), và đứa thứ 6 ở trong bụng (*nên bụng Ngài to*) là ý thức (ta thường hay nói "*cái bụng tôi nghĩ vậy*"). 6 giác quan này luôn tạo ảo tưởng và tham dục làm khổ con người nên gọi là "*giặc*". Mắt thì thích nhìn cái đẹp; tai thì ưa nghe lời ca tụng, du dương; lưỡi thích nếm đồ ngon; mũi thích ngửi mùi thơm; da thích xúc chạm với cái gì êm ái; và ý thức, tư tưởng luôn tính toán, tìm cách làm thỏa mãn những tham dục ấy. Chính vì vậy mà con người đau khổ.

Về ngày sinh của đức Bồ Tát Di Lặc có phải là ngày mùng một Tết âm lịch không? Thật ra không có kinh Phật nào nhắc đến ngày đản sanh của vị Bồ Tát này. Có nhiều quan niệm và cách lý giải khác nhau cho việc vì sao Phật giáo lại chọn ngày mùng một Tết (*Âm lịch*) làm ngày Đản sanh của đức Bồ Tát Di Lặc, có một giả thiết cho rằng việc người thế gian xem ngày mùng một Tết là ngày quan trọng nhất trong năm, định đoạt cho việc may rủi có ảnh hưởng cuộc sống suốt một năm. Vào ngày này người ta luôn luôn cẩn trọng từng lời nói, từng việc làm, muốn mọi thứ đều tốt đẹp, vui vẻ cho mình và cho người. Nghĩ rằng chính ngày mở đầu cho một năm mới là ngày sanh của một vị Bồ Tát, vì lòng từ bi sẽ thị hiện để hóa độ chúng sanh ở tương lai, người đến chùa lễ Phật tất sanh tâm hoan hỷ, vui mừng như là điềm lành tạo niềm tin tốt đẹp cho họ, vì thế

Phật giáo đã chọn ngày này làm ngày Đản sanh đức Bồ Tát Di Lặc.

Vốn bản tính chất phác, hiền hòa, người dân Hội An đã hào phóng dung thông mọi dị biệt của các nền văn hóa khác như của Chăm Pa, Trung Quốc, Nhật Bản..., nên việc đón nhận tư tưởng và hành trì đạo Phật trong đời sống suốt hơn 300 năm qua để hình thành một đời sống tâm linh phong phú cũng là điều dễ hiểu. Tết Nguyên đán, đặc biệt vào sáng mùng một, trong không khí tươi vui, quần chúng Phật tử Hội An đã đến các chùa, tịnh xá để làm lễ đón năm mới, cầu quốc thái, dân an, thế giới hòa bình và cung ngưỡng lễ Đản sanh của đức Bồ Tát Di Lặc, chúc mừng các tăng ni và đồng đạo. Nhìn hình tượng vui vẻ, đầy

sự bao dung hỷ xả, mọi người như trút hết những lo phiền, và hình ảnh 5 đứa bé cũng đã nhắc nhở cho con người hiểu sâu sắc lẽ đạo để sống một đời sống cao đẹp và vị tha, tâm dễ khởi lên bao điều thiện lành, nhân ái cho mình và cho người. Đối với các vị tu hành, tín đồ Phật tử, đây là ngày đầy hỷ lạc khi hành lễ trước một vị Phật tương lai, đặt cả niềm tin vào tương lai sẽ thành Phật như lời đức Thích Ca đã dạy: *“Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”* để có cuộc sống *“tốt đời, đẹp đạo”*. Nét truyền thống đẹp đẽ này chính là bản sắc văn hóa độc đáo của dân tộc ta nói chung và đời sống tâm linh của người dân Hội An nói riêng cần được gìn giữ và phát huy ♦



Chùa Pháp Bảo ở Hội An - Ảnh: Hồng Việt

LỄ CHÙA NGÀY TẾT Ở HỘI AN

KTS. Trần Thanh Hoàng Phúc

Tết Nguyên đán - Tết cổ truyền có thể coi là tiết quan trọng bậc nhất trong năm của dân tộc Việt Nam. Nhiều người còn gọi Tết Nguyên đán là Tết đoàn viên, bởi dịp này, sau một năm vất vả bươn chải làm ăn, những người con xa quê lại trở về quê hương, sum họp cùng gia đình, cùng nhau đón chào năm mới, tưởng nhớ ông bà tổ tiên, thăm viếng người thân, bạn bè, dành cho nhau những lời chúc tốt đẹp nhất. Và cũng không ngoa khi nói rằng, Phật giáo có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống tinh thần của người dân, kể cả trong cách đón Tết Nguyên đán, bởi rất nhiều Phật tử, kể cả nhiều người không theo đạo Phật nhưng có niềm tin Phật giáo và đa thần, họ đều đi lễ chùa, cầu an, hái lộc trong dịp này.

Sau thời khắc giao thừa, thực hiện xong các nghi lễ cúng giao thừa (*lễ trừ tịch, cúng gia tiên*) tại nhà, hoặc sau khi xem pháo hoa ở Quảng trường sông Hoài, các Phật tử ở Hội An nói riêng và người có niềm tin vào đạo Phật nói chung thường chọn chùa làm nơi đầu tiên để đến thăm viếng, cầu nguyện. Rất nhiều người, trong chuyến xuất hành ngày mùng một đầu năm, họ cũng chọn chùa là điểm đến đầu tiên. Cũng có người đi thắp hương mộ tổ tiên, ông bà, người thân đã qua đời, xong mới lễ chùa cầu an. Đây là trải nghiệm tâm linh quý báu để người Phật tử có thể cảm thấy nhẹ nhàng, thư thái, bình an, hòa mình vào không khí thiêng liêng đầu năm mới. Đây cũng là dịp để Phật tử đến thăm

viếng, chúc Tết quý tăng ni và hái lộc đầu năm. Rất đông người đến thăm viếng chùa vào dịp này, do đó, nhà chùa cũng phải chuẩn bị thật chu đáo để đón tiếp khách thập phương. Các chùa theo hệ phái Bắc tông, Nam tông hay Khất sĩ đều chuẩn bị đón Tết tương đối giống nhau, tùy vào từng chùa mà có đôi chút khác biệt.

1. Đón Tết ở chùa

Công việc chuẩn bị của nhà chùa được thực hiện từ rất sớm, ít nhất là trước Tết khoảng 2 tháng rưỡi. Đó là việc gieo, trồng hoa, cây cảnh để trang trí chùa trong những ngày Tết. Các Phật tử sẽ đến phụ giúp nhà chùa trồng, vô chậu các loại hoa như thược dược, cúc, vạn thọ, cánh bướm... Với các ngôi chùa làng, việc chuẩn bị đón Tết của Ban hộ tự cũng hoàn toàn tương tự như các ngôi chùa có tăng ni.

Theo truyền thống, khuya ngày 24, rạng sáng 25 tháng Chạp, các chùa ở Hội An (*hệ phái Bắc tông*), nhất là các chùa Tổ có truyền thống lâu đời sẽ làm lễ đưa chư thiên về trời (*lễ đưa chư thiên này còn ảnh hưởng đến các chùa mà môn phái ở Hội An phát triển vào trong Nam, đến nay vẫn duy trì*). Sau lễ này, các chùa dừng tụng kinh, từ đó đến ngày 30 Tết, chùa không đánh chuông, gõ mõ tụng kinh nữa, nói một cách nôm na là “*úp chuông mõ*”. Ngoài việc đưa chư thiên về trời, mục đích chính của lễ là có khoảng thời gian để tăng chúng quét dọn, tổng vệ sinh, sửa soạn lại chùa



chiên, trang hoàng, chuẩn bị hoa quả trên các bàn thờ để nghinh đón một mùa xuân mới. Tuy nhiên, vì nhiều lý do, hiện nay chỉ còn một số ít chùa vẫn duy trì tục “úp chuông mõ” này.

Người Việt có tục dựng nêu trong những ngày Tết, Phật giáo cũng tiếp biến phong tục này. Trước đây một số chùa cũng dựng nêu, ghi danh hiệu đức Bồ Đề Đạt Ma, hoặc có chùa ghi danh hiệu đức Phật Dược Sư nhằm mục đích cầu an cho bốn phương cũng như đạo hữu Phật tử thập phương. Thời gian dựng nêu, hạ nêu cũng theo phong tục dân gian, chỉ khác ở mục đích dựng nêu mà thôi. Dựng nêu ở các ngôi đình, miếu nhằm mục đích trừ tà ma, ở chùa là nhằm cầu an.

Vào giờ Tí đêm giao thừa, tức khoảng thời gian từ 11 giờ đêm đến 1 giờ sáng, chùa làm lễ thành khiển (hành khiển), còn gọi là lễ khai chung bồng, cúng trong thời khắc giao thừa để nghinh đón năm mới. Các lễ Phật giáo thường được cử 3 hồi chuông trống Bát nhã, riêng đối với thời khắc giao thừa, tùy chùa, có thể cử đến 9 hồi chuông trống. Trong lễ này có lễ chúc tán, cầu nguyện cho quốc thái dân an, chúc tụng cho tất cả, từ chư Phật cho đến bàn Tổ, hộ pháp, già lam. Sau lễ chúc tán là lễ khánh tuế

đối với thầy trụ trì tại bốn phương. Tùy theo điều kiện của tăng chúng cũng như điều kiện của đạo hữu Phật tử bốn phương mà tổ chức lễ khánh tuế cho thầy trụ trì cũng như hàng đệ tử đối với thầy, thể hiện tinh thần tri ân của người con Phật.

Khoảng 8 giờ sáng mùng 1, thông thường các chùa có khóa lễ cầu an đầu năm để thầy trụ trì chúc mừng năm mới đối với tất

cả bốn phương cũng như thập phương thiện tín. Ngoài nghi thức cầu an, thầy trụ trì cũng có những lời chúc tụng, hồng bao mừng tuổi (tùy vào từng chùa), mừng năm mới đối với toàn thể đạo hữu Phật tử. Có chùa còn tổ chức “hái lộc” đầu năm, treo lên cây những hồng bao kèm những lời chúc tụng năm mới an vui, được mọi sự thắng lợi, tốt đẹp hơn năm cũ. Những lời chúc trong hồng bao thường được trích từ những đoạn kinh, lời đức Phật dạy để Phật tử chiêm nghiệm, tu tập, hoặc những câu thơ dễ hiểu, dễ nhớ nhưng thể hiện rõ tinh thần của đạo Phật, như:

- Mừng xuân hỷ xả thêm công đức

Đón tết từ bi bớt nỗi phiền.

- Mừng xuân kính chúc luôn tu phước

Trọn năm nguyện ước thầy viên thành

- Tiễn năm cũ đi, sống từ bi, thể hiện chân thiện mỹ

Đón năm mới về, tập hỷ xả, tỏa sáng đức tài tâm.

- Lễ Phật làm phước đầu xuân, bốn mùa hưng thịnh

Tụng kinh phát huệ ngày Tết, trọn năm an lành.

Riêng đối với chùa Pháp Bảo, một ngôi chùa nằm trung tâm Thành phố, cũng là trụ sở Thành hội Phật giáo Hội An, vào lúc 6 giờ sáng mùng 1, tất cả tăng ni trên địa bàn thành phố Hội An về làm lễ đầu năm tại chùa để cầu nguyện quốc thái dân an, cầu cho tất cả chúng sanh, tất cả đạo hữu Phật tử một năm mới được mọi sự an lành.

Trong ngày mùng 2 Tết, tăng ni ở các địa phương: Hội An, Quế Sơn, Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc tổ chức về lễ Tổ ở các Tổ đình Chúc Thánh, Phước Lâm, Vạn Đức, Long Tuyền để làm lễ khánh tuế, đánh lễ các hòa thượng. Lễ Tổ thể hiện tinh thần “*báo hiếu báo ân*” của Phật giáo Quảng Nam nói chung cũng như Hội An nói riêng.

Đến mùng 6 (*có chùa thì mùng 8*), các chùa khai kinh, tụng kinh Dược Sư để cầu an cho năm mới. Phong tục người Việt có lễ cúng xuân thu nhị kỳ, các chùa cũng đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của Phật tử mà tổ chức cúng (*tế lễ mùa xuân để cầu an, tế lễ mùa thu để cầu siêu*). Trong những ngày xuân, trước đây đa phần các chùa cũng có lễ cúng sao (*theo nghi thức của Phật giáo chứ không phải nghi thức của Đạo giáo*), tụng kinh cầu nguyện. Sau này, các chùa lập đàn Dược Sư để cầu an, đúng theo tinh thần Phật giáo. Lễ này kéo dài đến Rằm tháng Giêng. Tùy chùa, chùa có đông tín đồ thì chia ra nhiều đêm để dâng sớ cầu an, chùa có ít tín đồ thì gói gọn trong một đêm. Đa phần có lễ cúng thí thực, phóng sanh để cầu nguyện cho những người khuất mặt mà không có người thờ tự được mọi sự đầy đủ, phóng sanh để thể hiện tinh thần từ bi của Phật giáo.

Ngày Rằm tháng Giêng trùng với tiết Thượng nguyên trong Phật Giáo⁽¹⁾. Đây là một trong những ngày rằm lớn trong năm theo quan niệm Phật giáo, các chùa tổ chức một số hoạt động trong tiết này. Tùy điều kiện, khả năng về nhân sự, tài chính của mỗi chùa, có chùa tổ chức đàn Dược Sư lớn, chầu té, có chùa chỉ cúng thí thực.

2. Phật tử đi lễ chùa, hái lộc ngày Tết

Tối giao thừa, Phật tử đi dự lễ đón năm mới và hái lộc ở chùa rất đông. Vì chùa Pháp Bảo và chùa Long Thọ nằm ngay trung tâm Thành phố nên nhiều Phật tử chọn đi lễ ở hai ngôi chùa này. Khi đến chùa, trước tiên Phật tử sẽ vào chính điện để lễ Phật, lễ Tổ, thành tâm khấn nguyện những lời cầu mong sức

¹ Theo quan niệm dân gian, các ngày rằm lớn trong năm là:

- Thượng nguyên (*ngươn*): là ngày Rằm tháng Giêng, vua Nghiêu ban phước lành cho muôn dân nên gọi là: Thiên Quan Tứ Phước. Nghĩa khác của Thượng nguyên là Tết Nguyên Tiêu, ngày bà con bắt đầu cho việc đồng áng, dọn cỏ, đốt rác để gieo hạt.

- Trung nguyên (*ngươn*): là ngày Rằm tháng 7, vua Thuần xá tội cho vong hồn nơi địa phủ nên gọi là: Vu Lan Xá Tội. Phật giáo là Tết trung nguyên, mùa báo hiếu.

- Hạ nguyên (*ngươn*): là ngày Rằm tháng 10, vua Vũ giải tai ách cho nhân sinh nên gọi là Tết lúa mới. Sau rằm tháng 10 là thu hoạch và cũng được xem như lễ tạ ơn sau một năm lao động.

Theo quan niệm Phật giáo: vì người Việt chúng ta trên 2 ngàn năm sống trong triết lý từ bi của Đức Phật, trong ý thức hệ, ngày Rằm là phải ăn chay lễ Phật. Do đó, ngày Rằm tháng Giêng là ngày rằm đầu của năm, nên nhân dân ước muốn làm phước, sống thiện, cầu phúc cho năm nên Phật tử thường dùng ngày này để cầu nguyện cho gia đình, và mọi người, mở đầu cho năm mới.

Bên cạnh các ngày rằm quan trọng kể trên, trong năm còn có một ngày rằm lớn nữa là Rằm tháng Tư. Đây là ngày Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhập cõi niết bàn. Người dân quen gọi là lễ Phật Đản.

khỏe, bình an cho bản thân, gia đình, bạn bè. Sau đó, họ đến thăm quý Thầy, chư tăng ni, cùng nhau thưởng trà, bánh, mứt và trò chuyện. Trước khi ra về, Phật tử vãng cảnh chùa, nhiều người còn chụp hình để lưu lại kỷ niệm chuyến xuất hành ngày đầu năm. Ngày nay, nhiều Phật tử có xu hướng viếng thăm một vòng các ngôi chùa ở Hội An chứ không phải chỉ một ngôi chùa mà họ thường hay lui tới để tu tập, thực hiện các nghi lễ Phật giáo.

Trước đây, người đi lễ thường hay hái hoa lá, bẻ cành cây trong khuôn viên chùa để lấy lộc, ít nhiều làm hư hại cây cảnh và ảnh hưởng mỹ quan chung. Ngày nay, nhiều chùa có khuôn viên nhỏ hẹp nên không có nhiều cây cảnh, hơn nữa, ý thức xin lộc của Phật tử đã có nhiều thay đổi. Họ không hái hoa bẻ cành nữa, thay vào đó, họ sẽ rất hoan hỉ nhận những “lộc chùa” tượng trưng khác, thường là hồng bao. Mặc dù hình thức “lộc” có thay đổi nhưng ý nghĩa thì không, nó vẫn tượng trưng cho niềm hy vọng được nhiều phúc lộc và may mắn trong năm mới.

Hiện có nhiều người đến chùa lễ Phật, cầu mong đức Phật sẽ phù hộ, mang lại nhiều may mắn, tiền tài, nhà cửa, con cái... Thực ra, đây là quan niệm không đúng với tinh thần của đạo Phật. Đức Phật chỉ dạy cho con người thấy được cái khổ, con đường để tự thoát khổ chứ không hề ban phát sự may mắn, tiền tài hay sự sung sướng. Bên cạnh đó, vẫn có một số hình thức không phải của đạo Phật nhưng vẫn được thực hiện nơi cửa Phật trong những ngày tết như: xin xăm, cầu sao, giải hạn (như Nam Tôn Phật

Đường có cho xin xăm), việc này có lẽ chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của Phật tử và để thu hút tín đồ.

Các hoạt động đón Tết Nguyên đán của chư tăng, Phật tử ở xã đảo Tân Hiệp cũng tương tự như trong đất liền. Rất nhiều người dân nơi đây cũng đi lễ chùa Hải Tạng, tịnh xá Ngọc Truyền, Ngọc Hương trong đêm giao thừa và những ngày Tết. Theo lời Đại đức Thích Giác Tấn - Trụ trì tịnh xá Ngọc Truyền, tịnh xá được trang hoàng đèn lồng, hoa tươi, câu đối,... chuẩn bị chu đáo cho những ngày tết. Vào thời khắc giao thừa, tịnh xá gióng đại hồng chung (3 hồi) và tụng kinh cầu an đầu năm, chúc mừng năm mới đến Phật tử. Sáng mùng 1, sau khi cùng thực hiện nghi lễ chào cờ, tưởng niệm anh hùng liệt sĩ vị nước quên thân ở UBND xã, Sư cùng đồng bào và Phật tử quay về tịnh xá tổ chức hái lộc đầu năm. “Lộc” là hồng bao, bên trong có các lời chúc được trích từ kinh Pháp cú. Ngày mùng 4, tịnh xá khai kinh Dược Sư, tụng liên tục đến hết tháng Giêng; tối 14 âm lịch tổ chức dương sao (theo đúng tinh thần, nghi lễ Phật giáo), thắp 49 ngọn đèn tháp Dược Sư tụng kinh cầu an. Trước đây, tịnh xá cũng có treo cây nêu nhưng sau này không làm nữa vì lý do thời tiết.

Việc thăm viếng, lễ chùa đầu năm thường kéo dài đến hết Tết Nguyên tiêu mới kết thúc. Trong những ngày này, các Phật tử thuần thành, những người có cảm tình với đạo Phật được khuyến khích đến chùa, tham gia tụng niệm cầu an, phục nguyện hồi hướng công đức an lành. Dân



gian có câu: "*Lễ Phật quanh năm không bằng ngày Rằm tháng Giêng*" để nêu bật tầm quan trọng của ngày này trong tâm thức mọi người, rất đông Phật tử đến chùa lễ Phật, cầu nguyện trong dịp này.

Trong những ngày lễ tết, người dân phố Hội không chỉ viếng thăm những ngôi chùa mà còn viếng thăm một số di tích tín ngưỡng khác trong khu phố cổ, dân gian vẫn quen gọi là chùa như chùa Phước Kiến, chùa Ông, chùa Cầu, Tụy Tiên đường Minh Hương... Các địa điểm này cũng thu hút một lượng lớn người dân các địa phương lân cận và du khách đến thăm viếng, cầu nguyện và xin lộc. Ngoài cầu mong về sức khỏe, bình an, họ còn cầu mong về con cái, học hành đỗ đạt, tài lộc, làm ăn tấn tới. Đặc biệt, vào ngày 16 tháng Giêng âm lịch hàng năm, hàng ngàn người dân và du khách đến dâng hương đầu năm tại chùa Ông. Họ kiên nhẫn xếp hàng từ sáng sớm, đợi cả tiếng đồng hồ để chờ đến lượt mình vào xin "lộc Ông". Dòng người tấp nập thành tâm cúng bái, tiếng

chuông ngân vang, làn khói hương huyền ảo, mùi trầm thoang thoảng... tất cả tạo nên không khí tôn nghiêm và linh thiêng ở các ngôi chùa, các điểm di tích này.

Nhận xét một cách chủ quan, trong những năm gần đây, dòng người đến chùa lễ Phật ngày tết ngày càng nhộn

nhịp, có phần náo nhiệt, đông đúc hơn trước. Bên cạnh những người Phật tử thuần thành, nhiều người có cảm tình với đạo Phật cũng đến lễ chùa nhưng hành vi không thật sự thành kính, khiêm cung, tinh tâm mà có phần xô bồ, chưa thực sự hiểu hết ý nghĩa của việc lễ chùa này. Một số người còn có vẻ hời hợt, vội vã tranh giành lấy chút phước lộc mà (*họ tin rằng*) Thần, Phật sẽ ban phát cho mình. Điều này dễ nhận thấy hơn khi quan sát việc người dân đi lễ ở các di tích tín ngưỡng.

Đi lễ chùa ngày tết là phong tục thật đáng trân quý, ngày càng được phát huy. Mong rằng trong thời gian tới sẽ có nhiều người tham gia đi lễ chùa ngày Tết hơn nữa và hiểu biết sâu sắc hơn về phong tục này. Dù chưa biết ý nguyện của mình có thành sự thật hay không nhưng việc đi lễ chùa ngày đầu năm giúp người Phật tử cảm thấy nhẹ nhàng, thanh thản hơn. Còn gì tốt đẹp, tuyệt vời hơn khi khởi đầu một năm mới với cái "*Tâm an lạc*" như vậy, nhỉ! ♦

VÀI NÉT THÚ VỊ TRONG CÁCH ĐÓN TẾT CỦA NGƯỜI HỘI AN

ThS.Nguyễn Hoài Quảng

Tết Nguyên đán, tết cổ truyền của dân tộc Việt luôn ở trong tâm thức và theo suốt cuộc đời mỗi con người. Với rất nhiều phong tục gắn với kỷ niệm riêng của từng người và bản sắc từng vùng miền, cho nên Tết vừa mang dân tộc tính chung nhưng lại in dấu ấn riêng của cá nhân, của mỗi địa phương trên mọi miền tổ quốc. Việc đón và ăn Tết Nguyên đán ở Hội An không nằm ngoài lẽ đó.

Có thể nói, lịch sử của Hội An là một chuỗi dài liên kết các thời kỳ tiếp biến văn hóa, vì vậy Tết ở Hội An có những nét riêng thú vị: vừa có tính hiện đại, đương thời đầy sôi động trong sự hội nhập giao lưu văn hóa toàn cầu lại vừa giữ được nhiều cổ tục với những lắng đọng, tinh tế chứa chan tình cảm hoài niệm tạo nên nếp nhà, gia phong, tạo ra một Hội An rất riêng và rất duyên.

Trước hết là ở phần lễ nghi, cúng kiếng. Nếu ở nhiều nơi, người ta coi việc cúng ông Công, ông Táo ngày 23 tháng Chạp là lễ nghi khởi sự cho một cái Tết nên tổ chức rất trọng thị với cả chếp và mâm cỗ thịnh soạn thì ở Hội An đơn giản hơn nhiều. Đối với nhiều gia đình, đơn thuần đây chỉ là ngày thay cát lư hương, quét dọn bàn thờ gia tiên và tiễn 3 ông đầu rau bằng đất nung trên trang bếp ra chân miếu hoặc gốc cây cổ thụ nơi đầu xóm để thay bằng ông táo mới. Những nhà dùng bếp ga thì chỉ thắp hương, bày một đĩa bánh trái - hoa quả và chùi bếp sạch sẽ là đủ lễ.

Cái không khí tết thực sự cảm nhận phải khoảng từ ngày 27, 28 Tết, khi các phường hội thợ thuyền làm lễ cúng tổ nghề đồng thời cũng là cúng tất niên rộn ràng và tấp nập. Tuy vậy, vẫn có một số nghề hoạt động đến tận giao thừa như thợ may, cắt tóc... bởi nhu cầu công việc và giữ mỗi khách hàng. Trong những ngày này người ta có thói quen đi thăm các mộ phần tổ tiên. Sau khi quét dọn bàn thờ thay cát mới, rửa sạch bình bông, đánh bóng những bộ lư hương, ngũ tự trên bàn thờ gia tiên, mọi người chuẩn bị hương hoa đi thăm viếng phần mộ người thân quá cố. Đến đó dọn dẹp vệ sinh hoa cỏ đại xung quanh mộ, kẻ lại những dòng chữ đã mờ trên mộ chí, thắp mấy nén nhang thăm mời người quá cố về ăn tết cùng gia đình. Một số người tranh thủ trở về thăm bà con quê cũ, biếu hộp trà gói mứt dù rằng những cái này người tại quê có thể mua dễ dàng tại các chợ, siêu thị nhưng ai cũng thật sự quý trọng những món quà này, bởi đó là tấm lòng của những người xa quê nhưng không ly hương. Và điều này thật sự mang đậm hồn nhân văn Hoài Phố.

Các mẹ, các chị có dịp trở tài nữ công gia chánh. Nếu như ngày trước cách đây khoảng trên mười năm người ta hầu hết tự làm tất cả các món để dùng trong Tết (*mặn ngọt, chua cay...*) mà không phải mua thứ gì với rất nhiều món hấp dẫn: thịt xίου, thịt dầm mắm, trười, tré, dưa món, hành muối, kiệu chua, các loại mứt (*dừa, gừng, bí, quýt...*) bánh đủ

loại (*tét, ít, in, thuẩn, lãn...*) thì nay bánh trái, hàng quà bán tràn ngập chợ tết nên chủ yếu là mua về. Tuy nhiên đa phần phụ nữ Hội An vẫn thích tự mình làm ít nhất là một món, để khi khách đến thì tự hào nói: đây là món cây nhà lá vườn, mong bạn đừng chê. Hầu hết những món này ngon và lạ so với cái chung, nên ai nấy đều thích. Và như thế gia chủ càng tự hào, sung sướng.

Dù giữ nhiều cổ tục nhưng sự cúng kiếng không quá cầu kì. Trừ cúng tất niên, cúng đêm giao thừa là cái chung của cả dân tộc Việt, và đa số người Hội An cúng đưa tiễn ông bà mùng 3 hoặc 4 thì chỉ có một số nhà cúng cơm bữa trong 3 ngày Tết, còn lại đa phần dành thời gian 3 ngày đó cho những hoạt động vui chơi, giải trí. Đêm giao thừa là lúc cả nhà đoàn viên. Vì không có tục hái lộc đầu năm nên đại đa số người Hội An ít ra khỏi nhà trước và sau thời khắc giao thừa. Những năm gần đây, với nhịp sống hiện đại, việc tổ chức cầu truyền hình, các hoạt động hội lễ đường phố, ngoài trời nên một bộ phận thanh niên thích dạo phố trong thời khắc thiêng liêng đó, song cũng không quá sa đà, ấy là do cái tục đập đất bởi với quan niệm không ai muốn mình là người đập đất nhà mình đầu tiên, mà mong muốn là những người thành đạt, có học vấn hoặc tính tình vui vẻ, nhẹ vía để tài lộc may mắn đến với gia đình trong suốt năm. Và người ta cũng ngại xông đất vào nhà hàng xóm, bạn bè vào mùng một Tết, vì sợ nếu có chuyện, đôi khi mình lại mất đi một mối quan hệ tốt trong cuộc sống. Chính vì vậy, người Hội An thường dành ngày đó để đi viếng mộ tổ tiên, thăm thờ họ tộc, thăm ông bà cha mẹ và nếu có thì đến chúc tết thầy dạy nghề, dạy chữ - thường là đã nghỉ hưu hoặc nhiều tuổi. Sau đó thì mùng hai, mùng ba đến nhà đồng nghiệp, bằng hữu và thỏa sức la cà mà chẳng sợ chuyện gì.

Tết đến ai cũng thích chơi cho thỏa thích. Nơi đầu đường cuối xóm đâu, đâu cũng thấy các xồng bầu cua, xì lát, có nơi hiện nay đang thịnh đồ xăm hương rộn vang tiếng gieo những con xúc sắc. Mặc dù cờ bạc là bị cấm về mặt nguyên tắc, nhưng người ta vẫn thích giải trí bằng hình thức này. Tất nhiên trừ những trường hợp quá đáng, còn lại thì điều này vẫn được du di trong 3 ngày Tết. Nhiều người cả năm không biết chơi bài, nhưng vẫn thích đánh thử một ván để thử xem vận hên của mình, chính vì thế những sòng bài di động này luôn đông người và rất náo nhiệt. Tại các điểm công cộng từ xã phường đến thành phố diễn ra các trò chơi vui xuân có thưởng rộn ràng với muôn vạn hình thức từ cổ đến kim (*ném lon, bắn súng, ném vòng, máy bay, lắc bi... đến bài chòi, lô tô*), đâu đâu cũng một âm hưởng vừa nghiêm trang, cổ kính vừa tươi trẻ rộn ràng.

Và Tết đến thì muôn hoa khoe sắc. Với một xứ được mệnh danh là nơi “*lá bông đủ màu*” thì hoa không thể thiếu trong mỗi nhà vào dịp Tết, muôn vàn sắc hoa. Tất cả tập tưng ở chợ hoa dọc tuyến đường Trần Hưng Đạo - Nguyễn Huệ - Phan Châu Trinh khoảng một tuần trước tết, để từ đó tỏa ra làm đẹp cho mọi người, mọi nhà của phố Hội trong dịp Tết. Và nếu tinh ý, bạn sẽ nhận ra khiếu thẩm mỹ, trình độ học vấn và cả sự bình dân hay sang trọng của những người mua hoa và thưởng hoa - đó cũng là một nét thú vị của Tết phố Hội vậy.

Có thể nói nét đẹp văn hóa Tết cùng nhiều vẻ đẹp văn hóa khác đã làm nên một Hội An say đắm lòng người qua bao thế hệ, cho nên vẫn còn đọng mãi câu ca:

Ai qua phố Hội chùa Cầu!

NĂM HỘI VỚI NHỮNG SỰ KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN DI TÍCH Ở HỘI AN

CN.Võ Hồng Việt

Con heo là con vật đứng ở vị trí cuối cùng trong số 12 con giáp tương ứng với 12 địa chi (*Thập nhị địa chi: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi*) theo quan niệm văn hóa cổ truyền của dân tộc. Trong âm lịch, tháng cầm tinh con heo (*tháng 10*) được gọi là tháng Hợi và năm cầm tinh con heo được gọi là năm Hợi với các tháng/năm can chi: Ất Hợi, Đinh Hợi, Kỷ Hợi, Tân Hợi và Quý Hợi. Chu kỳ của mỗi năm can chi là 60 năm (*năm Kỷ Hợi - 2019, 1959, 1899, 1839,...; năm Đinh Hợi - 2007, 1947, 1887, 1827,...*). Năm Kỷ Hợi - 2019 bắt đầu từ ngày 05/02/2019 đến 30/01/2020 dương lịch, có tổng cộng 30 ngày cầm tinh con heo. Trong đó, tháng cầm tinh con heo (*tháng Ất Hợi - tháng 10*) có 3 ngày cầm tinh con heo là ngày Kỷ Hợi (02/10 âm), ngày Tân Hợi (14/10 âm), ngày Quý Hợi (26/10 âm).

Trong lịch sử, có nhiều sự kiện diễn ra trong năm Hợi liên quan đến Hội An, Quảng Nam. Năm Ất Hợi - 1695, theo lời mời của chúa Nguyễn Phúc Chu, từ Quảng Đông - Trung Hoa, Thiền sư phái Tào Động Thích Đại Sán đã đến Đàng Trong từ mùa xuân năm Ất Hợi - 1695 đến mùa hạ

năm Bính Tý - 1696 và có khoảng thời gian ở tại Hội An. Những ghi chép về Hội An nói chung và Cù Lao Chàm nói riêng của Thiền sư Thích Đại Sán trong Hải Ngoại Ký Sự¹ là những thông tin quý để nghiên cứu về lịch sử văn hóa Hội An.

Có thể thấy, hiện nay có nhiều tư liệu, sự kiện được ghi chép hoặc diễn ra trong năm Hợi liên quan đến Hội An. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết này chỉ giới thiệu một số sự kiện liên quan đến di tích theo hình thức biên niên.

Năm Đinh Hợi – 1647

Vào cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII, mối quan hệ giao thương giữa Nhật Bản với Đàng Trong phát triển mạnh mẽ. Nhiều thuyền Châu Ấn của Nhật Bản đã đến buôn bán ở Hội An. Được sự cho phép của chúa Nguyễn, các thương nhân và người dân Nhật Bản lập khu phố riêng ở Hội An để sinh sống, làm ăn, buôn bán. Sau khi chính quyền phong kiến Nhật Bản có lệnh cấm xuất dương, nhiều thương nhân Nhật vẫn ở lại Hội An để làm ăn

¹ Tác phẩm Hải ngoại ký sự được Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam thuộc Viện Đại học Huế biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản năm 1963.

và mất tại đây. Hiện nay, tại Hội An còn có 3 ngôi mộ của thương nhân Nhật có niên đại thế kỷ XVII, gồm mộ ông Gosukukun, Banjiro và Tani Yajirobei. Mộ ông Tani Yajirobei nằm giữa cánh đồng lúa Trường Lệ, bia mộ được lập vào năm Đinh Hợi - 1647. Bia mộ bằng sa thạch, mặt bia với dòng chính giữa đề: 顯考？次郎兵衛谷公之墓 (*Hiển khảo ? thứ lang binh vệ cốc công chi mộ*), dòng bên phải đề: 日本丁亥年 (*Nhật Bản, Đinh Hợi niên*), dòng bên trái đề: 平戸孟秋立 (*Bình Hộ, Mạnh Thu lập*).

Năm Kỷ Hợi - 1719

Chúa Nguyễn Phúc Chu (*Hiếu Minh Hiến Tông hoàng đế*) tuần du đến phố Hội An, qua di tích chùa Cầu, thấy thuyền buôn các nơi tụ họp đông đúc, tấp nập, bèn ngự ban tên

cho di tích là: 來遠橋 (*Lai Viễn Kiều*), cho khắc bằng sơn son thếp vàng tặng. Hiện nay bức hoành đề tên Lai Viễn Kiều treo trang trọng tại gian chính giữa di tích chùa Cầu, trên lối đi từ cầu vào miếu thờ bên trong. Bức hoành có kích thước 158cm x 60cm, chữ thếp vàng trên nền màu đỏ. Diềm bức hoành trang trí hình 6 con rồng, trong đó diềm trên và dưới trang trí hình rồng theo đề tài “*lưỡng long tranh châu*”. Mặt bức hoành đề: 來遠橋, 國主天縱道人題 (*Lai Viễn Kiều, Quốc Chúa Thiên Túng Đạo Nhân đề*).

Năm Đinh Hợi - 1827

- Lập bia tu bổ di tích Quan Công miếu. Quan Công miếu tọa lạc tại số 24 Trần Phú, thuộc phường Minh An. Theo bia đá lập năm Quý Dậu - 1753 có thể đoán định di tích



Bức hoành đề chữ 來遠橋 do Chúa Nguyễn Phúc Chu ban tặng treo tại di tích Chùa Cầu - Ảnh: Hồng Việt



Quan Công miếu vào ngày tết Nguyên Tiêu - Ảnh: Hồng Việt

được xây dựng vào năm 1653. Trải qua thời gian, di tích được tu sửa nhiều lần, trong đó lần thứ 3 có lẽ vào năm Đinh Hợi - 1827. Bia tu bổ lần này được gắn ở tường phía đông của di tích, bên cạnh bia tu bổ lập năm 1753. Bia có diềm trang trí hình rồng, mặt bia đề chữ nhưng bị phong hóa nên mất nhiều chữ. Dòng gần cuối đề: 皇越明命萬年之捌丁亥冬拾貳月吉日明鄉社鄉官鄉老鄉長員職全記立 (*Hoàng Việt Minh Mệnh vạn niên chi bát Đinh Hợi đông thập nhị nguyệt cát nhật. Minh Hương xã hương quan hương lão hương trưởng viên chức đồng ký lập*).

- Lập bia tu bổ nhà thờ tộc Lưu. Nhà thờ tộc Lưu nằm ở số 45/7 Trần Hưng Đạo. Theo gia phả và văn bia, tộc Lưu có gốc ở Sơn Đông, Ngọc Dung, Giang Tây, Trung Quốc. Tổ tiên qua buôn bán ở Hội An và sinh cơ lập nghiệp tại đây, có xây ngôi từ đường để thờ tự. Ngôi nhà thờ bị hỏa hoạn vào năm

Nhâm Ngọ (1822), đến năm Đinh Hợi (1827) thì được tu bổ lại (*hoàn thành vào tháng 9*). Dòng cuối của văn bia đề: 皇越明命捌年秋玖月上浣 (*Hoàng Việt Minh Mệnh bát niên thu cửu nguyệt thượng hoán*).

Năm Quý Hợi -

1863

Lập miếu áp Ba Nông. Xà cò tại di tích cho biết vào năm Tự Đức thứ 16 (1863) miếu áp Ba Nông được lập ở giáp Nam, xã Thanh Châu, nay thuộc khối Sơn Phô I, phường Cẩm Châu. Nội dung xà cò đề: 嗣德拾陸年歲次癸亥五月拾壹日寅刻清洲社南甲本邑等全造 (*Tự Đức thập lục niên tuế thứ Quý Hợi ngũ nguyệt thập nhất nhật Dân khắc Thanh Châu xã Nam Giáp bốn áp đẳng đồng tạo - Giờ Dân ngày 11 tháng 5 năm Tự Đức thứ 16*).

Năm Tân Hợi - 1911

- Trùng tu Văn chỉ Minh Hương. Văn chỉ Minh Hương tọa lạc tại số 20 đường Phan Châu Trinh, được xây dựng hoàn thành vào năm 1868 để thờ Khổng Tử, Tứ phối, Thất thập nhị hiền và các vị khoa bảng làng Minh Hương. Xà cò hiện còn cho biết Văn chỉ Minh Hương được tu bổ vào năm Tân Hợi

- 1911. Nội dung xà có đề: 大南維新五年歲次辛亥仲春吉日明鄉社鄉官鄉老鄉長全社等全重修 (Đại Nam Duy Tân ngũ niên tuế thứ Tân Hợi trọng thu cát nhật Minh Hương xã hương quan hương lão hương trưởng toàn xã đẳng đồng trùng tu)

- Chạm nội dung bia Khai sơn hòa thượng thuật (Hạnh thuật vị khai sơn hòa thượng - Minh Giác hòa thượng). Trước sân chùa Phước Lâm, phía bên phải bình phong có tấm bia đề 2 mặt dựng trong nhà bia. Bia chất liệu cẩm thạch, vát góc, kích thước 89 x 128 x 16cm, diềm rộng 10cm và được trang trí hoa dây, rồng cách điệu. Mặt trước bia đề bài “Kể hòa thượng thuật” do Hòa thượng Vĩnh Gia lập bia năm

Tự Đức thứ 22 - năm 1869. Mặt sau đề bài “Khai sơn hòa thượng thuật” do đệ tử Nguyễn Thị Định phụng cúng và được khắc vào bia vào mùa xuân năm Tân Hợi - 1911.

Năm Ất Hợi - 1995

Thực hiện dự án nghiên cứu “Khai quật khảo cổ học về di tích văn hóa mộ chum Sa Huỳnh ở thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng” do quỹ của TOYOTA FOUNDATION (Nhật Bản) tài trợ từ năm 1993 - 1995, vào năm 1995 đã khai quật các di tích khảo cổ ở Hội An tại địa điểm Hậu Xá I, Xuân Lâm (5/1995), An Bang (5/1995). Kết quả của dự án nghiên cứu này là sự ra đời của bảo tàng chuyên đề về Văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An.

Cũng trong năm 1995, trong chương trình nghiên cứu về di tích người Nhật ở Hội An, Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa - Nhật Bản cũng phối hợp với Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội, Ban Quản lý Di tích Hội An tiến hành khai quật di tích đình Cẩm Phô (7/1995).

Cũng với sự hỗ trợ của Nhật Bản, năm 1995, Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch Hội An được hình thành.

Kết quả nghiên cứu khảo cổ tại các địa điểm nói trên đã cung cấp nhiều tư liệu, nhận thức mới để nghiên cứu về lịch sử - văn hóa Hội An nói chung, Đô thị thương cảng quốc tế Hội An nói riêng. ♦



1. Hội An dưới thời Thái Đức - Nguyễn Nhạc và Bắc Bình Vương - Nguyễn Huệ

Năm 1773, sau khi chiếm phủ thành Quy Nhơn, Nguyễn Nhạc cho nghĩa quân đánh ra vùng Quảng Nam, người Quảng nô nức theo Tây Sơn trong đó có cả lực lượng thương nhân người Hoa ở Hội An. Trong số này có hai viên tướng người Hoa là Tập Đình và Lý Tài lập hai đội Trung Nghĩa quân và Hòa Nghĩa quân, chọn dinh Quảng Nam làm sở chỉ huy. Đội quân này: “Cạo đầu kết tóc gọi là người Trung Quốc (Đường Nhân). Mỗi khi ra trận thì uống rượu say, cỡi trần, cổ đeo vàng mã, tỏ ý liều chết. Quân Thuận Hóa nghe tiếng đã chạy tan. Từ đèo Hải Vân trở về Nam đều do Nguyễn Nhạc chiếm cứ”¹ và cho quân uy hiếp thành Phú Xuân.

Đầu năm 1775, quân Trịnh quyết ra quân trước và chiếm được thành Phú Xuân, chúa Nguyễn Phúc Thuần cùng quân tướng và gia nhân bỏ thành bôn tẩu vào Nam. Thừa thắng trong trận Phú Xuân, Hoàng Ngũ Phúc, tướng chỉ huy quân Trịnh đánh vào đất Quảng Nam.

Nguyễn Nhạc từ Hội An nghe tin mang quân đến sông Cẩm Lệ cố chống giữ. Bị tượng binh quân Trịnh tấn công, Tây Sơn thua trận, 100 nghĩa quân bị bắt và bị giết trong trận đầu tiên. Tiếp đó, ngày 21 tháng 5 năm 1775, trận hỗn

chiến ác liệt tại Cẩm Sa, quân Tây Sơn bị thiệt hại nặng, 113 tướng sĩ bị chết, 138 người khác bị bắt, 2 voi chiến và 5 thuyền bị chiếm. Thủy quân Tây Sơn rút về phía biển Cửa Đại, Nguyễn Nhạc chỉ huy bộ binh cũng theo hướng Quảng Ngãi để lui quân, hai viên tướng thiện chiến người Hoa là Tập Đình và Lý Tài chỉ huy hai đội quân Trung Nghĩa và Hòa Nghĩa thất trận cũng bỏ trốn.

Hội An trở thành mục tiêu chính của quân Trịnh.

Ngày Tết Đoan Ngọ (mùng 5 tháng 5 năm Ất Mùi), tức ngày 2 tháng 6 năm 1775, quân Trịnh đã có mặt Hội An.

Lưu dấu về đội quân này, hiện nay tại bãi đường Quan Công miếu Hội An còn lưu lại ba bài thơ, trong đó có bài thơ họa của Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm² với Đốc thị Nguyễn Lệnh Tân và Uông Sĩ Điển có mặt tại Quan Công miếu Hội An vào mùa hè năm 1775 là một chứng tích quý hiếm về các tướng lĩnh quân Trịnh tại Hội An:

Trong di sản thơ văn của Nguyễn Nghiễm viết về Hội An có bài *Sur đề Hội An phổ, đề Quan Phu tử miếu* là vô giá, nguyên bản được chụp lại:

- *Phiên âm*:

Sur đề Hội An phổ đề Quan phu tử miếu

¹ *Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789)*, Nxb Khoa học xã hội, 1991, tr. 359.

² Thân sinh của Đại thi hào Nguyễn Du

Niết ngọt¹ Viêm đồ² khảng khái
thân

Đào viên huynh đệ tức quân thần

Trực tương trung nghĩa sư thiên cổ

Vô luận anh hùng địch vạn nhân

Tâm thượng³ Cao - Quang⁴ hoàn
nhất thống

Mục trung Ngô - Ngụy⁵ thất tam
phân

¹ Niết ngọt - 艱 飢: tướng mạo dao động bất an. Chữ này xuất từ Kinh Dịch - 經 易, quẻ Khốn - 困. Cụ thể, Hào “Thượng lục: khôn vu cát lũy, vu niết ngọt” - 上六: 困于葛藟, 于艱飢 (Hào trên cùng, âm: Bị khôn vì dây sắn dây leo, khập khiễng, gặp ghềnh)

² Viêm đồ - 炎 圖: Cơ đồ của Viêm đế - 炎 帝 (còn gọi là Thần Nông - 神農). Người tộc Hán tự coi mình là con cháu của các vị Thần Nông Viêm đế - 神農 炎帝 và Hiên Viên Hoàng đế - 軒轅黃帝 (tức gọi là Viêm Hoàng tử tôn - 炎黃子孫), vậy nên Viêm đồ - 炎 圖 (cơ đồ của Viêm đế Thần Nông thị) dùng để phiếm chỉ cơ đồ chính thống của nhà Hán. Viêm đồ cũng đồng nghĩa với Viêm tộ - 炎 祚, tức chỉ sự nghiệp đế vương của Lưu Bị - hậu duệ chính thống của Hán tộc

³ Tâm thượng - 心 上: tức là trong lòng (tâm trung - 心中), trong tâm can, tâm lý. Tác giả Phạm Trọng Yêm - 范仲淹 (989-1054) đời Tống trong bài Từ nổi tiếng “Ngự nhai hành” - 御街行 có câu: “my gian tâm thượng, vô kể tương hồi tị - “眉間心上無計相迴避” (Nét mặt, đáy lòng; khó tìm đường lẫn thoát)

⁴ Cao Quang - 高 光: Cao 高 tức Hán Cao tổ Lưu Bang - 漢高祖劉邦 (256-295 Tr.CN), vị hoàng đế sáng lập nhà Hán - còn gọi là nhà Tây Hán - 西漢 (202 Tr.CN - 9 S.CN) sau khi đã dẹp được nhà Tần; Quang - 光 là Hán Quang Vũ Đế Lưu Tú - 漢光武帝劉秀 (6 Tr.CN - 57 S.CN), vị Hoàng đế nhà Hán triều đại Trung hưng - người tạo dựng cơ nghiệp nhà Đông Hán - 東漢 (23-220).

⁵ Ngô Ngụy - 吳 魏: tức nhà Đông Ngô - 東吳 của Tôn Quyền và nhà Bắc Ngụy - 北魏 của Tào Tháo; cùng với nhà Tây Thục - 西蜀 (hay còn gọi là Thục Hán - 蜀漢) của Lưu Bị đã tạo nên thế chân vạc, “tam phân thiên hạ - 三分天下” (thiên hạ chia ba) tức là thời Tam Quốc (Nguy - Thục - Ngô)

Chí kim vạn quốc đồng chiêm
phụng

Phỉ trực⁶ nguy nhiên⁷ hải thượng
thần

Thời: Cảnh Hưng tam thập lục niên
Ất Mùi đoan dương tiết;

Tứ Tân Hợi khoa Tiến sĩ Đặc tiến
Kim tử Vinh lộc Đại phu phụng sai Tả
tướng quân Nhập thị Tham tụng Hộ bộ
Thượng thư, Tri Đông Các kiêm Tri
Trung Thư giám, Quốc sử Tổng tài, Đại
Tư đồ trí sĩ khởi phục, Trung Tiệp quân
doanh Xuân quận công Nguyễn Nghiễm
Hy Tư phủ thư.

- Dịch nghĩa:

Quân đến phủ Hội An, đề thơ ở
miếu Quan Phu tử

Cơ nghiệp nhà Hán lung lay, [ngài]
hăng hái dốc thân mình [phò tá]

Chôn vườn đào kết nghĩa: [tình]
anh em tức là [lễ] vua tôi.

Đạo lý trung trinh, nghĩa khí chính
trực sáng ngời của ngài xứng đáng là bậc
thầy muôn đời rồi.

Đâu cần phải bàn về chuyện anh
hùng đối địch với vạn người!

Tận đáy lòng hướng đến hoàn
thành sự nhất thống giang sơn như vua
Cao tổ, Quang Vũ nhà Hán

⁶ Phỉ trực - 匪直: không chỉ, không hẳn, không riêng gì. Tác giả Lịch Đạo Nguyên - 酈道元 triều Bắc Ngụy - 北魏 trong sách Thủy kinh chú - 水經註, mục Khẩu thủy - 滸水 có nói rằng: “phỉ trực bồ duẩn thị phong, thực diệp thiên nhiên lưỡng ngẫu” - 匪直蒲筍是豐實亦偏饒菱藕 (nghĩa là: không chỉ có bồ, măng tre mới tươi tốt mà thực ra cũng thiên nhiên về sự phồn phú ở củ ấu, ngó sen)

⁷ Nguy nhiên - 巍然: hình tượng cao lớn vợi vợi.

Nên trong mắt [ngài], Đông Ngô, Bắc Ngụy không thể khiến [đất nước] chia ba được.

Đến nay, ngàn vạn quốc gia cùng chiêm bái, thờ phụng.

Đâu chỉ riêng [vì ngài hiển linh] ở sự uy nghi vòi vọi của vị thần trên biển!

Vào tiết Đoan dương năm Ất Mùi, niên hiệu Cảnh Hưng 36 [1775].

Ấn tứ Tiến sĩ khoa Tân Hợi, Đặc tiến Kim tử Vinh lộc Đại phu, phụng mệnh giữ chức Tả tướng quân, Nhập thị Tham tụng Hộ bộ Thượng thư, Tri Đông Các kiêm Tri Trung Thư giám, Quốc sử Tổng tài, Đại Tư đồ trí sĩ khởi phục, Trung Tiệp quân doanh Xuân quận công Nguyễn Nghiễm Hy Tư phủ đề thơ.

Sau những thất bại liên tiếp, Nguyễn Nhạc xin với quân Trịnh giảng hòa. Mặc dù đã quy thuận và được ban cờ quạt, áo mũ, nhưng Hoàng Ngũ Phúc vẫn không tin đó là xuất phát từ lòng thành của Nguyễn Nhạc nên quyết định cho quân từ Hội An tiến vào Châu Ô¹ để nắm rõ tình hình. Nhưng sau khi đến Châu Ô, do không hợp thủy thổ, không chịu đựng được gian khổ dài ngày nên Hoàng Ngũ Phúc, Nguyễn Nghiễm cùng 600 tướng sĩ bị bệnh nặng.

Ngày 25 tháng 10 năm 1775, Hoàng Ngũ Phúc cùng quan quân trở về Phú Xuân: “Cả vùng đất từ Quảng Ngãi, ra Thăng Hoa, Điện Bàn không có binh đồn trú ngăn giữ một phương, nên trộm cướp tụ tập cả bầy, nghe tin mật báo, Nhạc bèn đem binh về cứu”². Kể từ đó,

Nguyễn Nhạc cho quân chiếm lại đất Quảng Nam trong đó có Hội An. Nguyễn Nhạc sai người ra Phú Xuân để đòi lại đất Quảng Nam, chúa Trịnh Sâm không muốn chiến tranh tiếp diễn nên đã đồng ý và trao cho Nguyễn Nhạc chức “Quảng Nam Trấn thủ Tuyên úy Đại sứ, phong Nhạc tước Cung Quốc công”³.

Quảng Nam trở thành vùng đất thuộc về quyền kiểm soát Tây Sơn cho đến ngày Nguyễn Huệ đưa nghĩa quân từ Quy Nhơn ra đánh chiếm Phú Xuân-Thuận Hóa vào mùa hè năm 1786, rồi thuộc về đất của Bắc Bình vương Nguyễn Huệ trong các năm 1786-1788.

Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu, ít nhất cho đến năm 1779, vùng đất Quảng Nam vẫn sử dụng niên hiệu Cảnh Hưng. Điều đó được thể hiện trong một văn bản sưu tầm tại địa phương, triều đình Thái Đức có lệnh cấm: “*Chỉ cấm các nhà quyền quý ở nội phủ, quan quân thủy bộ các nha cùng quan lại các phủ, hãy biết rằng, từ nay về sau hễ các tàu buôn đến nước ta buôn bán phải theo đúng giá thị trường mà thuận tình mua bán không được ý thế mua ép giá, nếu bất tuân có tình chèn ép có người tố cáo tra đúng sự thật thì tội đó không được tha.*”

Lại các tàu buôn vào cảng tặng lễ vật cho quý ông, quý bà ở nội phủ, quý nha phủ thì cũng phải chiếu lệ nạp thuế cảng nhằm giữ an ninh trong buôn bán. Do vậy, nay cấm.

Cảnh Hưng năm 40 (1779) tháng 2 ngày 20⁴.

¹ Nay là Chu Lai, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

² Lê Dân (2012), *Nam Hà tiếp lục*, Trần Đại Vinh dịch, Tạp chí *Nghiên cứu và phát triển*, số 3-4, Huế, tr. 57.

³ Đại Nam Chính biên liệt truyện: Nhà Tây Sơn, Phủ quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa, Sài Gòn, 1970, tr. 40-41.

⁴ Tổng Quốc Hưng (2009), *Một vài đặc trưng văn hóa Hội An thời các chúa Nguyễn*, trong Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 7, Hà Nội. tr.29-37.

Trên trục đường Trần Phú hiện nay tìm thấy nhiều văn bản kê khai đất đai vào tháng 11 năm Thái Đức thứ 8 (1785) của các chủ đất: Huỳnh Tứ Nương, Huỳnh Trần Nương, Huỳnh Khoan Nương, Trương Thị Thái, Hứa Thị Hiếu¹. Chứng tỏ đến trước năm 1785, triều đình Thái Đức đã kiểm soát toàn bộ phần đất từ đèo Hải Vân trở về phía Nam nên không còn sử dụng niên hiệu Cảnh Hưng như trước đó.



Mộ thứ phi vua Quang Trung (Trần Thị Quy) và các tướng Tây Sơn ở Cẩm Thanh

2. Hội An dưới thời Hoàng đế Quang Trung và Cảnh Thịnh

Tư liệu Hội An dưới thời vua Quang Trung và Cảnh Thịnh còn lại rất hiếm nên rất khó hình dung diện mạo Hội An trong giai đoạn này. Tuy nhiên, những thông tin của John Barrow trong chuyến du hành xứ Nam Hà vào năm 1792-1793, thời điểm cuối thời Quang Trung đầu thời Cảnh Thịnh cho biết nhiều chi tiết đáng lưu ý.

John Barrow rất lưu ý đến lợi thế của Cù Lao Chàm như là một trấn sơn chiến lược của thương trường quốc tế Hội An. Ông viết: “Một hòn đảo nhỏ có tên *Callao* nằm cách phía nam vịnh *Turon* chừng 30 dặm cũng được liệt vào các phần nhượng địa. Hòn đảo này hoàn toàn kiểm soát của nhánh chính con sông mà *Faifo* - trước đây là nơi buôn bán chính của nền ngoại thương”².

Điều thú vị là John Barrow còn cho biết dưới thời Tây Sơn việc khai thác yến sào và các sản vật tại quần đảo Hoàng Sa vẫn được chính quyền sở tại cho thực hiện bằng những đội thuyền chuyên nghiệp: “Những tàu thuyền này được dùng trong công việc buôn bán ở vùng duyên hải và đánh cá. Và những thuyền đi thu lượm giống *Trepan* (hải sâm) và những tổ chim yến trong quần đảo có tên gọi *Paracels* (Hoàng Sa) thuộc nhiều loại được mô tả khác nhau. Nhiều chiếc trong số đó giống như những thuyền *sampan* (tam bản) của Trung Quốc, dựng chòi phủ chiếu, bạt, cả gia đình thường xuyên ở dưới mái che”³.

John Barrow rất lưu ý đến mặt hàng yến sào thu được tại Hoàng Sa: “cùng những tổ chim yến thu lượm được rất nhiều trên những cụm lớn các đảo chạy song song với bờ biển mà trên các hải đồ có tên là *Paracels* (Hoàng Sa)”⁴.

¹ Đỗ Bang (1996), *Phổ cảnh vùng Thuận Quảng thế kỷ XVII-XVIII*, Sđd, tr. 84.

² J. Barrow, *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793)*, bản dịch Nguyễn Thừa Hỷ, Nxb Thế giới, 2008, tr. 108.

³ J. Barrow, *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793)*, Sđd, tr. 92.

⁴ J. Barrow, *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793)*, Sđd, tr. 114.

Tuy nhiên, một một hoàn cảnh lịch sử đã làm cho Hội An và vùng phụ cận tiêu điều là do hậu quả của cuộc chiến tranh trước đó. Qua cơn binh lửa dưới thời quân Trịnh và Tây Sơn (1775-1792), John Barrow cho biết Hội An, Đà Nẵng vẫn còn nhiều đồng đồ nát chưa thể khôi phục được: “Mặc dù chúng tôi chưa bao giờ thấy một thành phố rộng lớn hay những lâu đài tráng lệ ở vùng phụ cận của vịnh *Turon*. Tuy xưa kia nơi này từng nổi tiếng là một thị trường chủ yếu của những hoạt động buôn bán giữa nước này với Trung Hoa và Nhật Bản... Rõ ràng qua cơn binh lửa của những cuộc nổi dậy vừa qua, vùng này đã phải hứng chịu nhiều tàn phá. Bằng chứng là những đồng đồ nát của những tòa nhà còn trông thấy hiện nay; là mặt đất gồ ghề, chứng tỏ rằng trước đây ở đó đã tồn tại những thành quách, đồn lũy mà theo viên sĩ quan của chúng tôi từng bị bắt giữ kể lại thì ở *Faifo* những công trình đó vẫn còn trông thấy được và còn rộng lớn hơn; là những gì còn lại của vườn tược và đồn điền trồng hoa và cây ăn quả. Tất cả giờ đây trở nên hoang phế, không còn để lại dấu tích gì của sự trù phú trước đây hoặc gợi cho chúng ta ấn tượng về một cảnh huy hoàng bị tàn lụi”¹.

Hoạt động thương mại ở Hội An từ đó cũng bị ảnh hưởng theo, nhưng dấu hiệu một nền thương mại đang phục hồi vào năm 1793 đã củng cố niềm tin cho nhiều thương khách nước ngoài. John Barrow có nhận xét: “Một vài chiếc thuyền mảnh Trung Quốc hàng năm đến cảng *Faifo*, một con tàu ngẫu nhiên của một nước trung lập hoặc tàu Anh dưới ngọn cờ trung lập từ châu Âu đến, một

vài con tàu từ đất nước Ấn Độ với một vài con tàu Bồ Đào Nha từ Ma Cao chở theo hàng hóa bị từ chối gửi đến thị trường Trung Quốc, tất cả hình thành nên quy mô buôn bán lúc đó ở Nam Hà. Nhưng hiện nay, dưới một chính quyền đã vững vàng, một đất nước thật phì nhiêu với khí hậu thuận lợi, sự phồn vinh một thời của Nam Hà chắc chắn sẽ nhanh chóng khôi phục”².

Tuy nhiên, đất nước sau năm 1793 vua Quang Trung đã qua đời, rồi Thái Đức - Nguyễn Nhạc cũng chết, vua Cảnh Thịnh lên ngôi được một năm nay chỉ mới 12 tuổi, việc triều chính giao cho Thái sư Bùi Đắc Tuyên định đoạt, phe phái chống Bùi Đắc Tuyên bị hãm hại trong đó có Trung thư Phụng chính Trần Văn Kỳ. Trong nước từ đó xảy ra nhiều biến cố cung đình, mâu thuẫn nội đình trở nên sâu sắc, nhiều vụ tranh chấp triều chính rất quyết liệt làm vua Cảnh Thịnh bất lực, bó tay. Lợi dụng sự mâu thuẫn nghiêm trọng trong triều đình Phú Xuân, Nguyễn Ánh sau năm 1793, từ đất Gia Định bắt đầu đánh ra vùng kiểm soát của Tây Sơn, uy hiếp Quy Nhơn rồi đánh ra vùng đất Quảng. Sử triều Nguyễn cho biết: “Mùa hạ năm Đinh Tỵ (1797), quân ta đánh Quy Nhơn chưa hạ được, thủy quân lại tiến đến Quảng Nam, Đà Nẵng, Cầu Đê, Hải Vân”³.

Năm 1799, Nguyễn Ánh cho quân chiếm Quy Nhơn, vua Cảnh Thịnh cử quân tăng viện nhưng biết không thể thay đổi được tình thế nên đành lui quân về giữ đất Quảng Nam và giữ được hai năm, Hội An rơi vào tay của quân chúa Nguyễn♦

¹ J. Barrow, *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793)*, Sđd, tr. 84-85.

² J. Barrow, *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793)*, Sđd, tr.123.

³ *Đại Nam Chính biên liệt truyện: Nhà Tây Sơn*, Sđd, tr. 191.

ĐỜI SỐNG KINH TẾ CỦA CƯ DÂN SA HUỲNH HỘI AN - CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ THỦ CÔNG

ThS. Lê Duy Sơn

Trong đời sống kinh tế của cư dân Văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An, bên cạnh vai trò quan trọng của những hoạt động làm nông, thời đại này cũng đã chứng minh những thay đổi lớn trong các hoạt động kinh tế thủ công nghiệp thông qua những hiện vật khảo cổ được lưu giữ trong các di tích.

Trước hết, đó là nghề sản xuất đồ gốm (gọi tắt là nghề gốm). Cũng như ở khắp mọi nơi, lớp cư dân cổ ở đây bước vào thời đại kim khí với sự phổ biến và phát triển mạnh mẽ của nghề gốm nhằm đáp ứng nhu cầu tăng lên không ngừng của đời sống xã hội. Kỹ thuật sản xuất gốm thời cổ khá đơn giản và dễ phổ biến, nguồn nguyên liệu (đất sét, nước, cát...) dồi dào và dễ khai thác, nhu cầu sử dụng đa dạng... chính là những điều kiện để nghề gốm lan truyền khắp nơi và tồn tại qua nhiều thời đại... Tuy nhiên, cũng như bất kỳ nghề thủ công nào, nghề gốm cũng đòi hỏi sự khéo léo và những nguyên tắc về mặt kỹ thuật, óc thẩm mỹ, kinh nghiệm và bí quyết nghề nghiệp, nắm bắt nhu cầu sử dụng của cộng đồng, thiết lập các mối quan hệ trao đổi nguyên liệu và sản phẩm... Điều này làm cho nghề gốm cho dù bằng kỹ thuật không mấy phức tạp nhưng cũng chỉ có thể phát huy được ở một nhóm cư dân thuộc đội ngũ “thợ lành nghề” mà không thể phổ

biến đến tận mọi thành viên trong cộng đồng.

Trong thời đại Văn hóa Sa Huỳnh, chắc chắn rằng một khối lượng đồ gốm rất lớn đã được làm ra để đáp ứng cho mọi nhu cầu của đời sống vật chất cũng như tinh thần. Đặc biệt, với lượng rất lớn đồ gốm còn nguyên dạng hoặc vỡ nát nằm lại trong lòng đất tại các di tích, đây chính là nguồn tư liệu quý báu giúp chúng ta thêm nhiều hiểu biết về sự tồn tại và phát triển của nghề làm gốm tại chỗ hoặc từ một nơi nào đó không mấy xa xôi.

Những sản phẩm của nghề gốm thời Văn hóa Sa Huỳnh thường có hai loại chính tùy theo chức năng sử dụng. Đó là những đồ gốm gia dụng phục vụ đời sống hàng ngày và loại đồ gốm dùng trong việc mai táng người chết (dĩ nhiên trong đó có cả những đồ dùng hàng ngày được chôn theo mộ táng).

Đồ gốm gia dụng được làm ra phần nhiều thường là các loại nôi với kích thước, hình dáng khác nhau, các loại bình, lọ, bát, đĩa... Nôi gốm (có khi còn được gọi là vò, niêu, om...) là loại đồ dùng phổ biến dùng để đun nấu, hình dạng và kích thước không khác nhiều so với những chiếc nôi đất hiện vẫn còn được sản xuất và sử dụng trong dân gian, chỉ khác chút ít về chất liệu, màu sắc, độ

nung... và nhất là hoa văn trang trí. Người ta nhận ra chúng khá dễ dàng bởi dù ở nguyên dạng hoặc mảnh vỡ đều thường có vết ám khói bám ở phía ngoài phần đáy. Với kỹ thuật làm bằng tay kết hợp sửa sang và trau chuốt bằng kỹ thuật bàn xoay, dù kích thước to nhỏ khác nhau nhưng kiểu dáng chung của loại sản phẩm này thường là có thân bụng tròn, phía ngoài có dấu hoa văn thừng, phần cổ lên đến mép miệng được miết láng...

Bình (cũng có khi được gọi là vò, lọ...) là loại sản phẩm gốm được làm ra nhiều nhất với nhiều dạng, kích cỡ. Người ta không biết được chắc chắn chúng đã từng được dùng trong những trường hợp cụ thể nào, chỉ biết đây là cũng là loại đồ vật được chôn với số lượng khá nhiều và khá nguyên dạng trong những ngôi mộ chum. So với những dụng cụ đun nấu, các loại bình gốm được chế tạo công phu hơn với sự cầu kỳ trong cách tạo dáng, trang trí hoa văn khắc vạch, kết hợp tô màu đỏ hay đen ánh chì. Phần nhiều chúng được gắn thêm chân đế hoặc phần đáy được tạo dáng hơi bằng để có thể đứng vững khi

đặt trên mặt phẳng. Chúng còn là loại vật dụng thể hiện nhu cầu thực dụng lẫn tính thẩm mỹ của con người, vậy nên người làm ra chúng không chỉ là người thợ có những am hiểu sâu sắc về kỹ thuật mà họ còn như những nghệ sỹ đầy sáng tạo trong việc tạo dáng, tô vẽ cho sản phẩm của mình.

Một số loại sản phẩm của nghề gốm khác như bát, đĩa, cốc, mâm bông, dọi xe chỉ... cũng được phát hiện trong các di tích mộ táng. Trong những đồ vật này, bát mâm bông là loại thường được tìm thấy nhiều nhất và điều này không chỉ có ở Hội An mà khá phổ biến trong các di tích văn hóa Sa Huỳnh. Có lẽ đây là loại đồ gốm liên quan đến nghi lễ táng ma, thờ cúng hơn là dùng để sử dụng trong sinh hoạt, ăn uống...

Sản phẩm của nghề thủ công làm gốm không chỉ là những vật dụng thiết thực phục vụ cho cuộc sống hằng ngày mà còn có vị trí đặc biệt trong tập tục, tín ngưỡng và việc mai táng người chết. Đồ gốm là thứ không thể thiếu được ở các khu nghĩa địa. Trước hết, việc chế tạo ra những chum gốm có kích thước rất lớn



dùng làm quan tài được coi như là hiện tượng văn hóa đặc biệt trong đời sống cư dân văn hóa Sa Huỳnh ở Việt Nam, điều này cũng xuất hiện tại vài nơi khác ở Đông Nam Á và trên thế giới.

Chum (hay còn gọi là vò) dùng làm quan tài là một sản phẩm đặc biệt của nghề gốm, đây là loại đồ gốm có kích thước lớn nhất mà người ta thấy trong các di tích khảo cổ thời xưa. Căn cứ vào kiểu thức, hình dáng, người ta phân chia chúng thành nhiều loại khác nhau, tuy nhiên tất cả các loại chum gốm hầu như chỉ để dùng làm quan tài chôn cất người chết. Tại các nghĩa địa cổ, chum mộ thường được chôn theo cụm hoặc rải rác mà không biểu hiện rõ theo quy luật nào, bên trong thường chứa nhiều đồ vật tùy táng, đôi khi còn bỏ thêm một ít đồ gốm nhỏ xếp quanh mép ngoài thành miệng sau khi đặt nắp, hiếm hoi người ta mới thấy dấu vết của xương cốt người trong chum.

Việc chế tạo chum/vò có thể được coi là một hiện tượng đặc biệt của nghề thủ công làm gốm thời văn hóa Sa Huỳnh bởi kích thước của chúng khá lớn. Những dấu vết của quá trình sản xuất còn sót lại trên sản phẩm khiến ta biết chúng là sản phẩm của kỹ thuật làm bằng tay. Chất liệu để chế tạo chum, vò cùng những đồ gốm khác không khác nhau nhiều, cũng là đất sét trộn lẫn cát và vài loại tạp chất khác để làm cho xương gốm cứng, bền chắc trong quá trình nung và sử dụng. Kích thước những chiếc chum, vò lớn có thể đủ để cho một người ngồi gọn vào phía trong và việc chế tạo chúng chắc chắn phải do những người thợ lành nghề, nhiều kinh nghiệm thực hiện.

Đến nay, người ta cũng chưa thể nào giải thích được vì sao có những dạng hình khác nhau đối với loại chum vò bằng gốm này. Có loại thân hình trụ thẳng đứng, có loại thân phình ở giữa và thon dần về hai phía gần giống hình quả trứng, cũng có một số chum dạng hình cầu hoặc vài biến thể khác... Chứng cứ khảo cổ còn cho thấy phần lớn những chum mộ được đặt bằng một nắp gốm dạng bát bồng hay hình nón cụt khi chôn.

Như trên đã nói, nếu phần nhiều những đồ gốm được làm ra để sử dụng trong nhiều mục đích khác nhau của đời sống sinh hoạt thì những chiếc chum kích thước lớn này hầu như được sản xuất với chức năng sử dụng duy nhất là làm quan tài chôn cất người chết. Điều này không chỉ phản ánh một tập tục đặc biệt hay là sự sáng tạo trong việc bảo quản thi hài người chết trong lòng đất mà còn thể hiện những vấn đề khác liên quan nghề gốm thủ công của thời đại này, ví dụ tính đặc thù trong quy trình gia công nguyên liệu, quy trình tạo dáng, phơi sấy, nung, vận chuyển và trao đổi sản phẩm...

Đến nay, hầu như chưa nơi nào phát hiện được dấu tích của những lò nung gốm thời văn hóa Sa Huỳnh trong khi các di tích thường chứa đựng một số lượng đồ gốm khá lớn. Việc sản xuất gốm thời đại này chắc chắn phải từ những lò thủ công với những người thợ lành nghề. Nói cách khác, đó là những trung tâm của nghề gốm với quy mô khác nhau. Trong trường hợp người xưa có làm đồ gốm ngay tại nơi cư trú hoặc khu vực nghĩa địa, dù là nung với quy mô chuyên nghiệp hay là bằng phương pháp thủ công đơn giản nhất thì cũng phải để lại

dấu vết, vậy mà đến nay chưa nơi nào ghi nhận được chứng cứ. Có lẽ rằng, không phải mọi bí ẩn về thời xa xưa đều luôn được khám phá và giải đáp thỏa đáng.

Do những yếu tố đặc thù của điều kiện tự nhiên và xã hội, đồ gốm nói riêng và những di sản khác nói chung của một nền văn hóa tại những vùng miền khác nhau có thể phảng phất những nét riêng về phong cách. Tuy nhiên, sản phẩm của nghề gốm ở Hội An thời văn hóa Sa Huỳnh thể hiện tính đồng nhất về chất liệu, kỹ thuật, hình dáng, trang trí, chức năng sử dụng... với nhiều nơi khác ở Quảng Nam hay những khu vực xa xôi hơn về phía nam như Quảng Ngãi và về phía bắc như Thừa Thiên Huế.

Thông thường, những sản phẩm thủ công tồn tại ở nhiều vùng khác nhau nhưng có sự giống nhau về đặc điểm, kích thước, hoa văn... đều bắt nguồn từ những lý do nhất định. Chúng có thể được sản xuất tại một lò, xuất phát từ một làng, một khu vực rồi phát tán đi mọi nơi thông qua quá trình trao đổi. Cũng có thể chúng được sản xuất ở nhiều nơi nhưng với chung một truyền thống kỹ thuật thủ công, những kinh nghiệm đã được phổ biến rộng rãi thông qua quá trình giao lưu văn hóa, sự di dân trong lịch sử và có lẽ đây là quy luật này là phổ biến. Điều này khiến chúng ta tin rằng, cư dân văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An có thể sử dụng những sản phẩm gốm thông qua trao đổi, hoặc họ cũng có thể tự sản xuất tại chỗ nhằm phục vụ cho nhu cầu cộng đồng.

Sự đồng dạng của đồ gốm ở đây với những nơi khác cùng thời tại miền Trung Việt Nam như đã đề cập trên đây không



chỉ thể hiện mối quan hệ tương đồng về văn hóa trong khu vực và thời đại mà còn khẳng định sự phát triển về kỹ thuật, đời sống kinh tế, văn hóa của cư dân Sa Huỳnh ở Hội An. Đồ gốm đã góp phần tích cực trong việc đáp ứng nhu cầu đời sống vật chất cũng như tinh thần của con người, góp phần tạo nên đặc trưng văn hóa của vùng đất này với nhiều màu sắc sinh động trong tiến trình lịch sử.

Bên cạnh nghề làm đồ gốm, cư dân văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An cũng đã tiếp xúc và sử dụng rộng rãi các loại đồ dùng bằng kim loại (sắt, đồng). Có nhiều loại công cụ và vũ khí bằng sắt cùng một ít bằng đồng thau được phát hiện trong những khu mộ táng. Điều này khiến chúng ta khẳng định nghề luyện sắt đã từng tồn tại và phát triển rộng rãi ở miền Trung Việt Nam thời cổ đại. Tuy nhiên, đến nay người ta vẫn chưa biết đến một cách rõ ràng những chứng cứ về kỹ thuật luyện kim thời cổ đại ở đây. Có lẽ sự thô

sơ của những lò luyện sắt xưa đã bị xóa nhòa qua thời gian và những tác động của tự nhiên.

Tài liệu khảo cổ học cho thấy các loại đồ dùng bằng sắt mà cư dân văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An sử dụng đã được phát hiện gồm các loại đục, rìu, cuốc, các loại dao, rựa, liềm, giáo, kiếm, qua... Ít nhất có khoảng 60 mẫu vật đồ sắt đã được tìm thấy trong các mộ táng trong chương trình nghiên cứu từ năm 1993 đến năm 1995¹, trong đó chủ yếu là những công cụ sử dụng trong nông nghiệp, thủ công và sinh hoạt hằng ngày, chỉ một số rất ít là vũ khí.

Miền Trung Việt Nam bước vào thời đại văn hóa Sa Huỳnh cũng là khi kỹ thuật luyện sắt thô sơ đã lan truyền và phổ biến khắp nơi, điều này giải thích vì sao trong các di tích mộ táng của nền văn hóa này chứa đựng một số lượng đáng kể những công cụ, vũ khí bằng sắt được chôn theo. Kỹ thuật luyện sắt thời cổ đại không mấy phức tạp nhưng mang lại hiệu quả đáng kể nên tồn tại khá lâu dài trong lịch sử. Quặng sắt là thứ nguyên liệu dễ kiếm, thường được tìm thấy ở dạng lộ thiên và tập trung, có thể được khai thác và trao đổi khá thuận tiện ở miền Trung Việt Nam. Mãi đến đầu thế kỷ XX, kỹ thuật

luyện sắt thô sơ của thời xưa vẫn còn lưu truyền trong nhiều làng quê.

Thoạt đầu, quặng sắt được thu gom rồi rửa sạch, phơi khô, đập nhỏ và trộn lẫn với than củi, đổ vào lò để nung. Những lò luyện sắt xưa chỉ là những hố tròn nhỏ hoặc nửa chìm nửa nổi trên mặt đất, cũng có dạng lò được đắp nổi hoàn toàn. Tuy nhiên, dù là loại lò nào cũng có những ống bằng gốm đặt ở đáy lò để lấy không khí, việc thổi gió vào lò được thực hiện bằng những bao da, bệ thổi hơi hay hứng gió tự nhiên.



Cách luyện sắt bằng cách đốt cháy hỗn hợp than - quặng trong lò vài ngày được gọi phương pháp “thổi sống”, một số tài liệu khoa học gọi là kỹ thuật “hoàn nguyên”. Thực chất của quy trình luyện sắt này là dùng

nhiệt độ cao từ than cháy để khử ô xy trong quặng sắt, một số tạp chất chảy xuống đáy lò gọi là xỉ sắt, phần còn lại phía trên là sắt tinh chất dưới dạng xốp rỗng kiểu tổ ong.

Để có nguyên liệu sắt thực sự, người thợ còn trải qua công đoạn rèn đập qua lửa, khiến cho những khối quặng đã “hoàn nguyên” trở thành những khối sắt đặc và cứng, từ đó có mới có thể dùng chúng để chế tạo công cụ, vũ khí tùy theo yêu cầu. Những đồ dùng bằng sắt rèn lúc đầu chưa thật sự sắc bén, người thợ còn thực hiện tiếp việc “thăm than” hoặc “tôi”, “luyện” chúng bằng cách “nấu” trong những nồi gốm dày cùng với nhiều

¹ Trần Văn An, Hồ Xuân Tịnh: *Đồ sắt trong các di tích văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An*. Văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An. UBND thị xã Hội An – Trung tâm Quản lý Bảo tồn di tích, 2004, tr. 128 – 136

chất liệu giàu cacbon như sừng, lông thú vật... (thực chất đây là biện pháp khuếch tán cacbon vào sắt để biến chúng thành thép), hoặc nung đỏ trong than cháy rồi nhúng vào nước lạnh mà người ta thường gọi là “tôi”.

Đồ sắt trong các di tích văn hóa Sa Huỳnh hầu hết đều được làm từ phương pháp rèn mà nguồn nguyên liệu trực tiếp được lấy từ phương pháp “thổi sống” như vừa đề cập trên đây. Sự khá đơn giản của quy trình kỹ thuật nhưng mang lại nhiều hiệu quả có thể là nguyên nhân làm cho nghề thủ công luyện sắt cổ đại vừa sớm hình thành, vừa lại dễ phổ biến và tồn tại dài lâu trong lịch sử. Phần nhiều những đồ sắt ở đây đều thể hiện chức năng thông dụng trong lao động vì chúng có hình dáng khá giống với những công cụ mà đến nay dân gian vẫn còn sử dụng. Điều này nói lên rằng, ở những vùng miền nhất định, trong quá trình phát triển của lịch sử, có những truyền thống kỹ thuật, những loại hình công cụ phù hợp với điều kiện sinh hoạt kinh tế từng nơi vẫn tồn tại khá dài lâu.

Về đặc điểm, các loại công cụ, vũ khí bằng sắt mà cư dân văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An sử dụng cũng hoàn toàn giống đồ sắt ở những nơi khác cùng thời. Điều này cho thấy có thể chúng được sản xuất hàng loạt ở những trung tâm nào đó hoặc được chế tạo tại chỗ với một truyền thống kỹ thuật đã được phổ biến rộng rãi. Đến nay, người ta vẫn chưa tìm thấy những chứng cứ của những lò luyện sắt và nơi chế tạo công cụ từ nguyên liệu này trong các di tích văn hóa Sa Huỳnh. Tương tự, Hội An nói riêng và khu vực Quảng Nam nói chung cũng là địa bàn dù

có nhiều đồ sắt được phát hiện trong những khu mộ táng nhưng dấu vết của nơi sản xuất vẫn là một điều bí ẩn.

Về mặt kỹ thuật, dù không quá phức tạp nhưng chắc rằng việc chế tác, gia công đồ sắt thời cổ đại phải do những người thợ thủ công lành nghề và giàu kinh nghiệm thực hiện. Có thể quy mô sản xuất lúc bấy giờ mang tính đơn lẻ, chưa phát triển thành những làng nghề như thời cận - hiện đại sau này nên dấu vết để lại trong lòng đất mờ nhạt. Một trong những đặc điểm quan trọng của văn hóa Sa Huỳnh là di tích cư trú - nơi có thể lưu lại những chứng cứ của quá trình sinh sống và việc chế tạo công cụ - lại được tìm thấy quá ít ỏi, trong khi đó phần lớn là các di tích là mộ táng và nơi này chỉ có thể thấy được những đồ dùng đã được sử dụng và chôn theo người chết. Chính vì chưa tìm thấy những chứng cứ của việc chế tạo đồ sắt tại chỗ nên nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, có khả năng đồ sắt trong các di tích văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An do trao đổi mà có¹, tuy nhiên đây cũng chỉ là một trong những giả thuyết.

Về một số nghề thủ công khác, sự phổ biến của đồ sắt trong di tích văn hóa Sa Huỳnh không chỉ là minh chứng cho sự tồn tại, lưu truyền của nghề luyện kim, rèn sắt thời cổ đại mà còn điều kiện để sản sinh và phát triển một số nghề khác như mộc, đan lát, dệt vải... Tuy nhiên vì đã trải qua hàng ngàn năm nên lòng đất không còn giữ được những vật dụng có chất liệu từ thực vật như gỗ, tre nứa, dây rừng... trong các di tích, nếu có thì chỉ là những dấu vết mờ nhạt.

¹ Trần Văn An, Hồ Xuân Tịnh Sđd, tr. 128 – 136

Thực tiễn trong đời sống sinh hoạt của con người qua mọi thời đại cho thấy rằng, có nhiều loại công cụ bằng kim loại tham gia trực tiếp vào các hoạt động sản xuất như cuốc, thuổng, xẻng, cày, dao, rựa... nhưng bên cạnh đó cũng có không ít loại công cụ chỉ tham gia một cách gián tiếp. Một số loại như rìu, dao, đục, kéo, mũi nhọn... đóng vai trò như là “công cụ bậc 1” để chế tạo ra loại công cụ khác, đó là những “công cụ bậc 2” và chính công cụ này mới trực tiếp tham gia vào các hoạt động của sản xuất, sinh hoạt của con người. Điều này nhằm giải thích rằng, loại công cụ bằng chất liệu thực vật như tre nứa, gỗ, dây rừng... (tức là loại “công cụ bậc 2”) được làm ra khá nhiều để phục vụ cho mọi nhu cầu của đời sống kinh tế, sinh hoạt. Những nghề thủ công khác nhau có thể sử dụng những công cụ kim loại (sắt, đồng) để chế tạo ra loại công cụ riêng biệt và chính chúng mới là thứ công cụ thiết yếu, trực tiếp phục vụ con người.

Sống trong môi trường nhiệt đới với sự phong phú của nguồn nguyên liệu thực vật, con người sớm biết làm nghề mộc để chế tạo, gia công gỗ, tre nứa..., làm nhà ở, chế tạo các loại công cụ lao động và đồ dùng sinh hoạt khác nhau. Tại các di tích khảo cổ thời cổ đại ở Việt Nam, việc phát hiện dấu vết của kiến trúc nhà ở là vô cùng hiếm hoi, tuy nhiên ngay trên đất Quảng Nam, ở địa điểm Gò Cẩm (thuộc thôn Tư, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên), các nhà khảo cổ đã phát hiện dấu tích của một sàn nhà bằng gỗ bị cháy. Niên đại của di tích Gò Cẩm ở vào giai đoạn Sa Huỳnh muộn - Chăm pa sớm, khoảng giữa thế kỷ I sau công nguyên¹. Đây là chứng cứ quan trọng ghi

nhận sự tồn tại của kiến trúc nhà ở sớm nhất ở miền Trung Việt Nam (với tư liệu hiện có) và cũng là cơ sở để khẳng định sự tồn tại của nghề làm mộc qua nhiều lát cắt thời gian trên bình diện không gian rộng lớn, trong đó có vùng đất Hội An thời kỳ văn hóa Sa Huỳnh.

Đan lát là một nghề thủ công xuất hiện sớm trong lịch sử và khá phổ biến trên mọi khu vực. Sản phẩm của hoạt động này nhằm đáp ứng nhu cầu về công cụ lao động và các dụng cụ sinh hoạt. Thảm thực vật nhiệt đới ở địa phương với nhiều chủng loại cây như tre, nứa, dây rừng, lá dừa nước, cỏ lác, cói... đã cung cấp nguồn nguyên liệu dồi dào, đa dạng cho nghề đan. Nhu cầu của đời sống định cư trên cơ sở các hoạt động kinh tế nông nghiệp, khai thác sản vật, giao lưu trao đổi... đòi hỏi có đủ nhiều loại đồ dùng vốn được làm ra từ nghề đan, dệt. Tuy nhiên thời gian đã không còn giữ được những hình dạng đầy đủ của chúng trong lòng đất, chỉ thỉnh thoảng người ta mới thấy được dấu vết của vải thô còn in rõ trên đồ gốm hoặc bao bọc vải dụng cụ bằng sắt chôn trong các chum mộ.

Chế tác đồ trang sức là một nghề thủ công đặc biệt, đòi hỏi tay nghề kỹ thuật, kinh nghiệm, bí quyết... đạt đến độ tinh vi, điêu luyện của người thợ. Trong lịch sử phát triển của nhân loại, gia công đồ đá được coi là thành tựu kỹ thuật đạt được khá sớm và tồn tại dài lâu, có vai quan trọng trong việc tạo ra những công cụ lao động hiệu quả. Đến thời đại kim khí, sự ra đời của kỹ thuật luyện kim đồng - sắt đã đem đến cho con người

¹ Lâm Thị Mỹ Dung (chủ trì), 2008. *Nghiên cứu chuyển biến từ sơ sử sang sơ kỳ lịch sử ở miền Trung*

Trung Bộ và Nam Trung Bộ Việt Nam. Đề tài nghiên cứu khoa học, mã số QGTD.06.07. Đại học Quốc gia Hà Nội. (Tài liệu lưu tại Bảo tàng Nhân học, Đại học Quốc gia Hà Nội).



những công cụ sắc bén hơn, dần thay thế cho những công cụ bằng đá. Cũng từ đây, việc kỹ thuật chế tác đồ đá phát triển theo xu hướng làm ra những sản phẩm trang sức nhằm phục vụ nhu cầu thẩm mỹ của con người, trong đó phổ biến nhất là các loại vật đeo như khuyên tai, hạt chuỗi... Ở Hội An, các cuộc khai quật, nghiên cứu văn hóa Sa Huỳnh đã phát hiện được 1.476 cá thể đồ trang sức dạng hạt, dạng khuyên bằng các loại đá quý, trong đó chủ yếu là Mã não, Nephrite, Garnet, Crystal, Agate...¹. Tuy nhiên, không chỉ ở đây mà tại nhiều địa phương khác nhau thuộc phạm vi phân bố của văn hóa Sa Huỳnh, người ta vẫn chưa tìm thấy những chứng cứ rõ ràng của kỹ nghệ gia công đá làm đồ trang sức, chỉ mới thấy một chiếc khuyên tai hai đầu thú được tạo tác chưa hoàn chỉnh ở khu di tích Đại Lãnh (Đại Lộc). Đây có thể được coi là chứng cứ ghi nhận nghề gia công đồ đá trang sức đã từng tồn tại ở lưu vực sông Thu Bồn của Quảng Nam.

Ở Việt Nam, nghề làm thủy tinh hầu như xuất hiện đầu tiên và phát triển trong văn hóa Sa Huỳnh, trong đó sản phẩm chủ yếu là các loại hạt chuỗi,



khuyên tai với các kiểu dáng khác nhau. Phần nhiều ở các di tích đều tìm thấy các loại sản phẩm trên, tuy nhiên chứng cứ về nơi sản xuất, gia công đều chưa được ghi nhận dù rằng các nhà nghiên cứu đều khẳng định chúng là sản phẩm nội địa. Quảng Nam nói chung và Hội An nói riêng là nơi tìm thấy nhiều đồ trang sức bằng thủy tinh. Theo thống kê sơ bộ kết quả trong chương trình nghiên cứu văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An, có đến 640 cá thể là đồ thủy tinh gồm các loại hạt chuỗi hình ống, tròn, dẹt, cầu... với các loại màu sắc khác nhau như xanh lơ, xanh ngọc, xanh dương, vàng nâu, nâu tím...². Ngoài ra, người ta cũng đã thấy hạt chuỗi bằng vàng xuất hiện ở Hội An. Có ít nhất 02 hạt chuỗi nhỏ bằng kim loại quý này được tìm thấy trong các di tích văn hóa Sa Huỳnh³.

Những tư liệu trên đây không những là minh chứng giúp chúng ta biết về đời sống tinh thần phong phú của lớp cư dân văn hóa Sa Huỳnh xưa ở Hội An mà còn là cơ sở cho việc xác định khả năng tồn tại của nghề thủ công chế tác đồ trang sức từ các loại nguyên liệu khác nhau. Tuy nhiên, cũng không loại trừ khả năng chúng cũng có thể là sản phẩm được trao đổi từ phương xa đến ♦

¹ Trần Ánh: *Đồ trang sức trong các di tích văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An*. Văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An. UBND thị xã Hội An – Trung tâm Quản lý Bảo tồn di tích, 2004, tr. 139.

² Trần Ánh: *Sdd*, tr. 139.

³ Trần Ánh: *Sdd*, tr. 140.

VÀI NÉT VỀ LÀNG CẨM PHỒ

ThS. Nguyễn Chí Trung

Cẩm Phồ là một làng được hình thành khá sớm ở Hội An, địa bàn dân cư sinh sống vốn chủ yếu nằm trên con sông Hoài đã đi vào lịch sử và thơ ca của Hội An, Xứ Quảng¹. Địa giới Cẩm Phồ ngày xưa về phía Nam là sông, giáp làng Kim Bồng (nay là xã Cẩm Kim) và huyện Duy Xuyên; phía Bắc và Tây giáp với làng Thanh Hà (nay chia, ghép thành phường Thanh Hà, xã Cẩm Hà, phường Tân An); phía Đông giáp với làng Hội An, Minh Hương (nay là phường Minh An) và một phần của làng Sơn Phồ (nay thuộc phường Cẩm Châu), một phần của làng An Thọ, Phong Hộ (nay thuộc phường Sơn Phong). Sông Hoài vốn là một phần của hạ lưu sông Thu Bồn, vùng hạ lưu rộng lớn này vốn được tiếp nhận, hội lưu từ ba nguồn sông lớn của Xứ Quảng (gồm Thu Bồn, Vu Gia, Trường Giang) trước khi ra Cửa Đại, thông với biển Đông.

Nhìn chung, địa bàn Cẩm Phồ bị chia cắt bởi cồn, bãi cát ven sông và sông, lạch (lạch Chùa Cầu – khe Ổ Ổ). Đặc điểm về địa hình, thủy đạo này đã tạo nên địa bàn cư trú của dân làng Cẩm Phồ khá đa dạng và chia cắt ở từng địa bàn khác nhau. Có nhóm cư dân sống trên cồn (sông), nhóm khác sống ven bờ sông, hoặc trên những bãi, cồn cát. Vì

vậy, làng Cẩm Phồ thuở ban đầu được chia cắt thành các khu vực dân cư: Trên cồn (nay là Cẩm Nam) có 3 châu (Tam châu): Xuyên Trung, Châu Trung, Hà Trung. Ven bờ sông có ấp Tu Lễ, Xuân Lâm và lùi sâu vào vùng cồn, bãi cát có ấp Trường Lệ. Đặc điểm này cũng tạo nên sự đa dạng phong phú trong hoạt động kinh tế và sinh hoạt văn hóa của dân làng Cẩm Phồ theo từng địa bàn cư trú trong lịch sử hình thành và phát triển.

Kết quả nghiên cứu khoa học tại di tích khảo cổ học Xuân Lâm (nay là khối Xuân Lâm, Cẩm Phồ) nói riêng và ở Hội An nói chung, cho chúng ta biết đến trên mảnh đất Cẩm Phồ cách ngày nay hơn 2.000 năm đã có cư dân sinh sống. Đây là lớp cư dân thuộc phức hệ văn hóa Sa Huỳnh ở miền Trung Việt Nam. Tiếp theo là lớp cư dân thời kỳ vương quốc Champa từ thế kỷ II sau công nguyên đến thế kỷ XV. Bước sang thời kỳ Đại Việt, bắt đầu từ thế kỷ XIV, qua nhiều nguồn sử liệu cho biết sau sự kiện Huyền Trân Công chúa (Nhà Trần) năm 1306, Cẩm Phồ và phần lớn phía Bắc, Tây - Bắc khu vực Hội An đã là một phần lãnh thổ của nhà nước Đại Việt. Nhưng trên thực tế nơi đây vẫn đang là vùng tranh chấp quyết liệt bởi sự phản kháng của người Champa. Đến năm Nhâm Ngọ 1402 (tức vào đời Hồ Hán Thương, năm Thiệu Thành thứ 2), vào tháng 3, vua cho “sửa đường sá từ thành Tây Đô đến Hóa Châu, dọc đường đặt phố xá để truyền thị, gọi là đường Thiên Lý”. Rồi Thái

¹ Sông Hoài thuộc hạ lưu sông Thu Bồn, chảy qua làng Hoài Phồ ngày xưa, tức khu vực Hội An sau này (gọi sông Hội An). Nguyên lúc ban đầu Cẩm Phồ có 3 châu nằm trên cồn được bao bọc bởi sông Hoài và có 1 trong 3 ấp nằm ven bên bờ Bắc của sông này.

thượng hoàng Hồ Quý Ly “tháng 7, cử đại binh đánh Chiêm Thành. Vua nước ấy là Ba - Đích - Lại dâng đất Chiêm động và Cổ Lũy động. Quý Ly nhận chia làm bốn châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa, đặt An phủ sứ bộ Thăng Hoa để cai trị... Dem những dân không ruộng mà có của dôi đến ở Thăng Hoa biên làm quân ngũ, khuyên dân nộp trâu thì cho quan tước để lấy trâu cấp cho dân di cư”¹ và “

Người đến ở châu nào phải khắc tên châu ấy trên cánh tay hàm ý giữ đất đến cùng”².

Nhưng sự nghiệp của nhà Hồ sớm chấm dứt, không thể làm được gì hơn ngoài việc đưa dân đến đây sinh sống, bởi vào cuối năm 1406, quân Minh tràn

sang xâm lược nước ta, cuộc chiến tranh vệ quốc do nhà Hồ lãnh đạo nhanh chóng thất bại, cho nên từ năm 1407 đến 1427 quân Minh thiết lập chính quyền đô hộ trên toàn cõi nước ta. Trong khi đó quân nhà Minh vì nhiều lý do đã không đủ sức cai quản vùng đất mới chiếm được của nhà Hồ từ phía Nam đèo Hải Vân ngày nay trở vào nên sử quan triều Nguyễn chép rằng “trong thời kỳ thuộc Minh đặt Thăng Hoa phủ... đồ tịch chỉ biên hư danh đó thôi, còn đất đai thì người Chiêm Thành chiếm giữ. Đến đầu thời Lê

mới đặt làm đất Kymi (đất ràng buộc)”³. Như vậy, ở thời kỳ này cùng với khu vực Hội An, Cẩm Phô là một mảnh đất tranh chấp, quyền quản lý về mặt nhà nước, khi thì thuộc Minh, Đại Việt, khi thuộc Champa. Người Việt cùng chung sống với người Chăm chắc hẳn phải khôn khéo, dũng mãnh và tế nhị để có được cuộc sống ổn định làm ăn. Đến năm 1471, vua Lê Thánh Tông (niên hiệu

Hồng Đức) đã đánh Chiêm Thành lấy lại đất này đặt làm Thừa Tuyên Quảng Nam và vua đã ban dụ rằng “Đại Chiêm và Cổ Lũy trước là đất của ta, gần đây bị mất về nước Chiêm Thành, nay lấy lại được hết, sai các

người trấn thủ, ai dám không theo lệnh thì chém trước tâu sau. Lại sai Đỗ Tử Quý làm Đồng Tri châu coi việc quân dân Đại Chiêm, Lê Ý Đà làm Tri châu coi việc quân dân Cổ Lũy. Người Chiêm ai dám làm loạn thì cho chém trước tâu sau”⁴. Đây là thời kỳ phát triển thịnh vượng của chế độ phong kiến Việt Nam với vị vua Lê Thánh Tông. Thời kỳ nhà nước Đại Việt đủ sức lực để bảo vệ ổn định vùng đất này với việc xây dựng chính quyền phong kiến ở đây. Và cũng rất cần thiết phải tổ chức hành chính xuống tận các làng - xã - thôn - xóm để làm cơ sở cho chính quyền trung ương và



¹ Lê Quý Đôn (1977): Phủ biên tạp lục. Hà Nội: NXB KHXH, tr 23, 24.

² Phan Khoang (2001), Việt sử xứ Đàng Trong, Nxb Văn học, tr 88.

³ Quốc Sử Quán Triều Nguyễn (1964), Đại Nam nhất thống chí, tỉnh Quảng Nam, bản dịch: Nguyễn Tạo, Sài Gòn, tr. 104.

⁴ Lê Quý Đôn (1977): Phủ biên tạp lục, sdd, tr 33.

địa phương. Đó là cơ hội để các làng xã ở khu vực Hội An nói chung và làng Cẩm Phô nói riêng ra đời.

Lúc này, cùng với các làng khác ở khu vực Hội An như Võng Nhi, Thanh Hà, Hoài Phô, Cổ Trai... Làng Cẩm Phô đã được hình thành. Trong gia phả tộc Huỳnh, hiện còn lưu giữ tại nhà thờ ở Châu Trung, phường Cẩm Nam ngày nay được biết *“dòng dõi Huỳnh môn ở tại quận Giang hạ, sinh từ đất Bắc vào đến làng này. Thời kỳ Nam tiến Bình Chiêm - triều Lê Hồng Đức, hạ thành Đồ Bàn bắt sống Trà Toàn, tiên tổ chúng ta theo phong trào ấy vào Nam di dân lập nghiệp, đến nơi đây cùng liệt quý vị tôn hiển các tộc phái xưng là Đông phái tộc, khai lập xã hiệu lấy tên là làng Cẩm Phô. Long phi Giáp Dần niên”*¹. Đây có thể nói là một chứng cứ đáng chú ý về việc di dân lập làng ở Cẩm Phô từ cuối thế kỷ XV trên mảnh đất Hội An này.

Ngoài ra, tác giả Dương Văn An trong *“Ô Châu cận lục”* viết vào thế kỷ XVI (năm 1553) đã cho chúng ta biết được tên của 2 làng - xã trên mảnh đất Hội An ngày nay có vai trò, vị trí quan trọng và cùng với quy mô của nó đã được nhà nước phong kiến lúc bấy giờ công nhận, đó là làng Hoài Phô và Cẩm Phô. Hẳn là quá trình di dân, lập làng ở đây đã được diễn ra từ trước năm 1553.

Các lớp dân cư Cẩm Phô ngày một đông hơn cùng với việc di dân lập làng ở Hội An - xứ Quảng, tiếp tục được diễn ra mạnh mẽ gắn với kế sách tạo nghiệp lâu dài của các chúa Nguyễn, với câu sấm truyền *“Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân”* bắt đầu từ cuối thế kỷ XVI. Năm 1558, Nguyễn Hoàng vào trấn thủ

Thuận Hóa rồi đến năm 1570 kiêm lãnh trấn Quảng Nam và rồi tháng 7 năm Nhâm Dần - 1602 cho lập Trấn Dinh Quảng Nam vì xem: chỗ này là đất yết hầu của miền Thuận - Quảng... đồng thời sai công tử thứ sáu là Nguyễn Phước Nguyên trấn giữ, sau đó vào năm 1604 chúa Nguyễn Hoàng đã cho chia đặt lại hệ thống đơn vị hành chính của Thuận Quảng, tách huyện Điện Bàn của phủ Triệu Phong ra để lập phủ Điện Bàn. Vào thời điểm này Cẩm Phô thuộc huyện Diên Phước/Diên Khánh, phủ Điện Bàn của Trấn Quảng Nam.

Ở Cẩm Phô hiện nay, được biết có 4 tộc tiền hiền là Huỳnh, Trần, Lê, Nguyễn. Qua tám bia mộ cụ tổ tộc Lê có viết: *“... Đồi truyền trước Gia Dũ Hoàng Đế (tức Nguyễn Hoàng) khai khẩn Thuận, Quảng, cụ từ miền Bắc vào (không rõ tỉnh) cùng thời các cụ trong tộc họ: Huỳnh, Trần, Nguyễn đến khai phá đất Thuận, Quảng. Các cụ khai khẩn mấy trăm mẫu đất ruộng, phía Đông, Tây có sông bao bọc trở thành một làng tuyệt đẹp”*². Như đã trình bày trước, làng Cẩm Phô được lập khá sớm. Đến đây chắc là trong đợt di dân này đã tiếp nhận thêm nhiều tộc họ, nhóm cư dân khác có thể lực góp sức cùng mở mang xây dựng Cẩm Phô phát triển lớn mạnh.

Về địa giới, Cẩm Phô là một trong 4 địa danh làng/xã ở Hội An (*Cẩm Phô, Thanh Châu, Thanh Hà, Kim Bông*) có quy mô diện tích rộng lớn ngay từ lúc hình thành và không ngừng gia tăng, mở rộng qua nhiều thời kỳ. Đồng thời cũng không có hiện tượng nhập với bất cứ làng/xã nào để tạo thành một khu vực dân cư làng/xã với tên gọi mới từ trước

¹ Tư liệu lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

² Tư liệu lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.



đến nay. Mà ngược lại được chia/tách thành các làng/xã/phường mới. Đặc biệt, tên gọi “*Cẩm Phô*” cũng không hề bị biến đổi từ khi lập làng cho đến nay với gần 500 năm lịch sử. Phải chăng, hiện tượng nêu trên được xuất phát từ quy mô diện tích, dân số, vị trí, vai trò, kinh tế của làng/xã Cẩm Phô mà nó còn xuất phát từ hàm nghĩa đẹp đẽ của hai chữ Cẩm Phô: Cẩm (錦) nghĩa là Gấm, một tiếng để khen ngợi; Phô (鋪) – nghĩa là phô trương, phô diễn.¹

¹ Thương nhân Diệp Ngô Xuân (Sinh khoảng 1808 và mất năm 1890) đến lập nghiệp tại Hội An, đã có nhiều bài thơ hay về Hội An, trong đó có bài: Cẩm Giang châu bạc/Thuyền đậu bến Cẩm Phô, trong tập Hội An bát cảnh/Tám cảnh đẹp Hội An:

*Hè đi, xuân đến rộn ràng buồn
Trăm thứ hàng qua biển chờ thông
Cảnh ấy xưa nay đồn dạy tiếng
Hàng năm thuyền ghé Cẩm Phô đông.*

Hay bài:

*Trời xuân dạo ngắm cảnh ven hồ
Cỏ nội hoa đồng sắc gấm pho
Nước biếc vỗ bờ trong suốt mờ
Mây giăng lặc lối ánh loang mờ
Buồng câu ngư phủ râu luồng sóng
Ngà nón nhà nông vẽ bức đồ
Ước dặng mây trời, chim trắng liệng
Phi tình qua lại mặt sông xao*

Sưu tầm và dịch : Nguyễn Bội Liên

Quả đúng như tiền nhân của cư dân làng Cẩm Phô đã để lại đôi câu đối trên đình làng, còn lưu truyền lại cho con cháu hôm nay: “*Cẩm tú giang sơn, khai khẩn, khai cơ, thiên tài tại*” (Gấm vóc, non sông, khai sáng xây nên lưu vạn thuở) và “*Phô trương công đức, phi thừa, phi hiển vạn niên xuân*” (Phô bày công đức, kế thừa tô điểm rạng ngàn năm).

Trên thực tế, địa giới của làng Cẩm Phô tính từ thuở khởi lập đến trước năm 1945 gồm: Lúc đầu có các địa danh Xứ **Tam Châu** gồm: ấp Xuyên Trung, Hà Trung, Châu Trung - Nay là toàn bộ thuộc phường Cẩm Nam; Xứ **Tam ấp** gồm: ấp Tu Lễ, Xuân Lâm (nay là các khối Hoài Phô, Tu Lễ, Xuân Lâm phường Cẩm Phô) và Trường Lệ (nay là khối Trường Lệ - phường Cẩm Châu). Sau xứ Tam Châu mở rộng thêm ấp Trung Châu gồm Trung Giang Thượng và Trung Giang Hạ (nay Trung Giang thượng thuộc phường Sơn Phong và Trung Giang hạ là khu vực thuộc khối Thanh Nam, phường Cẩm Châu); ấp Nam Ngạn, Trung Tín (nay cũng thuộc phường Cẩm Nam)². Về phía Tây mở rộng thêm ấp Chương Phô (nay thuộc địa phận Lai Nghi - xã Điện Nam, Điện Bàn); Làng Hòa Yên/hòa An (nay là khu vực khối Hòa Yên, phường Thanh Hà)³. Sau 1945 có thêm các ấp Xuân Mỹ (nay thuộc khối Xuân Mỹ, Tân An); ấp Xuân

² Ngày nay phần lớn diện tích đất ấp Xuyên Trung, Trung Tín đã bị lở xuống sông.

³ Ngày trước, trai gái làng Cẩm Phô với làng An Hòa Yên dù khác họ cũng không được đính hôn. Bởi theo lời truyền khẩu của làng này thì xưa là hai anh em ruột tách ra làm hai làng.

Quang (nay thuộc khối Xuân Quang, Tân An). Tháng 3 năm 1946, các ấp thuộc xứ Tam Châu được tách ra khỏi Cẩm Phô, để lập thành Khu Lương Như Bích (tức khu 4), năm 1949 thuộc Khu Hội Hà, đến năm 1951 đổi thành khu Nam (sau này phần lớn thuộc xã Cẩm Nam, tức phường Cẩm Nam ngày nay) ; còn các ấp của xứ Tam Ấp thuộc khu Châu Thượng Văn (khu II), năm 1949 thuộc khu Hội Thành, đến năm 1951 đổi thành khu Nội ô¹. Năm 1956 chính quyền Ngô Đình Diệm cho lập Khu hành chính Cẩm Phô gồm 9 xã, các ấp thuộc xứ Tam Ấp của Cẩm Phô lập thành thôn Cẩm Phô, thuộc xã Hội An². Sau năm 1975 thôn Cẩm Phô, xã Hội An chuyển thành phường Cẩm Phô cho đến nay và cũng sau năm 1975 ấp Ngọc Thành (Kim Bông/Cẩm Kim) được sát nhập vào Cẩm Phô.

Về nguồn gốc cư dân ở Cẩm Phô, các tộc họ tiền hiền hầu hết đều từ vùng Bắc Trung Bộ - cụ thể là Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh vào đây tạo dựng nên làng/ xã. Người Việt kế tiếp người Chăm là một bộ phận cư dân cơ bản, chủ nhân chính của cộng đồng cư dân làng Cẩm Phô. Trong buổi sơ khai lúc ban đầu vào đây họ chủ yếu sinh sống bằng các nghề cổ truyền là nghề nông - làm ruộng lúa nước, trồng các loại cây rau màu, hoa quả... Một số cư dân đã dựa vào địa thế biển rộng, sông ngòi chằng chịt khai thác

đánh bắt hải sản (cá, tôm, mực)... và một số ngành nghề thủ công để phục vụ cho nhu cầu của buổi sơ khai ban đầu đó. Có kết hợp nông nghiệp, ngư nghiệp và thủ công nghiệp từ đó tất nhiên có chợ, bên để trao đổi buôn bán giữa các làng với nhau và với thuyền buôn nước ngoài. Trên cơ sở có đứt gãy, gián đoạn mà cũng có tiếp nối truyền thống của người Chăm với người Việt trong làm ăn sinh sống, kỹ thuật khai thác, kỹ thuật sản xuất và kinh tế buôn bán, cùng các hình thức sinh hoạt kinh tế, văn hóa tương ứng.

Rồi cùng với năm tháng, thời gian lịch sử, với bản tính cần cù, thông minh, sáng tạo của con người Đại Việt trên mảnh đất được thiên nhiên ưu đãi, Làng/xã Cẩm Phô không ngừng phát triển theo hướng chuyên nghề, chuyên ngành, nhưng cơ bản là nghề nông, buôn bán/thương nghiệp và một số ít làm nghề thủ công, ngư nghiệp. Đi cùng với các ngành nghề này nền sản xuất kinh tế hàng hóa giản đơn, hoạt động thương mại cũng phát triển, đó là những yếu tố cơ bản, là nguyên nhân sâu xa, cùng với yếu tố vị trí địa lý thuận lợi tạo thành điều kiện đủ - yếu tố nội sinh đầy sức sống, hấp lực thu hút sự nhập cư của các thành phần cư dân khác như người Nhật, người Hoa... trên mảnh đất Cẩm Phô. Trên hành trình phát triển đó đã có sự hội nhập một phần lớn của làng Hoài Phô vào Cẩm Phô, góp phần tạo dựng nên phố chợ Hội An, Đô thị thương cảng thuyền buồm quốc tế, một trung tâm thương nghiệp - ngoại thương nổi tiếng của Đàng Trong - Việt Nam ở Châu Á vào thế kỷ XVII, XVIII và là Khu phố cổ Hội An - Di sản văn hóa thế giới hôm nay

¹ Khu là đơn vị hành chính thuộc cơ cấu tổ chức các khu kháng chiến chống Pháp theo chủ trương phân chia của tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến tỉnh Quảng Nam và thị xã Hội An.

² 9 xã thuộc Khu hành chính Cẩm Phô là: Cẩm Hà, Cẩm Châu, Cẩm An, Cẩm Thanh, Cẩm Nam, Cẩm Kim, Cẩm Hải, Xuyên Long và Hội An. Ngoài Cẩm Phô, các địa danh xã mang chữ Cẩm bắt đầu từ thời gian này.

THÔNG TIN VỀ HỘI CHỢ FAIFO (HỘI AN) THỜI PHÁP THUỘC

CN. Trần Phương

Chợ là nơi gặp nhau, giao lưu giữa những người cần bán hàng hóa và người tiêu dùng cần mua hàng; không chỉ vậy, chợ còn là một nơi giao lưu kinh tế, văn hóa - xã hội có tính thường xuyên giữa nội bộ địa phương hoặc giữa địa phương này với địa phương khác nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, nhu cầu trao đổi hàng hóa, sản vật của người dân.

Theo lẽ tự nhiên, trong sinh hoạt đời sống thường ngày, khi con người có nhu cầu trao đổi hàng hóa thì sẽ hình thành nên những địa điểm tụ họp để mọi người có điều kiện gặp gỡ và trao đổi hàng hóa. Những địa điểm tụ họp đó, về quy mô lớn nhỏ có thể chưa bàn đến, nhưng nhất định phải thỏa mãn yêu cầu là một địa điểm công cộng thuận tiện nhất trong vùng đó. Cứ thế, trải qua năm tháng, sinh hoạt giao lưu hàng hóa diễn ra và thành lệ, được mọi người gọi là chợ. Chợ Hội An, trong lịch sử từng là một khu chợ lớn, mang tầm quốc tế: “... *Phàm hóa vật sản xuất ở các phủ Thăng Hoa, Điện Bàn, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Bình Khang và dinh Nha Trang đường thủy, đường bộ, đi thuyền đi ngựa đều hội tập ở phố Hội An vì thế người khách phương Bắc đều đến tụ tập ở đây để mua về nước. Trước đây hàng hóa nhiều lắm, dù trăm chiếc tàu to chở cùng một lúc cũng không hết được...*”¹. Trải qua thời gian, đến nay chợ Hội An vẫn còn hiện diện, quy mô kiến trúc chợ Hội An hiện

nay hình thành ổn định từ thời thuộc Pháp (*đầu thế kỷ 20*).

Ngoài chợ cố định, Hội An thời thuộc Pháp còn diễn ra các cuộc chợ phiên (*còn gọi là hội chợ*), được tổ chức theo một thời gian nhất định trong năm. Chợ phiên Hội An thời kỳ thuộc Pháp có quy mô lớn với sự tham gia của nhiều địa phương trên cả nước, quy tụ các sản vật đặc trưng của các nơi. Hội chợ Faifo² (*Hội An*) được tổ chức lần đầu tiên vào năm 1935, do quan Công sứ Faifo là Jérusalémy và Tổng đốc Quảng Nam đứng ra tổ chức. Hội chợ diễn ra trong ba ngày từ ngày 15 đến ngày 17 tháng 7 năm 1935; hội chợ vào các năm 1936, 1937, 1939 đều diễn ra vào tháng 5, kéo dài trong 5 ngày, riêng năm 1939 kéo dài trong 9 ngày; cụ thể: năm 1936 từ ngày 17/5 đến ngày 21/5, năm 1937 từ ngày 23/5 đến ngày 27/5, năm 1939 từ ngày 27/5 đến ngày 4/6; hội chợ mở cửa từ 8 giờ đến 24 giờ.

Mục đích tổ chức hội chợ này nhằm để trưng bày các mặt hàng nông nghiệp và thương nghiệp nói chung, của tỉnh Quảng Nam và vùng Tourane (*Đà Nẵng*) nói riêng, đồng thời cũng là để bán ra thị trường các sản phẩm nông nghiệp, chăn nuôi và các mặt hàng khác. Trong giai đoạn này, mặc dù tỉnh Quảng Nam có thuận lợi về mặt giao thông đường bộ lẫn đường thủy, lại giàu có về thổ sản như cau, trà, đường, quế, bắp, sắn, mây, bông,

1. Lê Quý Đôn, Phủ Biên Tạp Lục, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977, tr.234.

2 Tên gọi hành chính của Hội An dưới thời kỳ thuộc Pháp.

tơ lụa nhưng vì gặp giai đoạn kinh tế khủng hoảng, giá bạc ở Trung Quốc bị hạ thấp, thổ sản ở Quảng Nam không bán được, nền kinh tế suy giảm; đứng trước tình cảnh đó, nhằm cứu nguy cho nền kinh tế địa phương nên quan Công sứ Faifo là Jérusalémy và Tổng đốc tỉnh Quảng Nam tổ chức ra cuộc hội chợ này.

Hội chợ diễn ra trên một khu đất rộng ở giữa kè Hải Nam, các phố Boulevard Jules Ferry (*đường Hoàng Diệu ngày nay*), phố cầu Nhật (*đường Trần Phú ngày nay*), dọc theo bờ sông gần hội quán Triều Châu.

Để tổ chức hội chợ, ban tổ chức đã ban hành thể lệ tham gia hội chợ, trong đó có nêu thời gian diễn ra hội chợ, mục đích của hội chợ, các hàng hóa được trưng bày, địa điểm diễn ra hội chợ, thời gian nộp đơn xin tham gia hội chợ (*đơn gửi cho Trưởng ban tổ chức, tòa sứ Faifo, đơn được chấp nhận hay từ chối đều có thư phúc đáp*), dự kiến số lượng gian hàng tham gia hội chợ, quy định kích thước gian hàng, giá thuê gian hàng, giá vé vào cửa, giấy chứng nhận bán hàng của các gian hàng.

Đối với mặt hàng bày bán trong hội chợ, ban tổ chức đã có quy định cụ thể trong thể lệ tham gia hội chợ. Mặt hàng tham gia các cuộc hội chợ từ năm 1935 đến năm 1939 khá đa dạng, trong đó hàng hóa hội chợ năm 1935 bao gồm: trà, hạt tiêu, đường, sáp, mật ong, dầu lạc, nước mắm, cá khô, gỗ thơm, hương, mây, gốm, đồ đan, tơ lụa, bông sợi hoặc dệt thành vải; hàng hóa hội chợ năm 1936 bao gồm: thổ sản (*chè, bắp, khoai,...*), hải sản (*vi cá, bong bóng, tôm khô của gian hàng Lê Văn Vinh ở làng Thanh Châu*), đồ kỹ nghệ (*máy bơm nước vào ruộng của ông Nguyễn Đức Điển, máy xay chè của ông An Lợi ở Tam*



Hội chợ Hội An năm 1937
Ảnh: Nguyễn Bôi Liên

Kỳ), đồ sành (*chén, bát, đĩa*), thuốc nam, đồ thêu - cần - chạm ở miền Bắc; hàng hóa hội chợ năm 1937 có: lâm sản, nông sản, khoáng sản (*Quảng Nam*), tơ lụa Quảng Nam, tussor lụa, xuyên, lãnh (*làng Bảo An, Xuân Đài*), Thi Lai, Mã Châu, Hà Mật (*thuộc phủ Điện Bàn và Duy Xuyên*), chén bát (*miền Nam*), lâm sản (*trâm, quế*) - thổ sản (*cau*) được đóng hộp, ngoài ra còn có mật ong, sáp ong, quế, chuối khô, cau khô, thuốc lá Cẩm Lệ, đồ đá Non Nước; hội chợ năm 1939, các mặt hàng bày bán khá đa dạng, như: tên, ná, cung, dục, phạng, xà lét, giáo, dao, da cạp, bắp, bông, mía, thuốc lá, quả nam trân (*bòn bon*), xoài (*Đại Lộc*); quế, bắp, đậu, khoai, sắn, mè, mía, bông, chè (*phủ Duy Xuyên, Thăng Bình, Điện Bàn và huyện Hòa Vang, Tiên Phước, Quế Sơn*), máy dệt hàng bông kiểu mới, mật ong, nước mắm, rượu dàu Quảng Bình, rượu Thanh Yên, bánh - mứt (*Tourane - Đà Nẵng*). Trong hội chợ năm 1939 còn có mặt hàng được xem là vật hiếm có bởi sự khác thường của nó, đó là hai cây mía cao gần 10 thước tây (*10m*) của gian hàng phủ Duy Xuyên. Qua hội chợ, có thể thấy tại tỉnh Quảng Nam trước đây có

sản lượng thuốc lá khá lớn, có đến 150 tấn thuốc lá trong hội chợ năm 1935. Mặt hàng tơ lụa của tỉnh Quảng Nam được đánh giá cao về chất lượng, được nhiều người ở Nam Kỳ đặt trước hàng nghìn thước hàng của các ty nghiệp ở Duy Xuyên và Điện Bàn (*hội chợ năm 1937*); tơ lụa Quảng Nam còn được đánh giá là nền móng sự sống còn của một phần lớn dân Quảng Nam thời bấy giờ.

Cách bày trí các gian hàng tại hội chợ thực hiện theo thể lệ của ban tổ chức, các nhà buôn sẽ được bố trí gian hàng riêng để trưng bày, số lượng gian hàng dự kiến khoảng 100 gian, kích thước 3m x 3m, giá thuê một gian hàng là 2 đồng (*năm 1937*), một người có thể thuê nhiều gian hàng tiếp giáp nhau. Năm 1936, cách

sắp xếp gian hàng được thực hiện theo kiểu mới do quan Giám binh M.Saint Peron thiết kế, có hồ sen, bồn kiếng, hoa. Cách trưng bày hàng hóa tại gian hàng tùy thuộc vào chủ gian hàng đó. Ban tổ chức sẽ tiến hành chấm chọn trao giải cho các gian hàng bày trí đẹp (*năm 1936 giải nhất thuộc về gian hàng nhà thuốc ÔNG - TIÊN ở Sài Gòn*). Tại hội chợ năm 1937, các rạp cát trong hội chợ do quan Giám binh M.Saint Peron thiết kế và sự giúp sức của các lính Khố xanh tỉnh Quảng Nam nên hội chợ được trang hoàng đẹp hơn, vật liệu sử dụng chủ yếu là tre, dùng để làm rạp tạm thời (*chi phí*

thấp), đây được xem là một trong những nhân tố quyết định đến sự thành công của hội chợ. Hội chợ vào năm 1939 có quy mô kiên trúc đồ sộ, nguy nga và mới mẻ hơn cả; những tấm phen mỏng tô vôi bao quanh hội chợ trông như một thành trì kiên cố, hai bên đường trước cửa hội chợ treo những lá cờ Pháp, Việt.

Ngoài việc trưng bày, buôn bán các hàng hóa trong hội chợ còn diễn ra các

hoạt động khác như hoạt động quảng cáo cho các gian hàng, nổi bật là đoàn quảng cáo ở tận Hà Nội vào đây, họ có máy truyền thanh ca hát, rao hàng cả ngày khiến cho hội chợ thêm phần náo nhiệt, vui vẻ (*nhà thuốc ÔNG - TIÊN ở Sài Gòn thuê*), tổ chức các cuộc khiêu vũ (*năm 1936, sinh viên trường Mỹ*



Hội chợ Hội An năm 1937

Ảnh: Nguyễn Bội Liên

thuật ở Sài Gòn là M. Phạm Văn Vinh được chấm hạng nhất), cuộc thi sắc đẹp (*năm 1936, người đạt giải nhất là một nữ học sinh ở Faifo (Hội An) tên là Phùng Thị Phát*, đấu võ đài, đua ghe, quay bánh lấy đồ, câu lấy đồ, ban nhạc (*của lính Khố xanh Huế*) đã thu hút đông đảo người xem. Người ta còn làm riêng một khoảnh đất độ 50 thước và dựng phen kín đáo để tổ chức các trò như đá gà, cào tảo, sóc đĩa.

Hội chợ thu hút đông đảo người đến tham gia, số lượng tăng dần theo các năm, như năm 1936 lượng người đi xem hội chợ là 21.700 người đến năm 1937

tăng lên 46.000 người; số lượng hàng hóa bán được cũng tăng vượt bậc, năm 1936 hàng hóa bán được 13.000\$, đến năm 1937 lên đến 30.000\$. Thành phần tham dự hội chợ khá đa dạng, từ người dân đến các thương gia - nhà buôn, các cơ quan nhà nước (như sở Canh Nông, Kiểm Lâm, Thú Y, Công Chánh, Đạc Điền đều có gian hàng trưng bày), các quan chức như quan sứ Faifo Jérusalémy, M.Barhe (Phó sứ Faifo), Ducrest (chánh văn phòng tòa khâm), M.Saint Peron (quan Giám binh), quan Tổng đốc Ngô Đình Khôi, quan Bố Chánh Nguyễn Văn Định, lính Khố xanh cũng tham gia hội chợ.

Hội chợ được tổ chức cũng đã giúp cho các thương gia địa phương, các hàng cơm, nhà trọ kinh doanh được khá hơn. Các thương gia địa phương, các phường, các xã ở Faifo rất hoan nghênh hội chợ này và đã nhiệt tình đóng góp vật dụng, kinh phí. Tuy nhiên, để tổ chức một cuộc hội chợ với quy mô lớn như vậy, các quan chức trong Tỉnh phải làm việc khá vất vả; thêm vào đó vì muốn cho hội chợ này không bị nhàm chán nên sau hội chợ năm 1937, quan Công sứ và quan Tổng đốc quyết định sẽ tổ chức hội chợ 2 năm một lần thay vì mỗi năm một lần như trước.

Tuy các cuộc hội chợ đạt được kết quả mỹ mãn nhưng trong công tác tổ chức vẫn còn nhiều thiếu sót, chẳng hạn vào hội chợ năm 1936 thiếu cách quảng cáo, ít trò vui chơi nên những thương gia kỹ nghệ ở xa đến tham dự không nhiều, việc bố trí các cửa ra vào ít dẫn đến tình trạng lộn xộn, bảng chỉ dẫn nơi ra - vào có phong chữ quá nhỏ nên gây nên sự nhầm lẫn cho khách, hội chợ tổ chức vào ngày nắng nhưng không được ban tổ chức tưới nước cho đỡ bụi, khiến cho không khí thêm phần oi bức, khó chịu;

năm 1939 thì cửa vào quá chật khiến cho dòng người chen chúc, lộn xộn, dẫn đến tình trạng móc túi diễn ra.

Như vậy, tại Hội An, tuy trải qua nhiều giai đoạn, nhiều thời kỳ biến động nhưng vẫn đóng một vai trò quan trọng của tỉnh Quảng Nam trong phát triển kinh tế, là nơi hội tụ, giao lưu, trao đổi hàng hóa từ mọi miền trên đất nước, xứng danh là “tiểu chợ lớn Trung Kỳ” trong lịch sử ♦

Tài liệu tham khảo

1. Hà Thành ngo báo, Số 2338, 29 Tháng Sáu 1935 – tr.4.
2. Sài Gòn báo, Số 841, 29 Tháng Năm 1936 - Hội chợ Faifoo đã khai mạc.
3. Sài Gòn báo, Số 840, 28 Tháng Năm 1936 - Mây thua nước tóc Tuyết nhường màu da.
4. Sài Gòn, Số 840, 28 Tháng Năm 1936 - trang 8.
5. Trảng An báo, Số 226, 4 Tháng Sáu 1937 - Việc trong nước.
6. Trảng An báo, Số 228, 11 Tháng Sáu 1937 - Tin thêm về cuộc hội chợ Faifoo năm 1937.
7. Trảng An báo, Số 426, 9 Tháng Sáu 1939 - Tường thuật: Đi xem hội chợ Faifo 1939.
8. Trảng An báo, Số 225, 1 Tháng Sáu 1937 - Hội chợ Faifo khai mạc có quan khâm sứ Graffeuil và quan thượng Kinh Tế vào dự.
9. Di cảo Châu Ái Nguyễn Bội Liên, 2017, Chuyện trăm năm cũ: Hội An chùng một thế kỷ trước đây, Trung tâm QLBTDSVH Hội An, NXB Đà Nẵng, tr.61.

CẨM HẢI NHỊ CUNG VÀ CHUYỆN ĐỊNH DANH

Trương Nguyên Ngã

Dựa theo cuốn Di Sản Hán Nôm Hội An tập I, bản khắc trên bia đá do ngài cử nhân Thuần Phu Trương Đồng Hiệp biên soạn, Ngô Đức Chí phiên âm, Nguyễn Bội Liên dịch nghĩa, Cẩm Hải Nhị Cung được người dân làng Minh Hương xây dựng vào năm Bính Dần đời Hy Tôn Hiếu Văn Hoàng Đế - 1626, tại vùng đất giáp ranh hai xã Cẩm Phô và Thanh Hà, Hội An.

Cẩm Hải Nhị Cung vốn thực sự là hai nơi thờ tự riêng biệt, nằm song song trên cùng một khuôn viên. Cẩm Hà Cung nằm bên tả, thờ đức Bảo Sanh Đại Đế và 36 vị tướng được phong thần. Hải Bình Cung nằm bên hữu, thờ ngài Thiên Hậu Thánh Mẫu và 12 bà mụ.

Năm Mậu Thân, niên hiệu Tự Đức nguyên niên - 1848, công trình này được trùng tu và làm lại cổng chính đi vào hai cung. Do là một cổng nhưng đi vào hai cung nên việc thiết kế cổng cũng có phần dị biệt so với cổng chính của các công trình tâm linh, tín ngưỡng khác.

Cổng tuy được thực hiện cách đây hàng thế kỷ, thoát trông dáng vẻ cổ xưa nhưng cấu trúc và mỹ thuật vẫn không kém phần đương đại. Theo văn bia còn lưu lại, cổng này do lưỡng khoa tú tài Trương Chí Thi thiết kế và trùng khởi, nếu như so với nhiều di tích khác thông thường không xác định được người vẽ thiết kế thì chi tiết này cũng khá thú vị.

Khởi nguồn là vậy, nhưng do Cẩm Hà Cung có thờ ngài Thiên Hậu Thánh Mẫu và 12 bà mụ nên người dân địa phương thường đến lễ tự nơi đây. Lâu dần, Cẩm Hải Nhị Cung được người dân địa phương gọi nôm là chùa Ông Chú - Bà Mụ. Sau đọc gọn là chùa Bà Mụ.

Trong chiến tranh, lòng người ly tán nên chuyện thờ phượng, bảo tồn di tích có phần chênh mảng. Cẩm Hải Nhị Cung dần hoang phế lụi tàn, làng Minh Hương không đủ kinh phí tu bổ nên vào năm 1965, đại diện làng Minh Hương đành phải hiến khuôn viên này cho Tỉnh hội Phật giáo Quảng Nam để làm trường Bồ Đề dạy Phật học. Cả hai bên đều thống nhất giữ phần kiến trúc cổng để lưu lại di tích cho hậu thế sau này. Hiện tại khu vực này là trường phổ thông cơ sở Nguyễn Duy Hiệu, Hội An.

Cũng trong chiến tranh, khu vực hồ sen trước mặt tiền của hai cung đã bị công binh san lấp để làm trại gia binh cho binh lính của chế độ Sài Gòn. Do không được chăm sóc, tu bổ nên di tích này ngày càng xuống cấp trầm trọng.

Giải tỏa, đền bù và trùng tu tiền môn Cẩm Hải Nhị Cung (*tục gọi là cổng chùa Bà Mụ*), là một cố gắng lớn của chính quyền Hội An, cũng là niềm vui của người dân phố Hội sau hơn nửa thế kỷ di tích này bị lu lấp. Thực sự cũng ứng với lời người xưa viết trên bia đá

“Lâu ngày phải sửa lại, thức giả đều nói bảo tồn cổ tích ngày nay là một vấn đề lớn, người trước dựng nên, người sau phải noi dấu” (Trích tài liệu đã dẫn).

Tuy nhiên, tấm bia đá định danh di tích lại dán bằng decal lại là thắc mắc của nhiều người địa phương, cũng như du khách.

Qua trao đổi với ông Nguyễn Chí Trung - Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, được biết: *“Cái tên “Tam Quan Chùa Bà Mụ” đã đi vào tiềm thức của người dân địa phương hơn nửa thế kỷ nay, nó cũng được ghi vào nhiều văn bản hành chính cũng như nghiên cứu. Mặt khác, xét về bảo tồn lại phải tôn trọng nguyên gốc mọi chi tiết liên quan đến di tích, theo nguyên tắc lại phải giữ tên nguyên khởi là “Cẩm Hải Nhị Cung”. Do vẫn còn nhiều xu hướng khác nhau trong việc định danh cho di tích này,*

nên việc dán decal chỉ là tạm thời để tham khảo dư luận trước khi quyết định”. Thiết nghĩ, đây là một cách làm thực sự cầu thị và cẩn trọng của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An khi chưa thống nhất được chuyện định danh cho di tích này.

Cũng từ tư liệu đã dẫn có vài điều cần bàn, công trình này từ lúc khởi thủy đã được định danh là “Cẩm Hà Nhị Cung”, trải qua quá trình phát triển tên gốc bị gọi chệch đi cũng không là sự lạ. Chiếu theo văn bia chuyện này cũng đã được giải thích rõ ràng *“...Đó là công trình mới sáng lập lúc qua phương Nam mà được gọi là chùa Bà Mụ là thiệt do người Việt vậy”.*

Dựa theo bản chuyển ngữ của Ngô Đức Chí thấy *“Tự Đức Mậu Thân, hương tú tài Trương Chí Thi tiên sinh trùng khởi tiền quan, tăng hưng ba biểu môn*



trì nhi nguy nga, nguyệt đương trung nhi quang đại". Cụ Nguyễn Bội Liên lại dịch nghĩa câu này thành "*Tự Đức năm Mậu Thân tú tài khoa hương Trương Chí Thi tiên sinh làm lại cửa tam quan trước chùa. Tầng cao trụ, biển, hai cửa vào ra đối nhau rất nguy nga, giữa có vầng mặt trăng rộng sáng chói*". Đồ rằng sự dịch nhầm, cộng với cách gọi thông tục lâu dần dẫn đến thành tên Tam Quan chùa Bà Mụ chẳng? Trên thực tế hiện nay về mặt bố cục cổng, thấy rằng đây là một thiết kế độc đáo của hai cổng ghép lại thành một, gồm một cổng trung tâm và bốn cổng đi vào nên gọi là "Tam Quan" hơi có phần gượng ép.

Lại bàn về sự khác nhau giữa "Chùa (Tự)" và "Cung". Tại Hội An có thói quen dùng từ "Chùa" để gọi hầu hết các di tích thờ phụng lâu dần thành tên thông tục như chùa Ông, chùa Phúc Kiến, chùa Cầu... Tuy nhiên tự điển Hán - Việt của Thiều Chửu lại phân biệt rất rõ ràng sự khác nhau này "Nhà của vua và nhà để thờ thần đều gọi là Cung" (trang 130) và "Đời vua Hán Minh Đế đón hai vị sư sang, vì chưa có chỗ ở riêng nên mới đón vào ở sở Hồng Lô Tự, nên về sau các chỗ sư ở đều gọi là Tự (Chùa)" (trang 136).

Tự điển Anh - Việt của nhà xuất bản Giáo Dục - 1996, cũng phân biệt rất rõ giữa "*Pagoda - Chùa*" (trang 1021) và "*Temple - Điện thờ, thánh thất, miếu thờ*" (trang 1469).

Tự điển tiếng Việt của viện Ngôn Ngữ Học Việt Nam cũng định nghĩa "*Chùa - Công trình kiến trúc làm nơi thờ Phật*" (trang 227) và "*Cung - Nơi thờ thần thánh*" (trang 279).

Vậy đã rõ, cho dù tên gọi chùa Bà Mụ đã trở thành quá quen thuộc trong dân gian thì nó vẫn cứ là tên thông tục. Do đó khi định danh khắc bản, buộc phải dùng tên chính thức do người xưa đã định danh từ đầu, dấu vết bia đá đã minh định là chuyện hiển nhiên.

Thiền nghĩ, theo chuyên môn của ngành bảo tồn, dựa trên bia đá và sách vở như đã dẫn ở trên, đồng thời tham khảo thêm những dấu tích còn lại ở trên hai cổng lớn có hai biển hiệu được gắn chữ bằng sứ Cẩm Hà Môn và Hải Bình Môn, thì việc chọn tên Di Tích Cẩm Hải Nhị Cung có thể là lựa chọn khả dĩ.

Thực tế ở Hội An vẫn có những di tích rơi vào tình trạng này. Như dân gian thường gọi là chùa Quảng Triệu, hay chùa Ông... thì đích danh của những nơi này vẫn là Quảng Đông Hội Quán, hay Trùng Hán Cung... và nhiều những di tích khác tên gốc vẫn khác với tên thông tục là chuyện thường tình.

Hơn nữa chuyện này cũng đã từng có tiền lệ, tại thủ đô Hà Nội lúc phát lộ ra những di chỉ của hoàng thành Thăng Long, giới học thuật trong nước đã không ngần ngại định danh Di Tích Hoàng Thành Thăng Long là điều có thể xác tín.

Việc định danh cho một di tích để lại trên bia đá cho ngàn đời sau là chuyện hệ trọng. Mọi sự giải bày trên đây chỉ đơn thuần là ý kiến của cá nhân người viết. Những mong có sự góp ý của các bậc thức giả đương thời để cho công việc trùng tu di tích này có được kết quả viên mãn ♦

BẢO TÀNG VỚI HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC DI SẢN HƯỚNG ĐẾN THẾ HỆ TRẺ

CN. Lê Thị Tuấn

“Bảo tàng là thiết chế văn hóa có chức năng nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, trưng bày, giới thiệu di sản văn hóa, bằng chứng vật chất về thiên nhiên, con người và môi trường sống của con người nhằm phục vụ nhu cầu nghiên cứu học tập, tham quan và hưởng thụ văn hóa của công chúng.” Vì vậy, trong các hoạt động của bảo tàng phải tính đến hiệu quả xã hội, tác động tốt đến tư tưởng, tâm lý, tình cảm... đối với công chúng. Nhất là trong xu thế hội nhập ngày nay, yêu cầu phải đổi mới, áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật trong công tác bảo tàng, nâng cao chất lượng phục vụ khách tham quan nói chung, cộng đồng địa phương nói riêng là yêu cầu của các bảo tàng hiện đại.

Bảo tàng Hội An tuy chưa có điều kiện đổi mới toàn diện theo xu hướng bảo tàng hiện đại như một số địa phương khác. Tuy nhiên, Bảo tàng Hội An đã và đang hoạt động có hiệu quả về nhiều mặt. Đạt được kết quả như hiện nay phải kể đến là sự quan tâm của lãnh đạo các cấp và sự nỗ lực của những người làm công tác bảo tồn - bảo tàng. Đội ngũ cán bộ Phòng Bảo tàng tâm huyết với nghề nghiệp, thực hiện đảm bảo 6 khâu công tác của bảo tàng (nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền giáo dục). Công tác tuyên truyền giáo dục là khâu công tác cuối cùng nhưng kết quả của các khâu công tác trên là cơ sở đảm bảo cho các hoạt động

tuyên truyền, giáo dục của bảo tàng với công chúng.

Trong những năm gần đây, hoạt động tuyên truyền giáo dục mang tính bền vững hướng đến cộng đồng được bảo tàng đặt lên hàng đầu. Đặc biệt, tập trung vào giáo dục cho thế hệ trẻ với hoạt động *“Giáo dục di sản trong học đường ở Hội An”* và hoạt động *“Chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng”*.

Hoạt động giáo dục di sản trong học đường bắt đầu triển khai vào năm 2015. Được thống nhất chỉ đạo của UBND thành phố, Trung tâm Quản lý Bảo tồn di sản Văn hóa Hội An và Phòng Giáo dục & Đào tạo Thành phố đã phối hợp triển khai biên soạn bộ tài liệu về giáo dục di sản trong học đường cho khối tiểu học và trung học cơ sở. Mỗi khối lớp gồm 2 chủ đề. Năm học 2017 - 2018, tổ chức triển khai dạy thử nghiệm ở khối 1 tại Trường Tiểu học Phù Đồng và khối 6 Trường THCS Nguyễn Duy Hiệu.

Bên cạnh việc hướng dẫn triển khai thử nghiệm bộ tài liệu của khối lớp 1 và khối lớp 6, Tổ biên soạn đã tiến hành biên soạn bộ tài liệu cho các khối lớp 2, 3, 4, 5 và xây dựng kế hoạch biên soạn cho các khối lớp 7, 8, 9.

Nội dung chủ đề của các khối lớp được tập trung như sau:

Khối Tiểu học	Khối Trung học cơ sở
- Lớp 1: + Chủ đề 1: Chúng em khám phá di tích Chùa Cầu + Chủ đề 2: Em yêu và bảo vệ di tích Chùa Cầu	- Lớp 6: + Chủ đề 1: Lịch sử cách mạng + Chủ đề 2: Nghề trồng lúa quê em
- Lớp 2: + Chủ đề 1: Giếng cổ ở Hội An + Chủ đề 2: Hội quán ở Hội An	- Lớp 7: + Chủ đề 1: Nghề buôn ở Hội An + Chủ đề 2: Mộ
- Lớp 3: + Chủ đề 1: Chùa ở Hội An + Chủ đề 2: Múa Thiên cẩu ở Hội An	- Lớp 8: + Chủ đề 1: Hát múa Bả trạo ở Hội An + Chủ đề 2: Miếu ở Hội An
- Lớp 4: + Chủ đề 1: Lăng ở Hội An + Chủ đề 2: Nhà thờ tộc ở Hội An	- Lớp 9: + Chủ đề 1: Chùa Cầu - phố Hội + Chủ đề 2: Hô hát bài chòi ở Hội An
- Lớp 5: + Chủ đề 1: Ngôi nhà cổ Hội An + Chủ đề 2: Làng nghề ở Hội An	

Nội dung của một chủ đề được triển khai theo 3 hoạt động

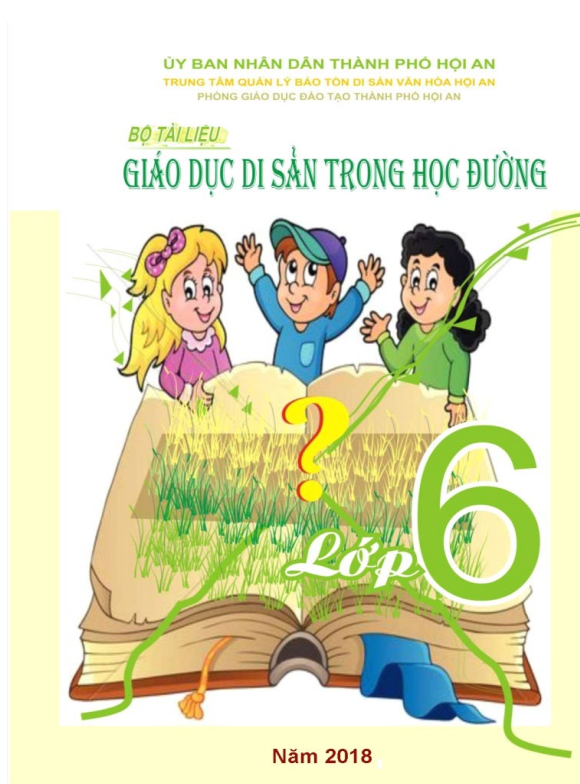
- Hoạt động 1: Giới thiệu về di sản tại lớp

- Hoạt động 2: Trải nghiệm tại di tích, bảo tàng

- Hoạt động 3: Báo cáo tại lớp sau chuyến tham quan, trải nghiệm (bằng nhiều hình thức: sản phẩm qua trải nghiệm, bài viết, giới thiệu bằng slide).

Trong quá trình biên soạn tài liệu cho các khối lớp 2, 3, 4, 5, cán bộ di sản và giáo viên đã nghiên cứu kỹ về di sản ở địa phương và chương trình giáo dục

theo từng khối lớp để nội dung tài liệu được xây dựng từ thấp đến cao phù hợp với nhận thức của từng lứa tuổi và mang tính kết nối liên tục giữa các khối lớp. Đưa tri thức dân gian trong tài liệu tham khảo để gợi mở, kích thích tính chủ động của học sinh trong việc tìm hiểu về di sản. Tài liệu được biên soạn trên cơ sở loại hình di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể gắn với các địa phương nên thuận tiện cho giáo viên và học sinh tìm hiểu. Ngoài tài liệu chữ viết, còn có hình ảnh, video giới thiệu về từng loại hình di sản. Các trường chưa có điều kiện trải nghiệm thực địa sẽ trải nghiệm



qua màn ảnh nhỏ. Vì vậy, nội dung tài liệu mang tính thực tế, ứng dụng trải nghiệm cao, phương pháp tương tác trao đổi hai chiều, hấp dẫn, sinh động.

Năm học 2018-2019, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An và Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tiếp tục tổ chức dạy thử nghiệm cho khối lớp 1 của 7 trường tiểu học và khối lớp 6 của 6 trường trung học cơ sở trên địa bàn Thành phố với tổng số 981 em.

Với hoạt động “*Chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng*”, chúng tôi bắt đầu tổ chức từ năm 2013 đến nay. Đối tượng của hoạt động này là con em các nhóm gia đình và nhóm các nhà trẻ trên địa bàn Thành phố. Đến với bảo tàng vào sáng thứ bảy, các em được tìm hiểu về lịch sử, văn hóa địa phương qua những hiện vật và những câu chuyện kể liên quan đến hiện vật trưng bày. Các em được giao lưu với du khách để nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh thông qua trò chơi, hoạt động tương

tác với du khách. Những trò chơi như “em là hướng dẫn viên nhí”, “bác thợ gốm tí hon”, “em là công nhân xây dựng”, “em làm họa sĩ” hay những trò chơi dân gian như đánh nẻ, cướp cờ, chơi sạn, lia thùng và cả việc thưởng thức đồ ăn, thức uống đặc trưng trong văn hóa ẩm thực của người Hội An. Những hoạt động này giúp các em sáng tạo, nhanh nhẹn, mạnh dạn trước tập thể. Ngoài ra, bồi dưỡng ý thức gìn giữ di sản, bảo vệ môi trường xung quanh. Qua hoạt động về ẩm thực cũng bồi dưỡng phần nào về kỹ năng sống cho các em. Tuy là hoạt động mang tính năng khiếu, vui chơi, giải trí nhưng các em đã có sự chuyển biến rõ rệt, như biết ứng xử nhẹ nhàng, nhường nhịn nhau, qua mỗi sản phẩm các em gửi gắm tình cảm, ước mơ vào sản phẩm như mong muốn trái đất xanh, gia đình hạnh phúc, có em mạnh dạn, hòa đồng với bạn bè bớt nhút nhát hơn nên gia đình rất vui.

Từ khi tổ chức đến nay, bảo tàng đã đón trên ba nghìn em đến tham gia hoạt động, riêng năm 2018 đã có 1.241 em tham gia. Bảo tàng Hội An hiện nay là địa chỉ thân quen của các bậc phụ huynh, của các em học sinh, là nơi mà các bậc huynh yên tâm đưa con em đến ngày càng nhiều và phần khởi qua mỗi sự tiến bộ của các em.

Tóm lại: Tuy mỗi hoạt động, có hình thức, nội dung tổ chức khác nhau nhưng không ngoài mục đích cung cấp cho thế hệ trẻ kiến thức cơ bản về di sản Hội An để sau khi các em học xong chương trình trung học cơ sở, các em sẽ hiểu về di sản văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể ở Hội An. Từ đó, các em có ý thức về việc gìn giữ, bảo vệ và phát huy giá trị di sản, tiếp tục làm tốt vai trò bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa Hội An trong tương lai ♦

NHÀ KHOA HỌC TRẺ HỘI AN LIÊN TỤC ĐƯỢC VINH DANH Ở TRỜI ÂU

Lê Viết Hai

Ngày 11/12/2018, khi nghe Ban Tổ chức xướng danh và mời lên sân khấu nhận giải thưởng tại lễ vinh danh nhà khoa học xuất sắc đoạt giải “Nghiên cứu có tính đổi mới sáng tạo-Research Innovation năm 2018” do trường Đại học Queen’s Belfast (Anh Quốc) tổ chức, giáo sư (GS) Dương Quang Trung vỡ òa hạnh phúc và cũng thật bất ngờ. Bởi đây là lần đầu tiên trong lịch sử 200 năm của ĐH Queen’s giải được trao cùng lúc cho 2 người (*do 2 công trình lọt vào chung khảo đều mang tính nghiên cứu đột phá sáng tạo, đều đặc biệt xứng đáng ngang nhau*).

GS Trung nhận giải với công trình “Cải thiện hệ thống thông tin liên lạc nhằm đáp ứng việc truyền tín hiệu khi có thiên tai”. Và người kia là nữ giáo sư Helen Mc Carrthy - tìm ra phương pháp bào chế thuốc cực kỳ hiệu quả, ứng dụng trong các bệnh ung thư.

Công trình “*Cải thiện hệ thống thông tin liên lạc nhằm đáp ứng việc truyền tín hiệu khi có thiên tai*” do GS Dương Quang Trung làm chủ nhiệm nghiên cứu phát triển hệ thống truyền tin mới bằng các phương tiện bay không người lái (UAV). Các phương tiện này có thể hoạt động trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt và ngay tại thời điểm xảy ra thiên tai với sự khác biệt là có thể cứu sống hoặc hỗ trợ những người còn sống sót trong đồng cỏ nát của khu vực bị ảnh hưởng. GS Dương Quang Trung cho biết,

truyền thông trong điều kiện khó khăn để hỗ trợ quản lý thiên tai như cứu hỏa, cứu hộ, dịch vụ y tế khẩn cấp thì thời gian, với độ trễ tối thiểu từ mili giây đến vài giây, là yếu tố quan trọng. Thuật toán *phân bổ tài nguyên thời gian thực* được phát triển bởi công trình nhận giải thực hiện chính xác điều này. Nghĩa là giảm thời gian xử lý hệ thống xuống đến mili giây nhằm đáp ứng các yêu cầu về kênh truyền thông ngay cả khi mạng viễn thông hiện có bị phá hủy, nguồn cung cấp năng lượng bị hỏng/cạn kiệt và mạng bị tắt nghẽn. Điều này hỗ trợ hữu hiệu cho nhân viên ứng cứu khẩn cấp cũng như các đội di tản hoàn thành nhiệm vụ. Và như vậy, với cách giảm thời gian xử lý thông tin trong truyền thông tin của các UAV xuống đến mili giây, thuật toán phân bổ tài nguyên tối ưu cho UAV được phát triển bởi GS Dương Quang Trung và đồng nghiệp góp phần giúp cứu sống và hỗ trợ kịp thời cho những người sống sót.

Giáo sư Dương Quang Trung là một cư dân của Phố cổ Hội An. Anh sinh năm 1979. Xuất thân trong một gia đình bình thường. Cha là ông Dương Quang Kỳ, nhân viên Cục Thuế Quảng Nam đã nghỉ hưu. Mẹ làm nội trợ, đã từng có một quầy sách nhỏ ở góc đường Hoàng Diệu - Trần Hưng Đạo (*đối diện Bưu điện Hội An*). Ở cả 3 cấp học đầu đời, Dương Quang Trung đều học ở Hội An: Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, THCS Kim Đồng và THPT Trần Quý Cáp. Rồi



GS. Dương Quang Trung (thứ hai từ trái sang) cùng nữ GS Helen McCarthy cùng nhận giải thưởng (ảnh NVCC-nhân vật cung cấp)

Phổ Hội anh vào học ĐH Bách khoa TP Hồ Chí Minh, tốt nghiệp loại giỏi. Ra trường, anh về công tác giảng dạy tại ĐH Giao thông vận tải TP Hồ Chí Minh. Tiếp đó, anh nhận học bổng toàn phần của chính phủ Hàn Quốc du học tại đây, lấy bằng thạc sĩ ngành viễn thông. Và tiếp tục theo học tại Thụy Điển cũng dưới học bổng toàn phần, tốt nghiệp bằng tiến sĩ chuyên ngành viễn thông năm 2012. Ngay sau đó, anh về đầu quân cho trường Queen's University Belfast, một thành viên của Russell Group - Nhóm 24 trường ĐH danh giá nhất ở Anh Quốc và là một trong 108 trường ĐH tốt nhất thế giới.

Dẫu tuổi đời còn khá trẻ trong giới khoa học nhưng GS Dương Quang Trung đã là tác giả chính đồng thời là đồng tác giả của gần 250 công trình nghiên cứu khoa học được đăng trên các tạp chí chuyên ngành và hội nghị quốc tế. Ngoài ra, anh đã nhận được một số giải thưởng danh giá: Giải thưởng fellowship của Hội khoa học Hoàng gia Anh Quốc năm 2016-2021; Giải thưởng công trình nghiên cứu xuất sắc nhất tại Hội nghị IEEE ICC 2014 tổ chức tại Sydney, Úc

và Hội nghị IEEE Globecom 2016 tổ chức tại Washington DC, USA; Giải thưởng Newton Prize 2017 với công trình nghiên cứu “Xây dựng nền tảng phát triển bền vững Kết nối xã hội cho các thành phố tương lai”. Cũng trong năm 2018, trong khuôn khổ kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ giữa Anh quốc và Việt Nam 1973-2018 (tổ chức ngày 18-9 tại Hà Nội), GS

Trung đã được chính phủ Anh ghi nhận vì những đóng góp tích cực trong hợp tác nghiên cứu khoa học.

Tuy khá bận rộn nhưng năm nào Giáo sư Dương Quang Trung cũng dành thời gian về VN để thăm gia đình, bạn bè và thăm quê, vui với từng đổi thay của đời sống bà con phố Hội. Và, bằng khả năng và kinh nghiệm của mình, GS đã lần lượt mở 4 *Trại hè Nghiên cứu khoa học quốc tế* tại Đại học Duy Tân-Đà Nẵng hỗ trợ sinh viên Quảng Nam-Đà Nẵng (Lần thứ nhất 2015 giúp 17 người tìm được học bổng toàn phần học Tiến sĩ và Thạc sĩ ở các nước Anh, Pháp, Ý, Mỹ, Hàn Quốc; Lần thứ hai 2016 giúp 11 người tìm được học bổng theo học chương trình nghiên cứu sinh; Lần thứ 3 2017 giúp 12 người xin được học bổng; Lần thứ tư 2018 đơn xin học bổng đang chờ phản hồi).

Là một người Hội An, người viết bài này khá tự hào vì có một đồng hương, nhà khoa học trẻ đã và đang làm rạng danh Phố Hội. Hi vọng có dịp, anh sẽ được thành phố mình vinh danh ngay tại quê nhà ♦

HỘI AN VỚI MỘT SỐ SỰ KIỆN TIÊU BIỂU TRONG NĂM 2018

CN. Lê Thị Ngọc Hương

Năm Mậu Tuất - 2018, có nhiều sự kiện chính trị - xã hội - văn hóa du lịch quan trọng diễn ra trên địa bàn thành phố Hội An hoặc liên quan đến Hội An. Bên cạnh các sự kiện văn hóa - du lịch mang tính chất thường niên như Hoạt động đón chào năm mới 2019, Hội tết Nguyên đán, Hội tết Trung Thu, Những ngày giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản, Những ngày văn hóa Hàn Quốc tại Hội An, Hoạt động kỷ niệm ngày Di sản Văn hóa (23/11) và ngày Khu phố cổ Hội An công nhận di sản Văn hóa thế giới (4/12),... còn có nhiều sự kiện nổi bật khác. Dưới đây là những sự kiện tiêu biểu.

Khánh thành dự án năng lượng mặt trời

Dự án lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời do Chính phủ Đức tài trợ với công suất hơn 55 KW/g để thắp sáng các lồng đèn trang trí trong Khu phố cổ. Nhân dịp kỷ niệm 5 năm kết nghĩa giữa hai thành phố Hội An - Việt Nam và Wernigerode - Cộng hòa liên bang Đức (2013 - 2018), vào chiều ngày 9/2 lễ khánh thành dự án năng lượng mặt trời được tổ chức. Tổng mức đầu tư của dự án là 170.9340 EUR, trong đó Chính phủ Đức tài trợ 90%. Hệ thống điện năng lượng mặt trời phục vụ cho các hoạt động như: Trình diễn nghệ thuật đường phố,

trò chơi dân gian, các lớp dạy hát dân ca, hợp xướng, hệ thống loa phát nhạc, đèn lồng trang trí, đèn chiếu sáng cho Chùa Cầu, các biểu tượng, các trục đường và các lễ hội văn hóa... Năng lượng dư thừa sẽ được tích hợp trong hệ thống ac-quy tự động để sử dụng vào ban đêm hoặc lúc thời tiết xấu. Việc thành của dự án góp phần quan trọng thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa thành phố Hội An nói riêng, Việt Nam nói chung với thành phố Wernigerode, Cộng hòa liên bang Đức.

Khởi công xây dựng Công viên Hội An

Nhằm trong chuỗi các hoạt động chào mừng kỷ niệm 43 năm giải phóng Quảng Nam (1975-2018), kỷ niệm 10 năm thành lập thành phố Hội An (2008-2018), sáng ngày 24/3, thành phố Hội An tổ chức lễ khởi công công trình xây dựng Công viên Hội An tại số 02 đường Trần Hưng Đạo, thuộc phường Sơn Phong. Việc đầu tư xây dựng Công viên Hội An nhằm hình thành trung tâm tổ chức các lễ hội lớn, các buổi mitting trọng thể, các điểm sinh hoạt văn hóa thể thao, khu vui chơi giải trí, góp phần tăng mật độ cây xanh, tạo cảnh quan đô thị hướng đến nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân, thu hút khách tham quan du lịch, tạo điều kiện phát triển kinh tế - văn

hóa - xã hội trên địa bàn thành phố Hội An. Quy mô đầu tư gồm: Khu trung tâm giao lưu quốc tế, Quảng trường công viên và 9 trụ biểu nghệ thuật, Nhà văn hóa thanh thiếu niên,... Tổng mức đầu tư của dự án là 100.228.743.000 đồng, trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ 70.000.000.000 đồng.

Kỷ niệm 10 năm thành lập thành phố Hội An (2008 - 2018)

Kỷ niệm 10 năm thành lập thành phố Hội An (2008-2018) là sự kiện chính trị trung tâm trong chuỗi hoạt động kỷ niệm Ngày giải phóng tỉnh Quảng Nam (24/3), giải phóng Hội An (28/3). Thành phố Hội An đã tổ chức nhiều hoạt động như: Gặp mặt tuyên dương khen thưởng, Hội nghị chuyên đề về xây dựng thành phố sinh thái, Triển lãm trưng bày ảnh với chủ đề thành tựu kinh tế - văn hóa - xã hội qua 10 năm thành lập thành phố, Hội trại “Tuổi trẻ Hội An sáng tạo, phát triển”, Tổ chức ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân,... và trọng tâm là lễ mítting kỷ niệm 10 năm thành lập thành phố Hội An. Lễ mítting diễn ra vào tối ngày 24/3 tại Nhà hát Hội An với sự tham dự của gần 3000 đại biểu khách mời, cán bộ và nhân dân thành phố. Đồng chí Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã tham dự và phát biểu chỉ đạo tại lễ mítting. Thay mặt lãnh đạo và nhân dân thành phố, đồng chí Kiều Cư - Bí thư Thành ủy Hội An đã đọc diễn văn kỷ niệm trong đó nhấn mạnh những thành tựu mà chính quyền và nhân dân Hội An đạt được trong 10 năm qua và nêu bật những mục tiêu trong lộ trình xây dựng

thành phố Sinh thái - Văn hóa - Du lịch Hội An.

Đón Bằng công nhận nghệ thuật Bài chòi Trung bộ Việt Nam là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại tại Hội An

Lễ đón bằng công nhận nghệ thuật Bài chòi miền Trung Việt Nam là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại diễn ra vào tối ngày 7/5, tại Công viên Đồng Hiệp (*phường Minh An*) do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với UBND tỉnh Quảng Nam và thành phố Hội An tổ chức. Diễn văn tại buổi lễ đã khái quát lịch sử hình thành và phát triển, nêu những giá trị văn hóa, khoa học nổi bật của nghệ thuật Bài chòi miền Trung. Tại buổi lễ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xuất đã khen thưởng cho những tập thể, cá nhân xuất sắc trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị nghệ thuật Bài chòi trong thời gian qua. Trước buổi lễ đón bằng công nhận là chương trình diễu hành rước Bằng qua các tuyến đường phố cổ với sự tham gia của hơn 100 anh, chị hiệu từ các đoàn nghệ thuật Bài chòi trên địa bàn tỉnh...

Kỷ niệm 40 năm thành lập xã đảo Tân Hiệp

Tối 25/7/2018, Đảng bộ, chính quyền xã đảo Tân Hiệp - thành phố Hội An tổ chức lễ kỷ niệm 40 năm thành lập xã (25/7/1978 - 25/7/2018). Diễn văn kỷ niệm tại buổi lễ đã nhấn mạnh những nỗ lực vượt bậc của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân xã Tân Hiệp trong quá trình xây dựng và phát triển xã đảo ngày càng

đổi mới, tươi đẹp. Trong 40 năm qua, từ một xã đảo nghèo, đến nay Tân Hiệp trở thành điểm tham quan du lịch hấp dẫn của khu vực, đời sống người dân không ngừng cải thiện. Ngoài lễ mitting kỷ niệm, trong dịp này, xã Tân Hiệp còn tổ chức gặp mặt các đồng chí cán bộ lãnh đạo qua các thời kỳ, khai trương thêm các điểm du lịch mới nhằm làm phong phú sản phẩm du lịch trên đảo Cù Lao Chàm, tổ chức các hoạt động văn hóa - thể thao.

Festival gồm Thanh Hà - Hội An năm 2018

Từ ngày 19/8/2018 đến ngày 21/8/2018, tại làng gốm Thanh Hà, thành phố Hội An diễn ra Festival gốm Thanh Hà - Hội An năm 2018. Trong chuỗi hoạt động của Festival có nhiều nội dung đặc sắc như phát hành sách về làng gốm Thanh Hà, ra mắt bộ phim *“Thanh Hà - Dấu ấn một làng nghề”*, biểu diễn nghệ thuật và thời trang trên đường làng với chủ đề *“Âm thanh của đất”* qua trang phục, phụ kiện bằng đất nung, tọa đàm *“Bảo tồn và phát triển các làng gốm truyền thống trong bối cảnh du lịch”*, trưng bày sản phẩm các làng nghề gốm truyền thống Việt Nam (Phù Lãng - Bắc Ninh, Hương Canh - Vĩnh Phúc, Phước Tích - Thừa Thiên - Huế, Bàu Trúc - Ninh Thuận, Lư Cẩm - Khánh Hòa... và một trong những điểm nhất của Festival là lễ giỗ Tổ nghề gốm Thanh Hà. Việc tổ chức thành công Festival gốm Thanh Hà - Hội An năm 2018 góp phần bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống địa phương; tăng cường quảng bá thương

hiệu, hình ảnh văn hóa - du lịch làng gốm Thanh Hà nói riêng, Hội An nói chung đến với du khách.

Khánh thành nhà máy xử lý nước thải do JICA tài trợ

Ngày 16/11, Công trình nhà máy xử lý nước thải thuộc dự án cải thiện chất lượng nước tại khu vực chùa Cầu - thành phố Hội An do Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) thực hiện đã được khánh thành. Dự án do Chính phủ Nhật Bản viện trợ không hoàn lại với tổng giá trị 1,1 tỷ Yên (*tương đương 225 tỷ đồng*), tỉnh Quảng Nam đối ứng 4,2 tỷ đồng. Nhà máy xử lý nước thải khu vực Chùa Cầu trang bị công nghệ xử lý nước thải tiên tiến, sử dụng năng lượng thấp. Việc khánh thành đi vào hoạt động của nhà máy sẽ từng bước cải thiện và xử lý hiệu quả nguồn nước ô nhiễm chảy qua chùa Cầu, nâng cao chất lượng môi trường cho khu vực, góp phần bảo tồn và phát huy hiệu quả di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An.

Lễ khánh thành công trình tu bổ, tôn tạo di tích Tam quan chùa Bà Mụ

Nhân kỷ niệm 19 năm Khu phố cổ Hội An được UNESCO công nhận Di sản Văn hóa thế giới (04/12/1999 - 04/12/2018), vào lúc 15h00 phút ngày 04/12/2018, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hóa Hội An đã chủ trì tổ chức lễ khánh thành công trình tu bổ, tôn tạo di tích Tam quan chùa Bà Mụ. Tam quan chùa Bà Mụ là một hạng mục kiến trúc độc đáo của di tích Cẩm Hải nhị cung - công trình tín ngưỡng nổi tiếng ở Hội An

từng được Viện Viễn Đông bác cổ xếp hạng Cổ tích liệt hạng cùng với 2 di tích khác ở Hội An là chùa Cầu và hội quán Triều Châu vào thập niên 30 thế kỷ XX. Việc khánh thành công trình tu bổ di tích Tam quan chùa Bà Mụ góp phần bảo tồn giá trị của di tích, đồng thời tạo điểm tham quan mới hấp dẫn, không thể bỏ qua của du khách trong và ngoài nước khi đến thăm Khu phố cổ Hội An.

Công bố Đề án xây dựng “Hội An - Nhân tình thuần hậu”

Tối ngày 4/12, nhân dịp kỷ niệm 19 năm ngày Đô thị cổ Hội An được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới, thành phố đã tổ chức lễ công bố Đề án xây dựng “Hội An - Nhân tình thuần hậu” nhằm bảo tồn, khôi phục lại nếp sống, lối sống tốt đẹp của người dân trong phố cổ trong giao tiếp, ứng xử, sinh hoạt đời thường, tăng tính hấp dẫn cho văn hóa, du lịch Hội An, góp phần xây dựng Hội An - Thành phố sinh thái - văn hóa - du lịch.

Mục tiêu của Đề án là từng bước xây dựng các hành vi, phát ngôn ứng xử văn hóa - văn minh, chống các hành vi thiếu văn hoá, vi phạm nếp sống văn hóa - văn minh đô thị, xa rời truyền thống thuần phong, mỹ tục giữa cộng đồng dân cư với nhau và với du khách. Đề án phấn đấu cơ bản định hình một số hành vi ứng xử văn minh - mỹ quan đô thị trong ý nghĩa một “*Hội An - Nhân tình thuần hậu*” để trở thành nếp sống đẹp trong cộng đồng, góp phần giáo dục thế hệ trẻ có thái độ tốt trong giao tiếp, ứng xử với con người, với môi trường, góp thêm một

sản phẩm du lịch văn hoá về “*di tích sống*”.

Tùy từng đối tượng, hoàn cảnh, từng phạm vi mà đề án xây dựng những nội dung vận động phù hợp. Trong 2 giai đoạn của năm 2019 sẽ vận động nhân dân hưởng ứng thực hiện các nội dung cụ thể gồm: Ông bà, cha mẹ sống mẫu mực, con cháu sống hiếu thảo, chăm ngoan; nhường nhịn, giúp đỡ người già, người tàn tật, phụ nữ có thai, trẻ em; thân thiện với mọi người; thực hiện “văn hóa xếp hàng”; nhường đường, chào tiễn biệt khi gặp đám tang; tôn trọng các phần đường hoặc lề đường ưu tiên, khu vực dành cho người đi bộ; hạn chế bấm còi, bật đèn chiếu xa; không rò ga, phóng nhanh, vượt ẩu khi tham gia giao thông; không xả rác và vận động những người xung quanh không xả rác; hạn chế tối đa sử dụng túi nylon; trang phục lịch sự, phù hợp khi buôn bán, trong các di tích và nơi công cộng; không gian lận, chèo kéo, chèn ép khách hàng; không nói tục, chửi thề, cãi vã, gây ồn ào tại nơi ở và nơi công cộng; luôn chăm sóc và bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên; cố gắng làm nhiều việc tốt, việc có ích hàng ngày.

Thành phố Hội An đạt chứng nhận thành phố du lịch “sạch” ASEAN

Nằm trong khuôn khổ các hoạt động của hội chợ Du lịch Quốc tế thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là ITE HCMC) lần thứ 14, diễn ra tại thành phố Hồ Chí Minh, Tổng cục Du lịch Việt Nam (Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch) đã tổ chức lễ trao chứng nhận Giải thưởng Du lịch

ASEAN cho 3 điểm đến Huế (Thừa Thiên Huế) - Hội An (Quảng Nam) - Đà Lạt (Lâm Đồng) cùng nhiều đơn vị kinh doanh du lịch khác đã được tôn vinh và trao chứng nhận tại sự kiện này.

Các thành phố được tuyên dương trong đợt này đều là những điểm đến lý tưởng cho du khách trong nước và quốc tế. Bên cạnh những danh lam thắng cảnh, nét văn hóa đặc sắc cùng đặc trưng vùng miền độc đáo, Huế, Hội An, Đà Lạt còn là những đơn vị đi đầu trong việc hướng đến thương hiệu du lịch xanh.

Giải thưởng này có giá trị trong thời gian từ năm 2018 - 2020. Để được công nhận, các thành phố có tên trong danh sách đề cử cần phải đáp ứng đủ 7 tiêu chí liên quan đến các hoạt động quản lý môi trường chung; đảm bảo yếu tố sạch sẽ, vệ sinh; quản lý tốt về vấn đề chất thải. Ngoài ra, chính quyền và cộng đồng thành phố phải có ý thức bảo vệ môi trường, thành phố sở hữu nhiều không gian xanh. Đối với khách du lịch, các điểm đến đạt danh hiệu Thành phố du lịch sạch phải có các điều kiện tốt đảm bảo an toàn sức khỏe, an ninh đô thị cho du khách. Ngoài ra, hạ tầng và các phương tiện phục vụ du lịch phải phù hợp và đạt chuẩn.

Có được giải thưởng này là sự nỗ lực của các cấp, chính quyền thành phố Hội An và đặc biệt là sự đồng thuận của người dân thành phố Hội An trong công cuộc phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, đặc biệt là bảo tồn và phát huy hiệu quả di sản văn hóa đô thị cổ Hội An.

Một số danh hiệu được các tạp chí nổi tiếng trên thế giới vinh danh

Trong năm 2018, thành phố Hội An cũng được nhiều tổ chức, tạp chí vinh danh bầu chọn ở các hạng mục như: Hội An được bình chọn top 12 thành phố châu Á nên đến ít nhất một lần trong đời; Hội An, vịnh Hạ Long lọt top 10 điểm đến lãng mạn nhất châu Á; Hội An lọt top 16 điểm đến thư giãn tốt nhất thế giới của CNN; Hội An lọt top những thành phố châu Á tuyệt vời nhất.

Hội An chào đón vị khách quốc tế thứ 3,8 triệu

Chào đón năm mới 2019, tối 31/12 thành phố An tổ chức chương trình dạ hội và lễ đón vị khách du lịch quốc tế thứ 3,8 triệu đến Quảng Nam năm 2018. Du khách may mắn trở thành vị khách thứ 3,8 triệu là ông Jacob Peter, quốc tịch Đức, đi cùng đoàn khách 15 người. Sự kiện này là hoạt động tổng kết và mở đầu cho chuỗi sự kiện văn hóa, du lịch của tỉnh trong năm 2019 nhằm quảng bá, giới thiệu về hình ảnh, con người và đất nước Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Nam nói riêng♦



THÔNG TIN TƯ LIỆU

MỘT TƯ LIỆU HÁN NÔM THỜI QUẢNG TRUNG VỀ QUẢNG NAM

Trần Văn An

Nội dung văn bản như sau, những hàng chữ nhỏ trong văn bản chúng tôi để trong ngoặc đơn để dễ theo dõi.

Trang 1

- *Phiên âm*: Nhâm Tý niên, Tâu

- *Dịch nghĩa*: Năm Nhâm Tý, Tâu.

Trang 2

- *Phiên âm*:

(Thăng Hoa phủ, Lễ Dương huyện, An Khương Trung tổng, Tứ Chánh An Sơn thôn, Xã chánh Quế, Dương Văn Lan, Xã sử Châu Dương Văn Kiềm, Hương trưởng đồng thôn đẳng kẻ thủ đồn thủ bách bách cần).

Tấu vi thừa loại Nhâm Tý niên duyệt tuyên bộ, bốn thôn nhân số viên chức lính binh biệt nạp biệt tính thiết nạp tráng hạng dân đinh thủy hồi tân đảo lão hạng lão nhiều cùng hạng bất cụ nhiều tât gia cư ngụ cư vị cập tính ngoài tử các hạng trực nhất tu tả quyền bộ thừa tương chức sắc các vệ hiệu biệt tính thuộc quân, phòng quân các sắc dân đảo tuế cập đới tât tịnh dĩ cước chú biện bạch phụng nạp cung trần, cần tấu.

Bốn thôn trực hạng nhân số cai thập lục viên nhân.

- *Dịch nghĩa*:

Thôn Tứ chánh An Sơn thuộc tổng An Khương Trung, huyện Lễ Dương, phủ Thăng Hoa (các chức thôn) là Xã chánh

Trong dịp đến thăm Bảo tàng Đà Nẵng gần đây, chúng tôi tiếp cận được một tư liệu Hán Nôm thời Tây Sơn về Quảng Nam đang trưng bày tại bảo tàng. Với sự hỗ trợ của các đồng nghiệp ở đây, chúng tôi đã sao chụp lại tư liệu và sau khi xem xét, chúng tôi thấy rằng đây là một tư liệu quý rất đáng quan tâm.

Tư liệu gồm 7 trang giấy dó loại nhỏ, khổ 33x23 cm, trang nhiều nhất 146 chữ, trang ít nhất 4 chữ, tổng cộng có 486 chữ. Loại chữ của văn bản là chữ Hán xen lẫn chữ Nôm được viết theo kiểu thư pháp rất lạ, thoát trông như là viết ngược, kiểu viết này phổ biến ở các văn bản thế kỷ XVIII trở về trước, sau này ít thấy sử dụng. Bên cạnh những dòng chữ lớn chính văn có những dòng chữ rất nhỏ, khó đọc, kiểu như chú thích. Đây là cuốn sổ khai dân đinh của thôn tứ chánh An Sơn, tổng An Khương Trung, huyện Lễ Dương, phủ Thăng Hoa, trấn Quảng Nam; nay là thôn An Sơn, xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

(tên) Quế Dương Văn Lan, Xã sử (tên) Châu Dương Văn Kiềm cùng Hương trưởng toàn thôn cúi đầu trăm lạy kính cẩn tâu:

Do thừa lệnh năm Nhâm Tý duyệt tuyển sổ bộ (có sai) thôn chúng tôi kê khai đầy đủ các hạng viên chức, binh lính biệt nạp cùng các hạng tráng đinh vừa về mới đến cũng như các hạng lão nhiều già cả, loại cùng khổ, loại khuyết tật và quan chức các vệ, hiệu, binh lính tại ngũ, dự phòng làm thành sổ bộ để nộp, nay xin lần lượt kê khai rõ ràng như sau:

Thôn (chúng tôi có) các hạng dân gồm 16 người.

Trang 3

- Phiên âm

Chức sắc nhất viên; Cai Cơ Trọng Phan Văn Hiến (Thị nội châu sắc Sư Trinh vệ; Chưởng cơ Thị Vũ hầu suất; phụng thị tại Kinh).

Tinh binh thất nhân

Cai Trí Nguyễn Văn Đạo

(Thị nội Vũ Cự nhị vệ Chưởng cơ Thái Nguyên hầu suất, Do phụng thị tại Kinh dĩ hạ)

Lính Luận Phan Viết Luận

(Thị nội Hữu Bát đạo Loan Tường vệ Chưởng cơ Đức Kiến hầu suất)

Lính Bồn Phạm Văn Soạn

(Tân Hợi niên thất nguyệt nhật, tân bổ nhập Thị nội Vũ Nghĩa hiệu Đô Chỉ huy sứ Nguyên Hòa hầu suất dĩ hạ. Do ứng hầu tại Quảng Nam trấn dĩ hạ).

Lính Đông Dương Văn Đông.

Lính Đông Nguyễn Văn Đông.

- Dịch nghĩa

Chức sắc 1 người

Cai Cơ (tên) Trọng Phan Văn Hiến

Do Chưởng Cơ Thị Vũ hầu vệ Sư Trinh có sắc phong quản lý, phục vụ tại kinh đô

Lính chuyên nghiệp 7 người

Cai (tên) Trí Nguyễn Văn Đạo

Do Chưởng Cơ Thái Nguyên hầu vệ Vũ Cự 2 quản lý

Từ (người này) về sau đang phục vụ tại kinh đô

Lính Luận Phan Viết Luận

Do Chưởng Cơ Đức Kiến hầu vệ Loan Tường, đạo Hữu Bát Thị nội quản lý

Lính Bồn Phan Văn Soạn

Mới gia nhập quân Thị nội hiệu Vũ Nghĩa năm Tân Hợi (1791) do Đô Chỉ huy sứ Nguyên Hòa hầu quản lý. Từ người này trở lui đang phục vụ tại trấn Quảng Nam

Lính Đông Dương Văn Đông

Lính Đông Nguyễn Văn Đông

Trang 4

- Phiên âm

Lính Khôi Phan Văn Khôi

Lính Sinh Nguyễn Văn Sinh

Biệt nạp các hạng nhị nhân

Cha Nghiễm (cựu danh Lúa) Phan Viết Lúa

(Chánh điện châu bộ biệt nạp Sinh Ty đội cựu sổ nhất nhân, Thị nội Ký Lục Thiện Mỹ hầu phân suất)

Cha Bôi Nguyễn Tấn Bôi

(Chánh điện châu bộ biệt nạp Bạch Bô đội, Hộ bộ Hữu Thị Lang An Thành

hầu suất).

Xã chánh Xã sử nhị nhân

Xã chánh Quế Dương Văn Lan
(châu sắc)

Xã sử Châu Dương Văn Kiềm
(châu sắc)

- *Dịch nghĩa*

Lính Khôi Phan Văn Khôi

Lính Sính Nguyễn Văn Sính

Các hạng nộp riêng 2 người

Cha Nghiễm (tên cũ là Lúa) Phan
Viết Lúa

Theo sổ cũ của châu bộ (sổ có châu
phê của vua), đội Tư sống (tờ thơ chưa
được gia công thành vải) có 1 người, do
quan Ký lục Thị nội Thiện Mỹ hầu sai
phái

Cha Bôi Nguyễn Tiến Bôi

Theo châu bộ đội (làm) Vải trắng,
do Hữu Thị Lang Bộ Hộ An Thành hầu
quản lý

Xã chánh, Xã sử (chức danh cấp
xã) 2 người

Xã chánh (tên) Quế Dương Văn
Lan, có sắc của triều đình

Xã sử Châu Dương Văn Kiềm, có
sắc của triều đình

Trang 5

- *Phiên âm*

Lão nhiều nhị nhân

Lão Doãn Dương Viết Thuận

(Thôn bộ dân dĩ hạ. Niên sinh Quý
Sử, lục thập tuế tái bị phong thấp tê
thống tật tại hữu túc)

Lão Thanh Nguyễn Viết Hạnh

(Niên sinh Nhâm Tý lục thập nhất
tuế). Trên đầu dòng tên 2 lão nhiều có 2
chữ mực son: Lão hạng, nét chữ cho thấy
chúng được in từ một dấu khắc sẵn.

Bất cụ nhất nhân

Lính Thanh Nguyễn Viết Thanh

(Thị nội Hữu Bất đạo Chương Cơ
Cẩn Ngọc hầu suất. Do bị trúng thạch áp
phế hữu túc tái bị hoàng đản định biên
hậu thôi nhược). Trên đầu dòng có 2 chữ
mực son: Bất cụ, được in từ một dấu
khắc sẵn.

Gia cư nhất nhân

Thầy Tài Thủy Tài nương

(Do thực nạp Minh Hương xã, niên
sinh Đinh Sửu tam thập lục tuế). Trên
đầu dòng có chữ mực son: tra, được in từ
dấu khắc sẵn.

Hựu đoan dĩ thượng hữu tự chỉ tam
trương dĩ trực nhất loại khai minh bạch
cập ngoài từ tịnh cước chú.

- *Dịch nghĩa*

Lão nhiều 2 người

Lão Doãn Dương Viết Thuận, dân
trong bộ của thôn trở lui. Sinh năm Quý
Sử, 60 tuổi lại bị phong thấp có tật ở
chân phải. Trên đầu dòng có 2 chữ son:
Lão hạng.

Lão Thanh Nguyễn Viết Hạnh

Sinh năm Nhâm Tý, 61 tuổi. Trên
đầu dòng có 2 chữ son: Lão hạng.

Khuyết tật 1 người

Do Chương Cơ Cẩn Ngọc hầu đạo
Hữu Bất Thị nội quản lý. Bị trúng đá đè
gãy chân phải, lại bị chứng hoàng đản
làm chai da, sức yếu. Đầu dòng có 2 chữ
son: khuyết tật.

Gia cư 1 người

Thầy Tài Thủy Tài nương

Thực nạp ở xã Minh Hương, sinh năm Đinh Dậu, 36 tuổi. Đầu dòng có 1 chữ son: kiểm tra.

Nay cam đoan những lời khai ở trên có 3 trang giấy tờ đều làm lần lượt kê khai rõ ràng ngoài số đã chết, cước chú.

Trang 6

- Phiên âm

Đích thực y như bộ nội nhược hữu ngoan tình ẩn nặc vọng khai bất thực dĩ tráng vi lão, dĩ trưởng vi ấu, dĩ sinh vi tử, dĩ tại vi ngoại, dĩ khinh tật vi trọng tật gian sao gian cước tự nhất danh dĩ thượng hậu hữu hà nhân tố cáo tra quả tặc Xã chánh, Xã sử, Hương trưởng đồng thôn đẳng cam thụ gia tài một nhập quan tái thụ tử hình chi tội vô từ. Tư đoan.

(Cuối trang có dấu sổ bằng mực son, 3 chữ lớn)

Phó Chấp bằng (đóng từ một dấu in sẵn; bên dưới có 2 dấu kiểm hình hột xoài lõm 2 bên.)

- Dịch nghĩa:

Y như sự thực trong sổ bộ, nếu như cố tình giấu diếm, khai gian không thực, lấy tráng làm lão, lấy trưởng thành làm trẻ nhỏ, lấy đang sống làm đã chết, lấy đang có mặt làm đi khỏi, lấy bệnh nhẹ làm bệnh nặng, khai gian chép gian từ một người trở lên, sau mà có người tố giác tra đúng sự thật thì từ Xã chánh, Xã sử, Hương trưởng toàn thôn cam chịu mất gia tài sung công và xin chịu tội chết không dám từ nan. Nay cam đoan.

(Phê bằng mực son) Cho chấp bằng

Trang 7

- Phiên âm:

Quang Trung ngũ niên kế tam nguyệt... nhật, cần tầu.

(Vị trí dưới niên hiệu Quang Trung có 1 dấu vuông đỏ lớn. Vị trí trước chữ nhật có dấu kiểm đồ hình hột xoài, lõm hai bên)

- Dịch nghĩa

Quang Trung năm thứ 5 (1792) tháng tư ngày 10 (?). Kính cần tầu.



Trang 6 và 7 của sổ đình

Một số nhận xét

1) Tại xứ/trấn Quảng Nam vào năm Quang Trung 5 (1792) đã có một cuộc duyệt tuyển rất lớn nhằm nắm lại tình hình dân đinh ở đây. Liên hệ với sổ tư liệu thời Tây Sơn hiếm hoi còn sót lại ở một số địa phương, ta thấy rằng chủ trương duyệt tuyển này không chỉ được thực hiện ở Quảng Nam. Lê Nguyễn Lưu, Huỳnh Đình Kết trong công trình Ấn Chương Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX trong dân gian vùng Huế cho biết năm Quang Trung thứ 5 (1792) tại xã Xuân Hòa có đến 3 đình bạ, trong đó “Đình bạ đề Quang Trung ngũ niên tam nguyệt thập tứ nhật cần (kính ngày 14 tháng 3 năm Quang Trung thứ 5, dương lịch 05/04/1792), quan không phê gì ngoài một chữ Tầu nhỏ để bên trái ngang

chữ Trung, một dấu ấn khá lớn gần vuông cỡ 6, 8 x 7cm đường gờ viền dày 0,5cm nằm trên đề sát dưới chữ niên khắc 6 chữ rất mảnh, (chưa đọc được)” (1). Thời điểm lập đình bạ này trùng với thời điểm lập đình bạ thôn An Sơn, chỉ khác nhau về ngày.

Liên hệ với tư liệu lịch sử về việc vua Quang Trung mượn có cầu hôn công chúa nhà Thanh để đòi lại vùng đất Quảng Tây, Quảng Đông, ta thấy rất có thể việc duyệt tuyển lớn là nhằm chuẩn bị cho toan tính này. Tuy nhiên, sau đó chưa đầy 5 tháng thì Quang Trung bị bạo bệnh qua đời.

2) Thôn tứ chánh An Sơn thời Tây Sơn thuộc tổng An Khang (Khương) Trung, huyện Lễ Dương, phủ Thăng Hoa, trấn Quảng Nam. Thôn An Sơn là loại thôn tứ chánh, trực thuộc thẳng tổng không qua cấp xã. Đây là một kiểu tổ chức hành chính mang đặc điểm riêng, có lẽ do thôn này hình thành từ sự quy tụ dân cư thuộc nhiều ngành nghề, nhiều vùng khác nhau, tạo thành kiểu dân tứ chiếm như ta gọi sau này.

Bản khai cho biết thôn An Sơn có các hạng dân gồm: Viên quan (những người có chức tước trong bộ máy nhà nước, mà chủ yếu ở đây là các đơn vị quân đội); tinh binh; già cả; tật bệnh; gia cư. Trong đó có 2 người thuộc các đội biệt nạp Vải trắng, Tơ sống do nhà nước quản lý. Vải trắng, tơ sống là các mặt hàng được thương nhân nước ngoài thời bấy giờ ưa chuộng. Tư liệu cho thấy chính quyền Tây Sơn thời Quang Trung đã chú trọng quản lý các mặt hàng này, có lẽ để thực hiện quan hệ giao thương với nước ngoài. Bộ máy quản lý cấp cơ sở thôn, xã cũng được thể hiện với các chức Xã chánh, Xã sử, Hương trưởng

nhưng rất tiếc ở trong văn bản không thấy dấu triện của các viên chức này.

3) Việc kê khai các hạng ngạch dân binh của thôn An Sơn cùng các đơn vị quản lý cho thấy triều đình Tây Sơn đã thực hiện chế độ quân quản trong hệ thống chính quyền các cấp. Các đơn vị quân đội quản lý trực tiếp các hạng dân thuộc biên chế của mình không qua chính quyền địa phương. Văn bản cũng cho thấy việc tổ chức quân đội thời Tây Sơn từ cao đến thấp gồm Đạo, Vệ, Hiệu. Đạo thì có Tả Bật, Hữu Bật; Vệ thì có các tên như Loan Tường, Hùng Cự, Sư Trinh; Hiệu thì có Vũ Nghĩa. Thông tin này góp phần làm rõ hơn, nhất là trên tư liệu thực địa về phiên chế quân đội thời Tây Sơn.

4) Thư pháp và cách trình bày văn bản mang rõ đặc điểm của văn bản hành chính thời Tây Sơn thể hiện qua cách viết chữ, qua việc sử dụng nhiều chữ Nôm, trong văn bản này là các chữ như: Ngoài, lúa, thầy, lính, kiềm, cha v.v... việc kết hợp giữa bút phê với dấu chữ khắc sẵn đóng vào văn bản...

5) Trong văn bản có 3 loại dấu triện, trong đó 1 dấu ấn vuông và 2 dấu kiềm hình hột xoài; một lớn một nhỏ.

Dấu kiềm hột xoài nhỏ kích thước ngang 1,2cm, đứng 1,5cm, thoát trông như hình tròn. Giữa là một chữ triện, có thể là chữ Tín. Dấu này được đóng cuối những dòng ghi tên tuổi các hạng dân và các nội dung quan trọng. Đây là dấu kiềm được đóng nhiều nhất trên văn bản: 18 lần.

Dấu kiềm hột xoài lớn kích thước ngang 2,5cm, đứng 3,4cm, hai bên ngang lõm vào. Giữa có 2 chữ triện đọc từ trên xuống: Tín ấn. Dấu này được đóng 4 lần: 1 ở tên Thủy Tài nương, người làng

Minh Hương, trú tại An Sơn; 2 ở vị trí cuối nội dung chính văn và cuối dòng phê Phó Cháp bằng; 1 ở vị trí khoảng trống trên chữ nhật ở dòng niên hiệu cuối văn bản.



Dấu kiểm hột xoài lớn

Dấu ấn vuông lớn có kích thước 8,5 x 8,5cm, viền xung quanh 0,8cm. Dấu có 7 chữ triện lớn xếp thành 3 hàng theo kiểu 2+3+2. Kiểu chữ triện ở ấn có nhiều gấp khúc, đặc trưng của các ấn triện thời Tây Sơn. Đọc được là: Khâm Sai Quảng Nam xứ đại duyệt.

Đây là ấn của một vị quan Khâm Sai thay mặt vua Quang Trung thực hiện cuộc đại duyệt tuyển dân đinh, binh lính ở các địa phương thuộc xứ Quảng Nam. Tại các tư liệu văn bản thời Tây Sơn đã được công bố từ trước đến nay chưa có con dấu này. Càng đặc biệt hơn khi nó liên quan đến Quảng Nam, một vùng đất có vị trí hết sức quan trọng đối với triều Tây Sơn.



6) Qua tư liệu cũng giúp ta khẳng định rằng, triều Tây Sơn đến đời Quang Trung vẫn chưa xác lập quy định chặt chẽ về thể thức đóng dấu ấn các cấp trên văn bản hành chính, vì vậy mới có tình trạng dấu ấn của quan Khâm Sai do vua phong lại đóng ở vị trí ngay sau niên hiệu Quang Trung, là nơi chỉ được đóng các dấu của hoàng đế hoặc triều đình trung ương như ở thời Lê trước đó hoặc thời Nguyễn sau này.

Tư liệu này cần được giới thiệu rộng rãi để phục vụ công tác nghiên cứu, tìm hiểu về triều đại Tây Sơn không chỉ ở địa phương Quảng Nam - Đà Nẵng mà còn ở phạm vi cả nước ♦

*** Chú thích**

(1) Lê Nguyễn Lưu, Huỳnh Đình Kết (2011), *Ấn Chương Việt Nam từ thế kỷ XVI đến cuối thế kỷ XIX trong dân gian vùng Huế* - Nxb Thuận Hóa, Tr. 204, 205.

TIN TỨC - SỰ KIỆN

Bàn giao mặt bằng thi công tu bổ di tích nhà số 22 Trần Phú - Phường Minh An

Văn Sang



Chiều ngày 18/12 vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với các ban ngành của thành phố và UBND phường Minh An tiến hành bàn giao mặt bằng thi công tu bổ di tích nhà số 22 Trần Phú cho đơn vị thi công là Công ty TNHH xây dựng Kim An. Di tích này thuộc loại I theo phân loại giá trị bảo tồn kiến trúc khu phố cổ Hội An. Sau thời gian sử dụng dưới tác động của nhiều yếu tố, di tích bị xuống cấp nặng. Việc tu bổ di tích lần này sẽ tu bổ các hạng mục hệ mái, hệ khung gỗ, tường, nền của nhà trước, nhà cầu nối, nhà sau và bếp. Di tích này được tu bổ từ nguồn vốn ngân sách thành phố Hội An bố trí trùng tu di tích hằng năm với tổng mức đầu tư được phê duyệt là 859.044.000 đồng. Việc bàn giao mặt bằng để tu bổ di tích nói trên sẽ đáp ứng

nhu cầu về nơi sinh hoạt thường nhật của người dân, đồng thời góp phần quan trọng trong công tác bảo tồn các giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc và nghệ thuật của di tích nói riêng và Khu phố cổ Hội An nói chung ♦

Tham vấn cộng đồng về lịch sử văn hóa làng Thanh Tây

Phước Tịnh



Làng Thanh Tây là một trong những làng được hình thành sớm ở Hội An. Vào đầu triều Nguyễn, Thanh Tây là một giáp của xã Thanh Châu, tổng Thanh Châu, huyện Hòa Vang. Tuy nhiên những thông tin, tư liệu về làng Thanh Tây hiện nay còn lại rất ít. Vì vậy những tư liệu kí ức của các bậc cao niên, những người đã định cư và sinh sống tại làng là rất quan trọng để nghiên cứu về ngôi làng này.

Nhằm bước đầu thu thập thông tin về lịch sử văn hóa làng Thanh Tây, vào ngày 20/12/2018, tại nhà văn hoá khối Thanh Tây, phường Cẩm Châu, Trung

tâm Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tổ chức buổi tham vấn cộng đồng về lịch sử văn hóa làng Thanh Tây. Nội dung chính của buổi tham vấn tập trung vào các vấn đề lịch sử hình thành và phát triển của làng; diện tích của làng; những lễ tế/lễ hội; những di tích kiến trúc, tôn giáo - tín ngưỡng; bố trí thờ tự tại đình Thanh Tây... Buổi tham vấn đã thu hút sự quan tâm trao đổi cởi mở, nhiệt tình của các vị cao niên, những người am hiểu lịch sử - văn hoá sống lâu năm tại địa phương. Những thông tin thu thập từ buổi tham vấn Trung tâm sẽ tập hợp, xử lý tạo cơ sở dữ liệu để nghiên cứu về làng Thanh Tây xưa. Riêng những thông tin thu thập được về cách thức bố trí thờ tự tại đình Thanh Tây trước đây sẽ góp phần phục vụ cho công tác tu bổ đình Thanh Tây hiện nay đạt kết quả tốt nhất

Bàn giao đưa vào sử dụng di tích Khu miếu tổ nghề gốm Nam Diêu Ngọc Hương

Khu miếu tổ nghề gốm Nam Diêu tại khối Nam Diêu, phường Thanh Hà là nơi thờ cúng tổ nghề của cư dân làm nghề gốm ở Thanh Hà. Di tích này có giá trị cao về mặt kiến trúc nghệ thuật, đã được UBND tỉnh Quảng Nam xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 10/1/2008. Trải qua thời gian sử dụng và chịu nhiều yếu tố tác động từ môi trường tự nhiên, di tích đã bị xuống cấp. Nhằm bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị của di tích, UBND tỉnh Quảng Nam và UBND thành phố Hội An đã thống nhất chủ trương tu bổ, tôn tạo di tích, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tiến hành các thủ tục đầu tư và tổ chức thi công tu bổ di tích. Sau hơn 2 tháng thực

hiện, công trình tu bổ di tích Khu miếu tổ nghề gốm Nam Diêu do Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn và đầu tư Nam Việt thi công đã hoàn thành. Vào chiều ngày 28/12/2018, Trung tâm phối hợp với các ban ngành Thành phố, UBND phường Thanh Hà tiến hành bàn giao đưa vào sử dụng di tích. Tổng kinh phí tu bổ di tích được phê duyệt là 881.239.000 đồng, từ nguồn ngân sách thành phố Hội An bố trí kế hoạch năm 2018 và nguồn ngân sách Tỉnh. Việc tu bổ hoàn thành di tích không chỉ bảo tồn được những giá trị vốn có di tích mà còn góp phần bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa Hội An

Hoạt động của nhóm cán bộ phụ trách tiếp đón, trao đổi về công tác quản lý, bảo tồn và trùng tu di tích ở Hội An năm 2018

Diệu Châu

Trong năm 2018, nhóm cán bộ phụ trách tiếp đón, trao đổi về công tác quản lý, bảo tồn và trùng tu di tích ở Hội An thuộc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An đã đón tiếp và hướng dẫn 36 đoàn khách quốc tế đến từ các nước Đức, Úc, Mỹ. Một trong những mục đích đến tham quan Hội An của các đoàn khách này là tìm hiểu về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An của chính quyền và nhân dân thành phố Hội An.

Mỗi đoàn khách có nhu cầu tìm hiểu về Di sản văn hoá thế giới Khu phố cổ Hội An sẽ được các chuyên viên của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An hướng dẫn và thuyết minh về công tác quản lý, bảo tồn di sản văn hoá, đặc biệt là lĩnh vực kiến trúc, đồng

thời cũng chia sẻ những thuận lợi, khó khăn, thách thức đặt ra trong việc quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ hiện nay.

Thông qua công tác đón tiếp và hướng dẫn các đoàn khách, các cán bộ của Trung tâm có thêm điều kiện để trau dồi, rèn luyện, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ, đồng thời qua đó góp phần giới thiệu những giá trị di sản văn hóa thế giới Hội An đến với bạn bè quốc tế ♦

Công tác dịch thuật tư liệu Hán Nôm năm 2018 của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An

Thị Lưu

Nhằm từng bước hoàn thiện hồ sơ lưu trữ về tư liệu Hán Nôm phục vụ hiệu quả cho công tác nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa Hội An, trong năm 2018, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã hợp đồng dịch thuật hơn 1500 trang tư liệu Hán Nôm hiện đang lưu trữ tại Trung tâm. Các tư liệu Hán Nôm được lựa chọn để dịch thuật là những tư liệu sưu tầm tại các di tích ở Hội An và Trung tâm lưu trữ quốc gia I, thuộc các thể loại sắc phong, văn bằng, gia phả của các tộc họ gồm gia phả tộc Nguyễn Đức, gia phả tộc Trần và địa bạ các làng xã ở Hội An như địa bạ làng Thanh Hà, làng Thanh Châu, làng Minh Hương, làng Hoa Phô, làng An Mỹ và làng Đế Vông. Thông qua việc dịch thuật các tư liệu Hán Nôm này, nhiều thông tin mới về lịch sử - văn hóa Hội An đã được Trung tâm tập hợp, xử lý để phục vụ cho công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An nói riêng, di sản văn hóa Hội An nói chung

trong thời gian đến đạt kết quả tốt hơn ♦

Tình hình khách tham quan bảo tàng, di tích do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An quản lý năm 2018

Kiều Ly

Trong năm 2018, các điểm bảo tàng, di tích do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An trực tiếp quản lý đã đón 2.396.372 lượt khách đến tham quan. Trong đó khách quốc tế là 2.050.449 lượt, khách trong nước là 345.923 lượt. So với năm 2017, tổng lượt khách tham quan năm nay tăng 20%, trong đó khách quốc tế tăng 30,8%. Có được kết quả này, một mặt nhờ chính sách của thành phố trong quảng bá du lịch thu hút khách đến tham quan Hội An, mặt khác do những nỗ lực đầu tư nâng cấp hệ thống trưng bày, giới thiệu, đón tiếp tại các điểm bảo tàng, di tích tạo sức hấp dẫn đối với du khách. Việc du khách đến tham quan di sản văn hóa thế giới Hội An nói chung, các điểm bảo tàng di tích do Trung tâm quản lý nói riêng trong 2018 tăng cao đã chứng minh thương hiệu du lịch Hội An và sức hấp dẫn của di sản Hội An đối với du khách xa gần, nhất là du khách quốc tế ♦

Hội nghị cán bộ - viên chức - người lao động Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An năm 2019

Hồng Việt

Chiều ngày 5/1 vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức Hội nghị cán bộ - viên chức - lao động năm 2019 nhằm tổng kết, đánh giá phong trào thi đua yêu nước của đơn vị năm 2018 và phát động phong trào thi



đưa hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị năm 2019.

Báo cáo tổng kết, đánh giá tại hội nghị đã nhấn mạnh, trong năm qua với sự đoàn kết, nỗ lực của từng cá nhân và cả tập thể, Trung tâm đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực công tác như nghiên cứu khoa học, quản lý và tu bổ di tích, tuyên truyền phát huy giá trị di sản, sưu tầm và lưu trữ tư liệu, hiện vật,... Bên cạnh đó, hoạt động đối ngoại cũng được đẩy mạnh mà tiêu biểu là Trung tâm đã phối hợp thực hiện hoàn thành Dự án phát triển sinh kế cộng đồng ở Cù Lao Chàm của JICA. Tất cả thành quả của những mặt công tác đó là cơ sở để Trung tâm đề nghị cấp trên công nhận là: “Đảng bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, “Tập thể lao động xuất sắc”, đơn vị đạt “Chuẩn văn hóa 5 năm liền”.

Việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ năm 2018 là động lực để Trung tâm phát động phong trào thi đua yêu nước năm 2019 với nhiều chỉ tiêu quan trọng gắn với chủ đề hành động “Thân thiện, kỷ cương; trách nhiệm, khoa học”. Một số chỉ tiêu thi đua chủ yếu thực hiện trong năm gồm:

* Về tập thể:

- Đảng bộ xếp loại “Hoàn thành

xuất sắc nhiệm vụ” (năm thứ 21 liên tiếp).

- Cơ quan đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”.

- Công đoàn xếp loại “Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc”(năm thứ 20 liên tiếp).

- Chi đoàn xếp loại “Chi đoàn vững mạnh xuất sắc”

- 100% Phòng phần đấu đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

* Về cá nhân:

- Ít nhất 80% đảng viên đạt loại “Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

- Ít nhất 10% cán bộ - viên chức - người lao động đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở”.

- Ít nhất 70% cán bộ - viên chức - người lao động đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

- Ít nhất 90% đoàn viên Công đoàn đạt “Đoàn viên công đoàn xuất sắc”.

- 100% đoàn viên Chi đoàn đạt “Đoàn viên tốt”.

- 100% gia đình cán bộ - viên chức - người lao động đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”.

- 100% gia đình cán bộ - viên chức - người lao động hoàn thành tốt các chỉ tiêu đóng góp theo quy định của Nhà nước.

- 100% gia đình cán bộ - viên chức - người lao động thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ♦

Tổ chức hoạt động trải nghiệm tại di tích, bảo tàng

Vĩ Thảo



Từ ngày 09-24/01/2019, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An và Phòng Giáo dục - Đào tạo thành phố Hội An phối hợp tổ chức cho các em học sinh khối lớp Một và lớp Sáu của 11 trường Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn thành phố tham quan, tìm hiểu, tham gia hoạt động trải nghiệm tại Chùa Cầu và Bảo tàng Hội An.

Các em được tìm hiểu về Chùa Cầu và Bảo tàng Hội An qua hoạt động tương tác giữa cán bộ bảo tàng và học sinh, các hoạt động trải nghiệm như: ghép tranh, tô màu Chùa Cầu và làm đèn dầu tự tạo để giúp hiểu rõ hơn về di sản ở Hội An.

Đây là hoạt động trong khuôn khổ chương trình “Giáo dục Di sản học đường” tại Hội An nhằm bồi dưỡng cho các em học sinh trong việc bảo vệ và giữ gìn các di sản văn hóa, phát huy khả năng tư duy, sáng tạo khi được trải nghiệm thực tế ♦

Tiếp và làm việc với ông Tim Doling

Huỳnh Thị Bảo Vy



Sáng ngày 14/01/2019, tại văn phòng Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hóa Hội An, ông Nguyễn Chí Trung - Giám đốc Trung tâm đã tiếp và làm việc với ông Tim Doling - nhà sử học người Anh, đồng thời là cố vấn văn hóa - du lịch Việt Nam. Ông Tim Doling là tác giả của nhiều ấn phẩm về văn hóa và cảm nang du lịch Việt Nam như “Exploring Huế”, “Exploring Saigon - Chợ Lớn”... Mục đích của ông trong chuyến công tác đến Hội An lần này là tìm hiểu về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa tại Hội An và thu thập thông tin, tư liệu về lịch sử - văn hoá Hội An để biên soạn và xuất bản sách về Hội An - Đà Nẵng. Tại buổi làm việc ông Tim Doling đánh giá cao những thành tựu mà Hội An đã đạt được trong công tác quản lý, bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Hội An, đồng thời khẳng định sự hỗ trợ của Trung tâm trong chuyến công tác lần này sẽ góp phần quan trọng để nội ấn phẩm về Hội An - Đà Nẵng sát thực và chuyên sâu ♦

VĂN BẢN PHÁP QUY

TRÍCH GIỚI THIỆU NGHỊ ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC LỄ HỘI

Quản lý Di tích

Ngày 29/8/2018, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã ký ban hành Nghị định số 110/2018/NĐ-CP Quy định về Quản lý và Tổ chức Lễ hội. Nghị định này gồm 4 chương, 24 điều, có hiệu lực từ ngày 15/10/2018. Trong số Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản này, Ban Biên tập giới thiệu nội dung của Nghị định từ điều 1 đến hết điều 13 để chúng ta cùng tham khảo.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi Điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về quản lý và tổ chức lễ hội trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục đăng ký hoặc thông báo việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng được thực hiện theo quy định của pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân là người Việt Nam; tổ chức, cá nhân là người nước ngoài tham gia hoạt động lễ hội trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Lễ hội truyền thống (bao gồm cả lễ hội tại các di tích lịch sử - văn hóa, lễ hội dân gian) là hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng được tổ chức theo nghi lễ truyền thống, nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân.

2. Lễ hội văn hóa là hoạt động giới thiệu, quảng bá giá trị văn hóa, thể thao tiêu biểu, đặc sắc; tiềm năng du lịch về đất nước, con người Việt Nam.

3. Lễ hội ngành nghề là hoạt động quảng bá về đặc trưng, thế mạnh của các ngành nghề; tôn vinh các tổ chức, nghệ nhân tiêu biểu có nhiều đóng góp trong việc giữ gìn và phát triển ngành nghề.

4. Lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài là những hoạt động giới thiệu văn hóa, kinh tế, xã hội của nước ngoài với công chúng Việt Nam.

Điều 4. Chính sách của Nhà nước về lễ hội

1. Hỗ trợ hoạt động phục dựng, bảo vệ lễ hội truyền thống nhằm duy trì các

giá trị văn hóa đặc sắc, tiêu biểu, đáp ứng đời sống tinh thần của nhân dân.

2. Khuyến khích các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao dân gian truyền thống; ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại trong tổ chức lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề, lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài.

3. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý hoạt động lễ hội.

4. Mở rộng hợp tác quốc tế trong hoạt động lễ hội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức lễ hội

1. Việc tổ chức lễ hội nhằm giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, tôn vinh công lao các bậc tiền nhân, nhân vật lịch sử, những người có nhiều đóng góp trong quá trình hình thành, phát triển đất nước; tuyên truyền giá trị về lịch sử, văn hóa, kiến trúc của di tích, truyền thống tốt đẹp của lễ hội.

2. Lễ hội phải được tổ chức trang trọng, thiết thực, hiệu quả; phù hợp với quy mô, nội dung của lễ hội; tổ chức lễ hội truyền thống theo đúng bản chất, ý nghĩa lịch sử văn hóa; giảm tần suất, thời gian tổ chức lễ hội văn hóa.

3. Nghi lễ của lễ hội phải trang nghiêm, bảo đảm truyền thống; không thực hiện nghi lễ có tính bạo lực, phản cảm, trái với truyền thống yêu hòa bình, nhân đạo của dân tộc Việt Nam.

4. Giáo dục, định hướng con người hình thành các hành vi, thái độ, nhận thức cao đẹp; loại bỏ xu hướng chạy theo

lợi ích vật chất, lòng tham và các lợi ích cá nhân.

5. Phải thực hiện các biện pháp bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường.

6. Không lợi dụng việc tổ chức lễ hội nhằm mục đích trục lợi cá nhân, phục vụ lợi ích nhóm; không ép buộc tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp kinh phí tổ chức lễ hội.

7. Hạn chế sử dụng ngân sách nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn lực trong việc tổ chức lễ hội; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của người tham gia lễ hội

1. Người tham gia lễ hội có các quyền sau

a) Thể hiện lòng thành kính, biết ơn đối với bậc tiền nhân, nhân vật lịch sử, tôn trọng những giá trị đạo đức, văn hóa, tâm linh, tín ngưỡng;

b) Thể hiện mong muốn Điều tốt đẹp, may mắn đến với cá nhân, gia đình, quê hương và đất nước;

c) Được giao lưu, sinh hoạt văn hóa và hưởng thụ những giá trị văn hóa tinh thần.

2. Người tham gia lễ hội có các trách nhiệm sau

a) Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật; nội quy thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội;

b) Ứng xử có văn hóa trong hoạt động lễ hội; trang phục lịch sự, phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam; không nói tục, chửi thề xúc phạm tâm linh, gây ảnh hưởng xấu tới không khí trang nghiêm của lễ hội;

c) Thấp hương, đốt vàng mã đúng nơi quy định; không chen lấn, xô đẩy gây mất trật tự an ninh; giữ gìn vệ sinh môi trường;

d) Không tổ chức hoặc tham gia các hoạt động mê tín, dị đoan, cờ bạc và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

đ) Không thực hiện việc đòi tiền có chênh lệch giá trong khu vực di tích, lễ hội;

e) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngoài việc chấp hành nghiêm quy định tại các điểm a, b, c, d và đ Khoản 2 Điều này còn phải thực hiện các quy định sau: không đi lễ hội trong giờ hành chính; không dùng xe công và các phương tiện công (hoặc thuê khoán phương tiện) tham gia lễ hội (trừ trường hợp thuộc thành phần tham gia tổ chức lễ hội hoặc được giao thực thi nhiệm vụ).

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị tổ chức lễ hội; trách nhiệm của Ban Tổ chức lễ hội

1. Cơ quan, đơn vị tổ chức lễ hội thực hiện trách nhiệm sau

a) Thực hiện thủ tục đăng ký hoặc thông báo tổ chức lễ hội theo quy định tại Nghị định này và thực hiện theo nội dung đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;

b) Thành lập, phê duyệt quy chế làm việc của Ban tổ chức lễ hội; chịu trách nhiệm về hoạt động của Ban tổ chức lễ hội;

c) Chịu trách nhiệm về công tác quản lý và tổ chức lễ hội theo quy định của Nghị định này;

d) Báo cáo bằng văn bản kết quả tổ chức lễ hội đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký hoặc thông báo chậm nhất 20 ngày kể từ ngày kết thúc lễ hội.

2. Ban tổ chức lễ hội thực hiện trách nhiệm sau

a) Ban hành, phổ biến quy chế làm việc và phân công trách nhiệm của các thành viên Ban tổ chức lễ hội; nội quy thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội;

b) Tuyên truyền, giới thiệu mục đích, ý nghĩa, giá trị của lễ hội trên hệ thống loa phát thanh, bảng, biển và các hình thức tuyên truyền khác; thông báo số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận thông tin phản ánh của người tham gia lễ hội;

c) Xây dựng và triển khai phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật;

d) Quy định khu vực vui chơi giải trí và khu vực tổ chức các hoạt động dịch vụ, bảo đảm không lấn chiếm khuôn viên di tích; treo, đặt bảng phổ biến nội dung, biển hướng dẫn ở vị trí phù hợp, thuận tiện cho việc tiếp nhận thông tin của người tham gia lễ hội;

đ) Yêu cầu người cung ứng dịch vụ, hàng hóa tại khu vực lễ hội phải niêm yết công khai và bán đúng giá niêm yết; không chèo kéo và ép giá; không bày bán hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng không rõ nguồn gốc; không bày bán động vật quý hiếm, các thực phẩm không đảm bảo an toàn vệ sinh theo quy định của pháp luật;

e) Không bán vé, thu tiền tham dự lễ hội; hướng dẫn việc đặt tiền lễ đúng nơi quy định; quản lý và sử dụng nguồn thu từ hoạt động lễ hội hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng mục đích.

Điều 8. Tạm ngừng tổ chức lễ hội

1. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký hoặc thông báo được quyền yêu cầu bằng văn bản tạm ngừng tổ chức lễ hội trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức lễ hội sai lệch nội dung, giá trị của lễ hội;

b) Tổ chức lễ hội gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội; vi phạm các quy định về an toàn giao thông, bảo vệ môi trường gây hậu quả nghiêm trọng; gây cháy nổ, làm chết người;

c) Xảy ra thiên tai, dịch bệnh có ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội ở địa phương;

d) Có hoạt động phát tán hoặc truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung bịa đặt về giá trị di sản, truyền thống của lễ hội gây hoang mang trong nhân dân.

2. Ban tổ chức lễ hội tự ngừng hoặc ngừng ngay các hoạt động tổ chức lễ hội theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà

nước có thẩm quyền; kịp thời khắc phục hậu quả, đề xuất phương án tiếp tục tổ chức lễ hội trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Chương II ĐĂNG KÝ, THÔNG BÁO TỔ CHỨC LỄ HỘI

Điều 9. Đăng ký tổ chức lễ hội

1. Lễ hội phải đăng ký với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi tổ chức gồm:

a) Lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề do cơ quan trung ương tổ chức (sau đây gọi là lễ hội cấp quốc gia) được tổ chức lần đầu.

b) Lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề có từ 02 tỉnh trở lên tham gia tổ chức (sau đây gọi là lễ hội cấp khu vực) được tổ chức lần đầu.

c) Lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài được tổ chức lần đầu hoặc khôi phục sau thời gian gián đoạn từ 02 năm trở lên.

2. Lễ hội phải đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi tổ chức gồm:

a) Lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề cấp tỉnh được tổ chức lần đầu hoặc khôi phục sau thời gian gián đoạn từ 02 năm trở lên;

b) Lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề có nhiều huyện thuộc một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tham gia tổ chức (sau đây gọi là lễ hội cấp tỉnh) được tổ chức lần đầu hoặc khôi phục sau thời gian gián đoạn từ 02 năm trở lên.

3. Lễ hội phải đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp huyện trước khi tổ chức gồm:

a) Lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề cấp huyện được tổ chức lần đầu hoặc khôi phục sau thời gian gián đoạn 02 năm trở lên.

b) Lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề có nhiều xã thuộc một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương tham gia tổ chức (sau đây gọi là lễ hội cấp huyện) được tổ chức lần đầu hoặc khôi phục sau thời gian gián đoạn từ 02 năm trở lên.

c) Lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề cấp xã được tổ chức lần đầu hoặc khôi phục sau thời gian gián đoạn 02 năm trở lên.

d) Lễ hội truyền thống cấp huyện, cấp xã được tổ chức hàng năm nhưng có thay đổi về cách thức tổ chức, nội dung, địa điểm so với truyền thống.

Điều 10. Hồ sơ đăng ký tổ chức lễ hội

Hồ sơ đăng ký tổ chức lễ hội bao gồm:

1. Văn bản đăng ký nêu rõ tên lễ hội, sự cần thiết, thời gian, địa điểm, quy mô, nội dung hoạt động lễ hội, dự kiến thành phần số lượng khách mời.

2. Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.

3. Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội.

4. Các tài liệu hoặc văn bản chứng minh về nguồn gốc lễ hội (đối với lễ hội truyền thống).

5. Văn bản đồng ý tổ chức lễ hội tại Việt Nam của Đại sứ quán hoặc Lãnh sự hoặc Tổng Lãnh sự quốc gia, vùng lãnh thổ và văn bản đồng ý của Bộ Ngoại giao (đối với lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài).

Điều 11. Trình tự tiếp nhận hồ sơ đăng ký tổ chức lễ hội quy mô cấp quốc gia, cấp khu vực, lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài

1. Đơn vị tổ chức lễ hội gửi hồ sơ đăng ký đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (trực tiếp, qua bưu điện hoặc nộp trực tuyến) trước ngày dự kiến tổ chức lễ hội ít nhất 30 ngày.

2. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thẩm định nội dung sau:

a) Sự đầy đủ, hợp pháp của hồ sơ;

b) Các chương trình, hoạt động trong khuôn khổ lễ hội;

c) Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường;

3. Trường hợp hoạt động lễ hội có nội dung liên quan đến các bộ, ngành, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản xin ý kiến, tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ và quyết định việc chấp thuận tổ chức hoạt động lễ hội.

4. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Chỉ được tổ chức lễ hội sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 10 Nghị định này, cơ quan tiếp nhận đăng ký phải có văn bản thông báo những nội dung cần bổ

sung. Đơn vị tổ chức lễ hội bổ sung hồ sơ và thực hiện lại trình tự đăng ký theo quy định tại Điều này.

Điều 12. Trình tự tiếp nhận hồ sơ đăng ký đối với lễ hội quy mô cấp tỉnh

1. Đơn vị tổ chức lễ hội gửi hồ sơ đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trực tiếp, qua bưu điện hoặc nộp trực tuyến) trước ngày dự kiến tổ chức lễ hội ít nhất 30 ngày.

2. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thẩm định nội dung sau:

- a) Sự đầy đủ, hợp pháp của hồ sơ;
- b) Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường;
- c) Tính xác thực của tài liệu hoặc văn bản chứng minh; nội dung thực hành nghi lễ truyền thống (đối với lễ hội truyền thống).

3. Trường hợp hoạt động lễ hội có nội dung liên quan đến các bộ, ngành trung ương hoặc các cơ quan, đơn vị ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản xin ý kiến, tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ và quyết định việc chấp thuận tổ chức hoạt động lễ hội.

4. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Chỉ được tổ chức lễ hội sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 10 Nghị định này, cơ quan tiếp nhận đăng ký phải có văn bản thông báo những nội dung cần bổ sung. Đơn vị tổ chức lễ hội bổ sung hồ sơ

và thực hiện lại trình tự đăng ký theo quy định tại Điều này.

Điều 13. Trình tự tiếp nhận hồ sơ đăng ký đối với lễ hội cấp huyện

1. Đơn vị tổ chức lễ hội gửi hồ sơ đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp huyện (trực tiếp, qua bưu điện hoặc nộp trực tuyến) trước ngày dự kiến tổ chức lễ hội ít nhất 30 ngày.

2. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thẩm định nội dung sau:

- a) Sự đầy đủ, hợp pháp của hồ sơ;
- b) Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường;
- c) Tính xác thực của tài liệu hoặc văn bản chứng minh; nội dung thực hành nghi lễ truyền thống (đối với lễ hội truyền thống).

3. Trường hợp hoạt động lễ hội có nội dung liên quan đến các cơ quan chuyên môn hoặc các đơn vị ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có văn bản xin ý kiến, tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ và quyết định việc chấp thuận tổ chức hoạt động lễ hội.

4. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Chỉ được tổ chức lễ hội sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 10 Nghị định này, cơ quan tiếp nhận đăng ký phải có văn bản thông báo những nội dung cần bổ sung. Đơn vị tổ chức lễ hội bổ sung hồ sơ và thực hiện lại trình tự đăng ký theo quy định tại Điều này ♦

CỔ ĐÔ AYUTTHAYA

Bảo Vy
(Sưu tầm và dịch)

Cổ đô Ayutthaya của vương quốc Siam nay gọi là Thái Lan được xây dựng vào năm 1350 SCN, tồn tại trong suốt 417 năm trước khi bị phá hủy và thiêu rụi bởi cuộc xâm lược năm 1767 SCN và từ đó gần như thành phố này đã bị lãng quên trong suốt hàng trăm năm. Theo như các nghiên cứu khảo cổ cùng với những tư liệu lịch sử, người ta đã sử dụng các viên gạch từ những đồng đồ nát của thành phố cho việc xây dựng các bức tường thành, các pháo đài của kinh đô Bangkok ngày nay. Kể từ triều vua Rama IV (1851-1868 SCN) việc trùng tu cũng như xây dựng lại các phế tích với những cung điện, đền đài, cũng như nơi thờ tự đã được chú trọng tuy nhiên mãi cho đến những năm 1970 thì công cuộc khôi phục mới chính thức được thực hiện bởi Cục Mỹ thuật và cũng kể từ đó công tác bảo tồn, gìn giữ và duy trì những giá trị của thành phố luôn được quan tâm.

Ayutthaya được bao quanh bởi sông Chao Phraya, Lopburi và Pha Sak. Ba con sông này bắt nguồn từ phía Bắc, chảy qua thành phố Ayutthaya rồi hợp lại thành sông Chao phraya đổ về hướng Nam Bangkok. Trong suốt thời gian từ năm 1350 đến 1369 SCN, hệ quả của việc nối liền 3 dòng sông này bởi hệ thống kênh đào đã biến thành phố trở thành một hòn đảo có tên gọi “Kho Muang” nghĩa là đảo Ayutthaya.

Các con sông và kênh đào đóng vai trò như một đường hào và là một phần của hệ thống phòng vệ vững chắc của Ayutthaya lúc bấy giờ. Cùng thời điểm đó, việc khai thác các con kênh phục vụ cho mục đích tưới tiêu, lưu thông cũng như những nhu cầu nội địa khác cho thấy những hiểu biết tiên bộ của con người lúc bấy giờ về kỹ thuật trong lĩnh vực công trình thủy văn. Theo các nghiên cứu trước đây, tất cả các cung điện, đền đài và nơi cư ngụ của phần lớn những người có địa vị có lẽ được xây dựng trong khu vực trường thành thì một điều chắc chắn rằng địa bàn cư trú của cộng đồng các nước đến từ Nhật Bản, Bồ Đào Nha và Hà Lan nằm ngoài khu vực trường thành, bên bờ kia của các con sông.



Thành phố lịch sử Ayutthaya được góp mặt trong danh mục Di sản thế giới năm 1991. Và cũng chính trong lòng thành cổ này một công viên lịch sử Ayutthaya đã hình thành dưới sự quản lý của Cục Mỹ thuật. Tuy nhiên Kế hoạch quản lý nguy cơ thảm họa không chỉ áp dụng riêng với khu Di sản thế giới chiếm phần lớn diện tích đảo Ayutthaya mà còn cho toàn bộ hòn đảo này. Theo luật định, không chỉ vùng dự án được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia mà ngay cả khu vực ngoài tường thành nằm phía bờ bên kia hệ thống sông, các khu dân cư hay nhóm các phế tích vẫn được ghi nhận như di tích lịch sử cấp quốc gia.

Lý do khiến các phế tích của nhiều cung điện, đền đài, tường thành, và 2 pháo đài vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay bởi do chúng được xây dựng bằng chất liệu gạch, nhưng thật khó để tìm ra các vết tích còn sót lại của các kiến trúc nhà ở thông thường bởi chúng chủ yếu

được làm từ chất liệu gỗ. Cách đây khá lâu, người ta đã cho xây dựng lại một vài ngôi đền và đưa vào sử dụng. Trải qua rất nhiều thời kỳ kể từ sau triều vua Rama IV, tại khu vực tường thành một công trình mới đã được xây dựng và song hành cùng với các phế tích cổ. Theo các nghiên cứu khảo cổ, con đường Ou Thong được hình thành trên nền móng của phế tích tường thành và bao quanh hòn đảo Ayutthaya.

Những Đặc Trưng Phản Ánh Các Giá Trị Nổi Bật Toàn Cầu

Xét trên phương diện các giá trị, tầm quan trọng cũng như giá trị nổi bật toàn cầu (OUV) của tài sản Di sản thế giới thuộc vùng dự án. Người ta có thể phân các giá trị được phản ánh qua các đặc trưng làm bốn loại hình giá trị Di sản sau:

- Giá trị về khảo cổ được thể hiện qua các đặc trưng

+ Các phế tích khảo cổ trên mặt đất với cung điện, cùng những ngôi đền lớn

+ Các dấu vết khảo cổ trong lòng đất

+ Bảo tàng quốc gia Chao Sam Phraya là nơi lưu trữ các bộ sưu tập có giá trị lớn đặc biệt là các bộ trang sức bằng vàng cũng như các vật dụng Hoàng gia

+ Các phế tích khảo cổ trên mặt đất với các đền đài nằm ngoài khu Di sản thế giới

+ Các dấu vết trong lòng đất nằm ngoài tài sản Di sản thế giới

Các phế tích cùng những dấu vết được đề cập cho thấy rằng toàn bộ tài sản Di sản thế giới có thể được xem như một quần thể khảo cổ.

- Giá trị về kiến trúc

+ Các công trình cổ như văn phòng khu vực FAD, văn phòng thống đốc cũ, bảo tàng quốc gia Chankasem bao gồm các công trình cổ qua nhiều thời kì, nhà tù Tỉnh ủy, bưu điện được thiết kế với lối kiến trúc hiện đại,...

+ Các đền đài và nhà thờ hiện vẫn đang được sử dụng

+ Chợ “Hao raw” mang lối kiến trúc hiện đại, đóng vai trò quan trọng trong đời sống thường nhật của người dân tại hòn đảo Ayutthaya

+ Các công trình mang tính bản địa nằm dọc theo khu vực bờ sông

- Giá trị về đô thị

Giá trị về mặt đô thị có thể được biểu hiện qua các kiến trúc đô thị cổ tại Ayutthaya mà hiện vẫn tồn tại cho đến nay bao gồm:

+ Hệ thống thủy văn. Một vài công trình thủy lợi hiện còn nguyên vẹn và vẫn giữ vai trò như chúng đã từng trong quá khứ, trong số đó có thể kể đến những kênh đào lớn

+ Dấu tích hệ thống các pháo đài như trường thành, pháo đài “Phom phet”

+ Dấu vết về các lối mòn cũ

- Giá trị phi vật thể

+ Các công trình Phật giáo có thể dễ dàng được tìm thấy tại các đền đài hiện vẫn đang được sử dụng cũng như tại các vết tích đền cổ mà thỉnh thoảng trở thành nơi thờ cúng thiêng liêng của người dân địa phương

+ Phong tục địa phương và truyền thống

+ Các ngành nghề thủ công/ sản xuất truyền thống văn hóa như bánh Roti với thành phần là sợi kẹo bông, các món đồ chơi bằng vải...

+ Tri thức về loài voi

Rõ ràng, một đặc trưng có thể chứa đựng nhiều hơn là một giá trị. Lấy ví dụ, các vết tích với các pháo đài không chỉ mang giá trị khảo cổ và đô thị mà có lẽ còn cả giá trị về kiến trúc. Hơn thế nữa, nếu phân tích sâu hơn, chúng ta sẽ xác định được các giá trị khác. Do đó, các đặc trưng của vùng nghiên cứu nên được chú trọng nghiên cứu ♦

Nhà xuất bản Đà Nẵng
Lô 103 - Đường 30 Tháng 4 - Thành phố Đà Nẵng
ĐT: 0236 3797874 - 3797823 * Fax: 0236 3797875

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc TRƯƠNG CÔNG BẢO
Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập NGUYỄN KIM HUY
Biên tập : HUỲNH KIM HÙNG

Thực hiện liên kết xuất bản: **Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An**
ĐC: 10B - Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam

Thư cảm ơn

Thực hiện tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản số này, Ban Biên soạn đã nhận được tin, bài cộng tác của các tác giả: Đỗ Bang, Lê Duy Sơn, Nguyễn Đức Minh, Huỳnh Đông, Lê Viết Hai, Trần Xuân Mẫn, Trương Nguyên Ngã, Nguyễn Văn Lanh, Nguyễn Chí Trung, Trần Văn An, Tống Quốc Hưng, Nguyễn Hoài Quảng, Huỳnh Quốc Hải, Trần Thanh Hoàng Phúc, Trần Phương, Phạm Phước Tịnh, Lê Thị Tuấn, Lê Thị Ngọc Hương, Trần Thị Lệ Xuân, Huỳnh Thị Bảo Vy, Lê Thị Lưu, Nguyễn Thị Kiều Li, Nguyễn Thị Mẫn Vy, Trần Dương Vi Thảo, Đào Thị Diệu Châu, Trần Văn Sang, Nguyễn Văn Thịnh, Võ Hồng Việt.

Do khuôn khổ tập Thông tin có hạn nên Ban Biên soạn không thể đăng hết những bài đã nhận. Những bài còn lại Ban Biên soạn sẽ tiếp tục đăng ở số tiếp theo.

Ban Biên soạn xin trân trọng cảm ơn và rất mong tiếp tục nhận được sự cộng tác của quý tác giả.

Bìa 1: Tranh màu nước chủ đề “Bình yên”, Tác giả: Thái Tuấn Hoàng

Bìa 4: Lễ hội Cầu Bông ở Trà Quế, Ảnh: Tư liệu lưu trữ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An

In 300 cuốn, khổ 19 x 27cm, tại Công ty cổ phần In - Phát hành sách và TBTH Quảng Nam
- 260 Hùng Vương, TP.Tam Kỳ. ĐT: 02353.859367. Email: Chebaninqnam@gmail.com.

Số ĐKXB: 277-2019/CXBIPH/03-10/ĐaN. GPXB số: 94/QĐ-NXBĐaN

do Nhà xuất bản Đà Nẵng cấp ngày 24/01/2019. Mã số ISBN: 978-604-84-3848-7.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 01/2019.